



CHÁNH PHÁP

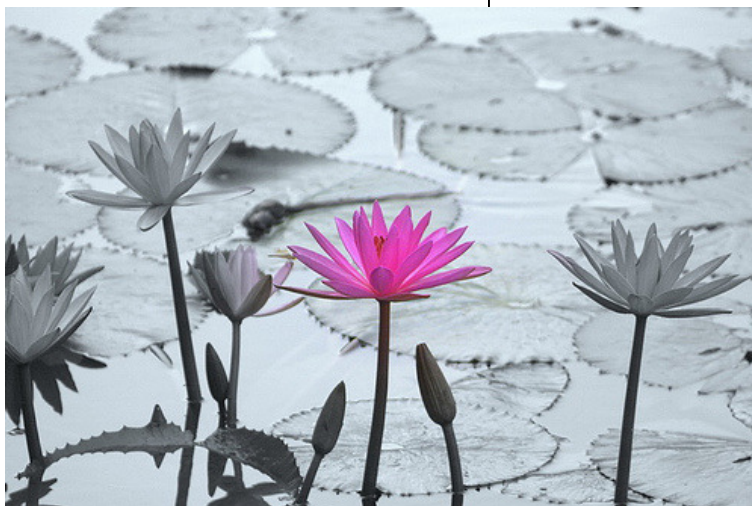
PHÁT HÀNH MỖI ĐẦU THÁNG

HOÀNG PHÁP — TIN TỨC PHẬT SỰ — VĂN HỌC PHẬT GIÁO

SỐ 14 - THÁNG 6.2010

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- HOA SÚNG TỎA HƯƠNG (thơ Thích Tín Nghĩa), trang 1
- CON PHẬT (Vĩnh Hảo), trang 1
- GIÁO LÝ XÃ HỘI và CHÍNH TRỊ CỦA PHẬT GIÁO (HT. Thích Trí Chơn), tr. 2
- TRĂNG KHUYA, NGHE KINH, NHƯ THƯỜNG, VÔ ĐỀ (thơ Nhật Trí), tr. 2
- VÌ HẠNH PHÚC và AN LẠC CHO MỌI NGƯỜI (HT. Thích Thiện Siêu), trang 4
- KỆ TÂM PHẬT (Tâm Thường Định dịch), trang 5
- ĐẠO PHẬT và HÒA BÌNH (Tâm Không – Vĩnh Hữu), trang 7
- XÂY DỰNG HẠNH PHÚC GIA ĐÌNH (HT. Thích Thắng Hoan), trang 8
- MỘT ĐÊM (thơ Viên Quang), trang 9
- THE THREE CARTS and THE BURNING HOUSE (Bạch Xuân Phê dịch), trang 9
- CHÂN TÌNH ĐÔI BẠN TÂM GIAO... (Tịnh Minh soạn dịch), trang 10
- QUẢ BÁO CỦA ÁC KHẨU (Thiện Long – Hàn Long Ân), trang 11
- HÓA SINH (thơ Vĩnh Hảo), tr. 11
- LOGIC HỌC TRONG PHẬT GIÁO – tiếp theo (Hoàng Phong), trang 12
- MÙA HOA VÔ ƯU NỞ (thơ Thích Đồng Trí), trang 13
- HỌC KINH DUY-MA-CẬT (Tâm Minh – Vương Thúy Nga), tr. 14
- PHẬT ĐÃ VỀ (thơ Thiện Long – Hàn Long Ân), trang 15
- VIÊN NGỌC NHƯ Ý (Thị Giới dịch), trang 15
- ĐỆ TỬ TĂNG THÔNG, DALAI LAMA (thơ Du Tâm Lăng Tú), trang 16
- KHÁT KHÔNG UỐNG NƯỚC (Tâm Minh – Ngô Tăng Giao), trang 16
- TIẾNG CHUÔNG CHÙA (Mã Nhược Mai), trang 16
- LỊCH TRÌNH TRIỂN LÃM PHẬT NGỌC NĂM 2010 & 2011, tr. 17
- ƯỚC MƠ MIỀN CỎ ĐẠI (truyện ngắn Lam Khê), trang 18
- NGƯỜI TÌM HƯ VÔ (thơ Bùi Vĩnh Hưng), trang 18
- SỰ THA THỨ (Nhật Tịnh dịch), trang 19
- CĂN NHÀ, NGÀN NĂM HOA VẪN NỞ, TRƯA HÈ (thơ Huyền Vũ), trang 19
- CHÁNH TÍN và MÊ TÍN... (Huỳnh Kim Quang), trang 20
- MỘT NGÀY TRỜI QUA, MƯA CHIỀU, SẮC MÀU, CHIỀU (thơ Tường Vân), trang 21
- LỄ HỘI PHẬT ĐẢN NĂM 2010 của CỘNG ĐỒNG PHẬT GIÁO NAM CALIFORNIA (Nguyễn Triều), trang 22
- TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI (Diệu Âm lược dịch), trang 25



Vu Huynh

HOA SÚNG TỎA HƯƠNG

*Bước chân vào chốn thiền đường,
Từ Đàm Hải Ngoại ngát hương tỏa đầy,
Xanh, vàng, đỏ, trắng hây hây,
Toàn là hoa súng đong đầy mùi hương.
Sớm hôm chuông mõ cát tường,
Nhất tâm hướng dẫn thập phương tu hành,
Tặng ni Phật tử một lòng,
Chung lo Phật pháp, phước phần tính sau.
Mùi hương hoa súng đượm màu,
Tỏa cùng pháp giới, với bao ưu phiền.*

*Trước chùa hoa súng nở ngát hương,
Dâng đức Bốn sư, nguyện cúng dường,
Tinh khiết mùi hoa theo làn gió,
Tâm thành nhất niệm, biến thập phương.*

THÍCH TÍN NGHĨA

CON PHẬT — Vĩnh Hảo

Trôi lặn từ muôn kiếp nào. Không nhớ, không biết. Hễ cứ sinh ra thì tiếp tục trôi lặn. Tiền tài, sắc đẹp, danh vọng. Phải gắng sức học hành, thi cử, làm lụng, lao tâm khổ trí, tốn hao thời gian để có được những thứ ấy. Có khi vì bất tài hoặc vì kém may mắn, phải tìm cách chiếm đoạt từ kẻ khác, nơi khác, làm khổ người để được phần mình. Được rồi thì ăn ngon, ngủ kỹ. Những thú vui khác lần lượt xuất hiện, lôi kéo mình vào cuộc sống hưởng thụ xa hoa, không còn nhớ nghĩ đến niềm đau nỗi khổ của kẻ khác.

Một hôm mỏi mệt, dừng bước bên hiên chùa, lắng nghe một bài kinh, nghiền ngẫm một câu pháp. Bất chợt bừng ngộ. Bao nhiêu kiếp đời trầm luân, bao nhiêu năm tháng mê muội, chỉ trong một chớp mắt, tự thành một mặt trời rực sáng rồi vỡ thành tro bụi rơi xuống thêm không môn. Từ đó quay về với Phật, trọng Pháp, kính Tăng, thấy rõ con đường để cắt những bước chân hướng đến giải thoát tối thượng. Cũng từ đó được mệnh danh là Phật-tử, là con của Phật. Đứa con này được sinh ra từ miệng của Phật, do từ lời vàng của Phật mà hóa sinh. Bởi là con của Phật, biết tự tâm vốn hàm tàng hạt giống của Như Lai, biết mình có thể nương nơi Pháp, dựa nơi Tăng, mà chăm bón và phát triển hạt giống ấy. Nếu hạt giống không có sẵn, dù trải muôn triệu kiếp nỗ lực luân tu, vẫn không thể nào trở thành Phật như

Phật. Nếu không tin và thực hành Pháp, dù trải muôn triệu kiếp kính Phật, vẫn không thể nào trở thành Phật như Phật. Nếu không kính Tăng, không thân cận Tăng mà học hỏi như những bậc thầy thay mặt Phật hướng dẫn đi đường, dù trải muôn triệu kiếp tin Phật tin Pháp, vẫn không thể nào bước được những bước chân vững chãi đến giác ngộ an vui.

Là con Phật, thật hạnh diện, thật hạnh phúc. Trôi lặn bao nhiêu đời kiếp, học hỏi bao nhiêu đạo sư, chưa thấy ai cho mình niềm tự tin về phẩm tính siêu việt sẵn có, về khả năng thành Phật của mình, như là đức Phật.

Làm con Phật, chắc chắn sẽ thành Phật. Tin và hiểu thâm sâu điều này, tức là chuẩn bị đầy đủ hành trang cho chuyến viễn trình tiến về Phật quả. Nếu không tin, không hiểu, và không làm những việc phù hợp với phẩm tính Phật của mình, thì dù tại gia hay xuất gia, cũng chỉ là lạm xưng, không thể tự nhận là con Phật.

Bởi vậy trong hiện đời, khi có thể khẳng định mình là con Phật, phải sống như là một người con hiếu. Hiếu này không phải là phụng dưỡng cha lành, mà chính là chăm bón, tưới tẩm và phát triển hạt giống Phật của mình. Đứa con hiếu ấy, nếu không nói được những gì Phật nói, hãy im lặng như Chánh Pháp, đừng nói những lời ác, xuyên tạc, bịa đặt, vu khống, làm tổn hại kẻ khác; nếu không làm được

những gì Phật làm, hãy im lặng và lắng nghe, quan sát, học hỏi những thiện tri thức, đừng vọng động làm những điều thương tổn đến tha nhân; nếu không suy nghĩ được như Phật, hãy lắng tâm, tịnh mặc, đừng dấy khởi những ý niệm thị phi, nhân-ngã, hơn-thua, chỉ gieo khổ đau đến người và làm tiêu mòn công đức của mình.

Con Phật là ai? - Là kẻ biết nghĩ điều lành, nói điều lành, làm việc lành. Đơn giản vậy thôi.

Ơi, kẻ lữ hành lang thang, nay đã trở về ngôi nhà yên ấm, còn phóng tâm vọng cầu nơi đâu, uống phí gia tài của cha lành!



Trăng Khuya

*Đêm mười bảy lững lờ treo vách núi
rơi vào đây nẻo u tối mênh mông
trăng khuya còn sáng soi màu cỏ biếc
để trần gian vẫn nặng khối thù ân.*

*Đường lữ thứ cưu mang niềm tủi nhục
khi 'Huyền đường' cô quạnh góc trời quê
bên sông cửa đường như ngời xõa tóc
dáng mẹ hiền muôn thuở-vẫn chiêm bao.*

*Người còn đó chưa một lần thăm lại
đã nhiều năm khoắc khoải nhớ thương con
nét già nua đếm thời gian tóc bạc
đợi con về khi tuổi hạc đã lên cao!*

*Tàng cổ thụ che đàn chim mỏi cánh
xác xơ khi chúng vội vã bay đi
chữ bên ấy hoa tầm xuân có nở?
quận lòng ai-tim nhớ "nhát hư vô"*

Nghe kinh

*Nghe bốn chú điệu, tối tụng kinh
Hồi tưởng ngày xưa ở tuổi mình
Trẻ thơ đẹp quá như trang giấy
Bây giờ nhìn lại... vẫn mới tinh.*

Như thường...

*Thức giấc khi trời dầm ướm sương
Ngoài hiên cảnh vật vẫn như thường
Ngày đi đêm đến trong vô thức
Chợt thấy càn khôn động trong sương!*

Vô đề

*Sáng đưa mây điếu qua trường học
Chiều về rước vội kéo mưa rơi
Theo vết xe đạp về Bát Nhã
Bất chợt thấy mình đã đến nơi!*

NHẬT TRÍ



GIÁO LÝ XÃ HỘI VÀ CHÍNH TRỊ CỦA PHẬT GIÁO

Nguyên tác Đức ngữ: **Ernst Benz**

Dịch ra Anh văn: **Richard & Clara Winston**

Chuyển ngữ: **HT. Thích Trí Chơn**

Tín đồ Thiên Chúa luôn luôn nhận thấy rằng Thánh Kinh của họ cho tới nay lúc nào cũng gây ảnh hưởng quyết định đến đời sống chính trị và xã hội tại các quốc gia theo Thiên Chúa. Họ dành ngân khoản để cấp học bổng trong việc nghiên cứu các vấn đề này. Những phân khoa thần học Thiên Chúa giáo đã đào tạo giáo sư dạy các môn đạo đức xã hội và tôn giáo xã hội học. Nhiều cơ quan giáo dục Thiên Chúa đã nghiên cứu những phương pháp để giải quyết các vấn đề xã hội hiện đại theo tinh thần đạo đức Thiên Chúa Giáo.

Phần đông tín đồ Cơ Đốc tỏ vẻ hoài nghi với cái cười nhạo báng khi họ nghe nói đến chính trị hay đạo đức xã hội của Phật Giáo. Hơn một thế kỷ qua, các giáo đoàn Thiên Chúa tại Á Châu đã không ngừng đề cập đến sự "Đời bại của Phật Giáo" và khẩu hiệu đã được duy trì vững chắc đến nỗi rất khó cho các tín đồ Thiên Chúa nhận thấy, tin tưởng rằng trong Phật Giáo bao hàm những giáo lý thực tiễn về chính trị hay xã hội. Không ai ngạc nhiên, nghi ngờ khi một dân biểu quốc hội Hoa Kỳ hay Anh Quốc trích dẫn lời dạy trong Thánh kinh để biện minh cho những đề nghị lập pháp của họ; không người nào thắc mắc đặt nghi vấn về sự thành thực và nghiêm chỉnh của ông ta trong hành động đó, và cũng không ai chống đối dự luật do ông ta soạn thảo. Tuy nhiên, người ta xem như là hình thức lưỡng gạt ở đông phương khi một chính trị gia Á Châu, trong trường hợp tương tự như thế, đề cập đến giáo lý đức Phật hay trích dẫn những lời dạy của Ngài trong kinh điển Phật Giáo.

Thái độ này đã góp phần lớn vào sự hiểu lầm giữa các quốc gia Á Châu và Tây Phương. Hơn nữa, người đông phương có lý do chính đáng để nghi ngờ các nhà chính trị Châu Âu khi bênh vực những đề nghị bởi giáo lý Thiên Chúa của họ, vì có nhiều sự mâu thuẫn giữa lý thuyết và thực hành thường thấy xảy ra trong thế giới Thiên Chúa hơn là Phật Giáo. Đạo đức Thiên Chúa phát xuất từ ý tưởng thần học chú trọng đến việc con người làm sao lên được nước Chúa (Thiên Đàng) sau khi chết. Đạo đức Phật Giáo, trái lại, tương đối đơn giản, đầy nhân tính, dễ dàng thực hành, vì đó là những điều răn đạo đức. Trong các chương trước, sự thảo luận của chúng tôi chứng tỏ rằng chương trình cải cách của Phật Giáo được xây dựng trên những nguyên tắc rõ ràng về đạo đức xã hội mà người Phật tử muốn thấy chúng bao hàm trong các sinh hoạt chính trị và kinh tế.

Lại nữa, nếu chúng ta tìm hiểu trực tiếp hơn đến bản chất đặc biệt về ý tưởng đạo đức xã hội của Phật Giáo, chúng ta gặp phải khó khăn là hình như nó xác nhận sự có thành kiến của Thiên Chúa giáo. Mục đích giải thoát của người Phật tử không phải là thiên đường nước Chúa sau khi chết với ảnh hưởng của nó trong đời sống hiện tại mà là cảnh giới Niết Bàn: đoạn dứt lòng ham

muốn đời sống thế tục, thế nhập tinh thần quán chiếu vạn pháp đều không và giải thoát vòng sanh tử luân hồi.

Sự giác ngộ bao hàm nhận thức cuộc sống là vô thường huyền mộng, vạn vật đều giả dối không thực mà chúng ta vì vô minh đã đắm say, được xem như điều quan trọng con người cần phải thành tựu đạt tới trên thế gian này. Với ý tưởng thoát tục như thế làm sao Phật Giáo có thể đưa ra những lời giáo huấn liên quan đến chính trị và xã hội? Phải chăng mọi sinh hoạt đời sống chính trị và xã hội sẽ không phù hợp với một thế giới mà trong đó người Phật tử chỉ mong đi tìm cuộc sống ẩn tu để được giải thoát? Với cái nhìn trong mục đích cao siêu như vậy, phải chăng Phật Giáo sẽ không phù nhận mọi vấn đề liên quan đến chính trị và xã hội?

Các nhà Phật Học Tây Phương thực sự đã biện minh như vậy khi họ thảo luận về ý thức hệ xã hội và chính trị của Phật Giáo: "Tư tưởng Phật Giáo trong ý nghĩa hẹp nhằm hướng dẫn con người giải thoát khỏi cuộc sống thế gian vô thường cho nên đạo Phật không chú ý nhiều tới các vấn đề liên quan đến thế giới tạm bợ này cũng như không bao giờ bàn cãi bất cứ các lãnh vực nào có dính dáng tới chính trị" (Sarkisyanz).

Hơn nữa, ý tưởng đạo đức và chính trị của Phật Giáo rõ ràng có sự tùy thuộc vào quan niệm Niết Bàn như là mục đích của con đường giải thoát. Và theo tinh thần Phật Giáo Nam Tông (Nguyên Thủy), sự giải thoát đó không do Chúa Cứu Thế mang lại mà nhờ bởi nỗ lực tu tập thiền định của cá nhân. Cho nên chúng ta được trình bày với một lý tưởng chính trị đặc biệt là muốn đạt tới cuộc sống xã hội như thế, những người dân trong quốc gia theo Phật Giáo nên chuyên tu thiền định. Do đó, giáo lý đức Phật đã chỉ dạy một lý tưởng Phật Giáo nhằm mang lại nguồn an lạc, hạnh phúc cho con người. Nhà xã hội học Châu Âu, ông Max Weber, khi thảo luận về ý tưởng chính trị và xã hội Phật Giáo, đã trình bày tiêu chuẩn an lạc này của Phật Giáo như là "nhằm giúp phương tiện cho sự giải thoát, chứ không phải nghĩ đến quyền lợi kinh tế".

Quan điểm này của Weber không hoàn toàn đúng hẳn. Ngay cả những hình thức cổ xưa của chính quyền hoàng gia Phật Giáo vào thời kỳ trước khi có chế độ thực dân đều lưu tâm đến vấn đề xã hội. Những vị vua Phật tử được xem như các nhân vật lãnh đạo chính yếu của quốc gia, và họ nỗ lực thực hành hạnh nguyện Bồ Tát nhằm hướng dẫn thần dân trong nước đi theo con đường giải thoát. Là những vị Bồ Tát, các đức vua không những chỉ nêu gương lành cho mọi người mà thực sự còn cứu giúp cho tất cả dân chúng. Lòng từ bi của vị Bồ Tát bao gồm hành động dùng sự giải thoát của chính mình để giúp đỡ những kẻ khác cùng đạt đến quả vị giải thoát. Cho nên nhà vua không chỉ mình tọa thiền mà ông ta còn có bổn phận hướng dẫn dân chúng tu tập thiền định; bởi chỉ có thiền định mới giúp hành giả đạt tới cảnh giới Niết Bàn. Do đó, nhà vua ít ra cần chứng tỏ cho



mọi người dân trong nước thấy rằng họ sẽ được đức vua nghĩ tới và chăm sóc.

Dĩ nhiên chúng ta không thể đánh giá ngang bằng ý tưởng thời xưa về cuộc sống an lạc với tổ chức đời sống kinh tế của xã hội kỹ thuật Tây Phương ngày nay. Những khó khăn vì những điều kiện khí hậu, mức sống thấp kém và sự thiếu tổ chức của nhà cầm quyền đã dẫn đến tình trạng dân chúng thấy rằng không dễ gì áp dụng hoàn toàn lý tưởng Phật Giáo này. Thực vậy, nó chỉ có thể thực hiện được trong một lãnh vực giới hạn mà thôi.

Chính vì lý do ấy, chúng ta cần chú ý nghiên cứu đến tổ chức của đời sống Tăng Già nơi tu viện Phật Giáo. Thiên định chỉ có thể mang lại sự giải thoát cho những ai tu tập tại các chùa. Thực vậy, chư Tăng luôn luôn là sợi giây liên lạc chủ yếu trong các cộng đồng Phật tử, giữa cá nhân tu tập với hoàn cảnh xã hội bên ngoài. Những tu viện Phật Giáo Nam Tông không phải là nơi ẩn tu của những người phát nguyện làm Tăng sĩ suốt đời. Sự phát tâm vào chùa tu trọn đời không mấy được phổ biến tại các quốc gia Phật Giáo Nguyên Thi (Hinayana). Nhà sư nào muốn ở tu một thời gian lâu trong chùa, hằng năm họ phải gặp trình bày cho vị trú trì - người thường khuyên họ nên hoàn tục - biết rõ ý định ấy để xin được phép kéo dài cuộc sống tăng sĩ.

Ngoài ra, mọi người trong nước có tục lệ vào chùa tu vài tháng để học hỏi giáo lý, sống hạnh khắc khổ và tu tập thiền định. Chư Tăng sống bằng phương cách đi khất thực. Mỗi sáng nhà sư mang bình bát đi ra ngoài xin thức ăn. Trong chùa Nam Tông không có bếp. Các thầy khi đi khất thực sẽ nhận bất cứ vật thực gì do thí chủ cúng dường. Như vậy, chế độ tu viện Phật Giáo đã tạo nên sự hoà hợp xã hội, và các quốc gia theo Phật Giáo tin tưởng sẽ bảo đảm các điều kiện trong đó sự hoà hợp có thể thực hiện được. Quốc gia ấy cần phải khá đủ phồn thịnh hầu có thể cung cấp hằng ngày các phần cơm để bát cho những nam cư sĩ Phật tử tự nguyện vào chùa tu trong một thời gian ẩn định và dĩ nhiên, số người này không tham gia vào công việc sản xuất. Tập Niên Sử "Lâu Đài Pha Lê" (Glass Palace Chronicle) của Miến Điện ghi chép rằng trách nhiệm của nhà cầm quyền là duy trì các điều kiện nhằm giúp đỡ sự cúng dường những ai muốn tu tập hướng về con đường giải thoát.

Do lối thực hành trên, những nhà phê bình Tây Phương phủ nhận sự có mặt của lý tưởng đạo đức xã hội Phật Giáo, đã kết luận rằng căn bản việc làm từ thiện của Phật Giáo là ích kỷ, vì hành động bố thí đó chỉ được xem là đạo đức khi nó giúp cho cá nhân giải thoát. Max Weber lý luận rằng tình thương nhân loại không thể phát triển ngoài việc làm từ thiện của Phật Giáo, khi mà lòng từ bi rộng lớn được Phật Giáo xem như phương tiện giúp người Phật tử tiến trên con đường giải thoát và chấm dứt sanh tử luân hồi. Tuy nhiên, mục đích sau cùng này được ghi nhận như là hành động không chú ý tới những kẻ khác; bởi vậy, Phật Giáo thiếu ý thức về xã hội

trong cái nghĩa hành động đạo đức xã hội liên quan tới "giá trị cùng tột của linh hồn cá nhân". Nhưng lối suy luận này là sự hiểu lầm của Tây Phương về đạo đức Phật Giáo. Và nó đã được chứng minh bằng các sự kiện lịch sử.

Nền đạo đức xã hội Phật Giáo đã được phơi bày một cách bi đát khi Tích Lan và Miến Điện bị sát nhập vào đế quốc thực dân Anh và hai quốc gia trước kia theo Phật Giáo này đã phải giao tiếp với những hoạt động kinh tế của tây phương. Chúng tôi đã thảo luận vấn đề này liên quan đến Tích Lan khi chúng tôi chú ý đến thói quen sinh hoạt kinh tế thầm lặng của các quốc gia Phật Giáo, không bao giờ phù hợp với đường lối kinh tế của những nước tư bản. Lý do thực dân Anh muốn sát nhập một phần lãnh thổ của Miến Điện vào Anh quốc khiến cho vị vua Miến cuối cùng đã huỷ bỏ sự nhượng bộ đất đai cho một công ty người Anh. Những tên xâm lược thực dân Anh muốn để cho Miến Điện tự do cạnh tranh về kinh tế, nhưng cũng như trường hợp của Tích Lan, dân chúng Miến vì sự cản trở bởi ý tưởng Phật Giáo, nên họ đã không thể tích cực tham gia.

Ý nghĩ cho rằng sự phồn thịnh của cá nhân chỉ có thể gặt hái được do hành động bóc lột, gây đau khổ cho những kẻ khác, tiếp tục ảnh hưởng đến quan niệm sống của người dân Miến trong xã hội có nền kinh tế tự do cạnh tranh. Với làn sóng xâm nhập vào Tích Lan và Miến Điện của các thương gia Ấn Độ, sự xung đột về ý tưởng kinh tế và đạo đức xã hội càng được phát triển mạnh mẽ do sự khác biệt, chống đối về chủng tộc và quốc gia. Theo chân những tên xâm lược Anh quốc, các thương gia Ấn Độ này đã bóc lột, thu nhiều quyền lợi trong xã hội của những quốc gia Phật Giáo đó.

Max Weber từ lâu đã trình bày cho thấy với xã hội áp dụng luật lệ của Ấn Độ giáo, nền kinh tế phát triển tốt đẹp hơn là trong xã hội theo đạo đức Phật Giáo Nam Tông, và bảo rằng ý tưởng đạo đức của Ấn độ giáo thích hợp hơn trong một xã hội kỹ nghệ hoá. Những người trong giai cấp thượng gia theo Ấn giáo có thể sống dựa vào truyền thống phân chia giai cấp đã có hàng nghìn năm trước. Họ quen thuộc với những kỹ thuật, lối sống tiết kiệm tiền bạc và rành rẽ các dịch vụ giao thương buôn bán. Hơn nữa, phần lớn những kế hoạch phát triển kỹ nghệ và thương mại tân tiến tại Miến Điện và Tích Lan được khởi đầu dưới chế độ cai trị của thực dân Anh và hoàn toàn tùy thuộc vào sức lao động của các di dân Ấn Độ kể từ khi chính những người dân Miến không thể thích nghi được với đường lối làm việc của tây phương.

Hầu hết những tình trạng căng thẳng chính trị tại Miến Điện và Tích Lan, những hành động thù nghịch của dân chúng Tích Lan và Miến Điện đối với các di dân Ấn Độ đều phát xuất từ sự mâu thuẫn giữa ý tưởng Phật và Ấn Độ giáo trong các vấn đề kinh tế. Cho đến ngày nay, những người dân Ấn sinh sống tại hai quốc gia đó vẫn còn cảm thấy đã thừa hưởng một di sản bất lợi từ thời kỳ của chế độ thực dân Anh quốc.

Tại Miến, trước khi bị thực dân Anh xâm chiếm, người dân không có quyền sử dụng tài sản do di chúc để

lại. Phật giáo ngăn cấm việc làm di chúc. Sự thừa hưởng di chúc do chính quyền Anh quốc mang vào đã phát triển, khuyến khích việc tập trung tài sản. Cùng lúc, sự nhập cảng hàng hoá kỹ nghệ của Anh quốc đã phá huỷ nền thủ công nghệ cổ truyền của Miến Điện vốn được xây dựng lâu đời trên nền tảng kinh tế ung dung nhàn hạ, không hối hả cạnh tranh của Phật Giáo.

Những nguyên tắc đạo đức xã hội của nền Phật Giáo Tích Lan canh tân cải cách đặc biệt được trình bày trong tác phẩm của ông D.C. Vijayavardhana, một nhà văn kiêm điền chủ Tích Lan, đã kết hợp sâu xa tinh thần Phật Giáo với kiến thức rộng rãi của nền giáo dục tiến bộ Tây Phương. Ông ta mới qua đời khoảng vài năm trước. Vợ ông hiện giữ chức bộ trưởng kinh tế của chính phủ Tích Lan.

Tác phẩm của Vijayavardhana mang tựa đề "Cuộc Nổi Loạn trong Chùa" (The Revolt in the Temple) phát hành tại Colombo (Tích Lan) năm 1953. Tác giả đề cao đức Phật như nhà cách mạng tiền phong, đã chống đối tư tưởng Bà La Môn giáo trong việc khống chế, lãnh đạo tinh thần xã hội đương thời. Ông trình bày sự cải cách sâu rộng của đức Phật đã huỷ bỏ hệ thống giáo lý Bà La Môn trên lập luận bốn điều căn bản dưới đây:

1. Các tu sĩ Bà La Môn đã hạn chế lời giáo huấn về tình thương của họ, chỉ dành riêng cho con người, trái lại, giáo lý đức Phật dạy lòng từ bi bao trùm khắp mọi chúng sanh. Đặc biệt Ngài chống giáo lý Bà La Môn chủ trương giết súc vật để tế thần.
2. Đức Phật đã huỷ diệt sự cường bức cúng lễ trong giáo lý Bà La Môn. Ngài cứu con người thoát khỏi sự khống chế của các tu sĩ, không còn tin vào sự làm môi giới của họ giữa thần linh và con người, cũng như giúp con người thoát khỏi sự nô lệ giáo điều chủ nghĩa và nghi lễ của hàng tu sĩ.
3. Bằng hành động chống đối hệ thống giai cấp của Bà La Môn, đức Phật đã trở thành nhà cải cách xã hội vĩ đại nhất vào thời kỳ Ngài đang sống. Giáo lý của đức Thế Tôn nhằm hướng dẫn tất cả mọi tầng lớp dân chúng chứ không dành riêng cho một giai cấp hay nhóm người nào.
4. Đức Phật không chấp nhận tín điều độc đoán. Ngài chống lại giáo lý thần quyền, và dành cho con người hoàn toàn tự do tìm hiểu mọi vấn đề một cách độc lập cũng như thấu triệt, đạt đến chân lý bằng nỗ lực của chính họ.

"Phủ nhận Thượng Đế là đấng toàn năng, chối bỏ linh hồn là bất tử và tuyên bố sự thường còn là điều ảo tưởng; đức Phật với giáo lý thực tiễn cao siêu và cuộc sống đạo đức thánh thiện của Ngài đã triệt hạ quyền uy của giai cấp đạo sĩ Bà La Môn. Bằng sự thuyết minh giáo lý dạy rằng mọi người có thể tu hành để đạt đến quả vị giải thoát, và duy nhất chỉ tự mình thực hành chứ không cần nhờ đến sự trung gian, làm môi giới của hàng tăng lữ hay cầu xin ý lại vào các thần linh, đức Phật đã kính trọng, đề cao khả năng của con người, và đóng đậy cất lên tiếng nói của đạo đức".

Điều thứ ba mà học giả Vijayavardhana muốn nhấn mạnh là: "Đức Phật..... phủ nhận việc các tu sĩ Bà La Môn nắm

giữ chìa khoá các cửa lên cõi trời (thiên đàng). Với Ngài, mọi người đều bình đẳng. Đức Phật chỉ trích mạnh mẽ lối lập luận trẻ con của các đạo sĩ Bà La Môn tin tưởng rằng đấng Phạm Thiên (Brahma) đã phân chia xã hội con người thành những giai cấp được ấn định trước và nhiều người trong đó thuộc giai cấp cùng đinh suốt đời phải chấp nhận làm nô lệ, chứ không cần đấu tranh hay chống đối làm gì vô ích. Trong khi giáo lý Áo Nghĩa Thư (Upanishads) của Bà La Môn đề cao, tán đồng sự phân chia giai cấp; đức Phật trái lại đã phá huỷ tận cùng nền tảng hệ thống giai cấp.....Cuộc cách mạng của đức Phật được xem như triết để và toàn diện vì Ngài đã đánh đổ tất cả những tà thuyết và giai cấp bất công trong xã hội đương thời. Yếu điểm của giáo lý đức Phật có thể nói là nhằm phục vụ, mang hạnh phúc an lạc đến cho con người; ngoài ra, các vấn đề khác đối với Ngài là thứ yếu".

Nhằm biện minh cho lập luận này, Vijayavardhana đã trích dẫn một đoạn trong cuốn sách "Tinh thần Phật Giáo" (The Spirit of Buddhism) của học giả Sir Hari Singh Gour như sau: "Đức Phật không chỉ là nhà tiên phong đưa ra một hệ thống xã hội mới mà Ngài còn là nhân vật đã kiện toàn xây dựng xã hội cải cách đó. Chính đức Phật là nhà cách mạng đầu tiên đã chú trọng sự bình đẳng giữa mọi người, tình huynh đệ và nhân loại thế giới. Chính Ngài đã lên án hành động giết hại sinh vật để tế thần, dạy con người về giá trị của những công tác từ thiện xã hội. Chính đức Phật đã giải phóng con người thoát khỏi sự nô lệ cuồng tín tôn giáo. Chính Ngài đã cứu thoát con người ra khỏi sự khống chế của tập đoàn tu sĩ Bà La Môn (Ấn giáo), và cũng chính đức Phật đầu tiên đã khuyên con người nên sử dụng lý trí của mình chứ đừng làm con cừu non nô lệ vào giáo điều".

Đoàn thể chư Tăng do chính đức Phật thành lập đầu tiên được giao phó với trọng trách phát huy truyền bá giáo lý cách mạng của Ngài. Trong hình thức bản chất nguyên thì. Tăng Già (Sangha) là một "tổ chức huynh đệ bao gồm những người nam cư sĩ có nhiệt tâm và sau này thêm nữ Phật tử, chấp nhận cuộc sống xa lìa thế tục trọn đời để phục vụ cho nhân loại và chúng sanh".

Họ không nhằm vào đặc quyền đặc lợi của giới tu sĩ, họ không nhận giữ vai trò làm trung gian giữa thần linh và con người, mà chư Tăng chỉ là các nhà lãnh đạo tinh thần, những vị thực tâm muốn hướng dẫn giúp mọi người đi theo con đường giải thoát giác ngộ. Chư Tăng là những nhà truyền giáo, luôn giữ gìn giới luật Phật chế, làm lành nêu gương tốt cho tất cả, do đó, họ là những nhà giáo dục đối với quần chúng.

Về điểm này, Vijayavardhana cũng trình bày ý kiến nói đến sự suy đồi trong Tăng giới. Ông lên án một số chư Tăng ngày nay đã không hoàn thành trách vụ của mình. Ông phát biểu, như những nhà sáng lập các tôn giáo lớn khác, đức Phật đã không may có những người đệ tử đã hành động phản lại tâm nguyện độ sanh rộng lớn và đức hạnh cao cả của Ngài.

(xem tiếp trang 6)



VÌ HẠNH PHÚC VÀ AN LẠC CHO MỌI NGƯỜI

Ht. Thích Thiện Siêu

... Người ta sinh ra đời không khác gì trái cây ở trên cành: có những trái lớn, có những trái nhỏ; có những trái xanh, có những trái già... Những trái cây ấy đã có lúc sinh ra tức có ngày rụng xuống: trái rụng trước, trái rụng sau... nhưng rồi trái nào cũng phải rụng xuống hết. Rụng xuống để biến thành cành hoa thơm hay rụng xuống để biến thành cây cỏ dại... nhưng rồi trái nào cũng phải rụng xuống hết. Con người đã có sanh đều có chết. Chết để mà sanh theo nghiệp lực thiện ác, khổ vui, xấu tốt.

Sự có mặt của loài người ở đời cũng như thế: có người sống 50 tuổi, người 70 tuổi, người 80 tuổi, hỷ hữu có người sống đến 100 tuổi hay hơn trăm tuổi, nhưng rồi cũng có ngày phải qua đời. Người trước kẻ sau không ai tránh khỏi! Sự sống thật là bấp bênh nhưng cái chết lại là rất chắc chắn. Bấp bênh vì lẽ không ai biết được rằng mình sống được năm nào, sống được ngày nào, sống được giờ nào, sống được phút nào, nhưng sự chết lại không một ai tránh khỏi. Người chết trước, kẻ chết sau. Có sanh thì có chết, đó là định luật tất nhiên ở trên hành tinh này và của các pháp hữu vi sanh diệt.

Vậy thì một lần sanh là một lần chết, không luận là thánh phàm, không luận là ngu trí, không luận là giàu nghèo... về cái chết thì ai cũng như ai, nhưng khác nhau ở chỗ người biết chọn cách chết, người không biết chọn cách chết cho hay, cho đẹp mà thôi. Nói chọn cách chết có nghĩa là biết chọn cách sống. Sống như thế nào sẽ chết như thế đó. Cho nên nếu ta muốn cái chết được thanh tịnh, được nhẹ nhàng, được mọi người thương mến tức phải chọn lấy cách sống hiền lành, đạo đức, ích lợi cho mình, cho gia đình và cho tất cả những người khác.

Phật dạy có bốn hạng người có mặt trên thế gian này []:

Hạng thứ nhất là hạng người lo làm khổ mình, chuyên làm khổ mình.

Hạng thứ hai là chuyên làm khổ người.

Hạng thứ ba là chuyên làm khổ mình và làm khổ người.

Hạng thứ tư là không làm khổ mình và không làm khổ người.

(1). Hạng thứ nhất là hạng chuyên làm khổ mình, tức là hạng người chỉ biết sống một cuộc đời buông xuôi, lêu lổng, lười biếng, cờ bạc rượu chè, say sưa đăm đúi, ý lại, buông thả cuộc đời mình theo con đường xấu xa, hẹp hòi tối tăm, không có lợi ích gì cả. Đó là hạng người làm khổ mình.

(2). Hạng thứ hai là hạng người chuyên làm khổ người, là những người sanh tâm điên đảo, xấu xa độc ác, để phỉnh gạt, để lấy của người khác về làm của mình, để sát hại người khác, không biết sự đau khổ

của người khác chính là sự đau khổ của mình, không hiểu được lời dạy của đức Phật. Ngài dạy rằng:

"Ai cũng sợ gương đao, ai cũng sợ sự chết, vậy hãy lấy lòng mình suy lòng người, chớ giết, chớ bảo giết", "Ai cũng muốn xa tránh điều khổ, ai cũng muốn có hạnh phúc. Vậy hãy lấy lòng mình suy lòng người, đừng gây điều khổ cho người khác, đừng phá hại hạnh phúc của người khác", "Ai cũng có gia đình, thân nhân muốn bảo bọc, muốn duy trì hạnh phúc được tốt đẹp. Vậy thì đừng phá gia đình, đừng phá thân nhân của người khác", "Ai cũng muốn của cải mình được trọn vẹn yên ổn, vậy hãy lấy lòng mình suy lòng người, giữ gìn của cải của người khác, đừng xâm phạm, đừng gian tham, đừng bóc lột, đừng cướp giết!..."

Đó là những lời dạy sáng suốt, rõ ràng, thiết thực trước mắt mà đức Phật đã ban cho chúng sanh cách đây hơn hai nghìn năm trăm năm rồi. Nhưng bài học đó thật hiếm người theo được. Cho nên cuộc đời của chúng ta ít đem lại niềm vui cho mình, cho người, ngược lại gieo rắc xấu xa, gieo rắc khổ đau, gieo rắc rối loạn cho mình, cho người và cho gia đình.

(3). Hạng người thứ ba là hạng người làm khổ mình, làm khổ người. Đó là hạng người sống hoàn toàn không có đạo đức, không có lý tưởng, không có nhân nghĩa. Chuyên sống với một tâm tình nhỏ hẹp, xấu xa, vị kỷ, làm những việc độc ác để bồi bổ cho béo cái thân mình; nói những lời độc ác để thu lợi về cho mình, phỉnh gạt, lừa đảo, giết chóc, không tôn trọng tài sản, sự sống của kẻ khác. Chiếm đoạt tài sản của người, giết hại người cũng chẳng có lợi ích gì cho mình hết. Đó là hạng người làm khổ mình và chuyên làm khổ người.

(4). Hạng người thứ tư là hạng người không làm khổ mình, không làm khổ người. Tức là hạng người biết sống đạo đức, biết sống theo lẽ phải, biết sống thế nào để đem lại an vui, hoan hỷ mà không gieo rắc tai họa, khiếm hãi; biết sống thế nào để đem lại hân hoan cho kẻ khác chứ không sống mà đem lại sự e dè, sợ sệt cho người. Đó là những người luôn luôn nghĩ đến hạnh phúc của mình, hạnh phúc của người để tạo dựng một cuộc đời hạnh phúc cho cả hai bên, vì biết được rằng người có hạnh phúc thì mình mới có hạnh phúc, mình có hạnh phúc người mới có hạnh phúc. Nếu mình chỉ lo hạnh phúc cho mình mà phá hại hạnh phúc của người khác thì không thể nào riêng mình có hạnh phúc trong khi xung quanh mọi người không được hạnh phúc. Nếu mình giàu có đủ ăn một ngày ba bữa trong khi xung quanh mình toàn là những người thiếu ăn thiếu mặc, thì không thể nào an vui giữa những sự thiếu thốn của những người khác được.

Vậy giữa mình với người có một sự tương quan chặt chẽ, giúp đỡ lẫn nhau mới tồn tại, mới yên vui, nếu phá hại lẫn nhau thì cả hai đành đều đau khổ.

Ngay một chuyện hằng ngày sống

với nhau nếu biết nhẫn nhịn - trong chừng mực ấy - người ta cũng có thể tạo hạnh phúc yên lành cho nhau. Ở đời ai mà tránh được cái ngã, cái ngã chấp của mình! Khi thấy mình có một cái bản ngã hơn cái bản ngã của người khác thì cho đó là sang, là quý, là đáng trọng mà quên rằng người khác cũng có cái ngã đáng quý đáng trọng của họ. Nhưng vì cố tình không biết cho nên nếu có ai đụng đến cái ngã của mình là mình sân si tật đố. Sân si tật đố đó một ngày không người, hai ngày không người, rồi ba ngày không người, cho đến khi làm thế nào để cho người đó phải vong gia bại sản, phải đào điền, phải khổ sở mất mát... khi đó mới thỏa lòng mình.

Xét cho kỹ thì những việc làm đó hoàn toàn bị điều động bởi một thứ tâm trí bệnh hoạn, hẹp hòi vì vô minh điên đảo mà đức Phật từ xưa đã chỉ dạy cho chúng ta. Thử hỏi rằng mình có một cái ngã, cái ngã của mình đó là cái gì? Cái ta của mình đó, ở nơi đâu?

Thật tình khi ta nói Ta, nhưng tìm cho ra cái Ta đó chẳng biết nó nằm ở đâu hết. Khi cha mẹ mình sinh ra chỉ sinh ra một cái thân, chẳng có tên, tuổi gì, nhưng rồi cha mẹ đặt cho một cái tên: có khi đặt một cái tên rất đẹp, có khi đặt một cái tên rất xấu; nhưng từ cái tên đó, mỗi lần được kêu lên là ta liền có ý thức nhận đó là ta.

Ví dụ cha mẹ đặt cho mình cái tên là "Kèo", từ nhỏ kêu mình là Kèo, ngày thứ nhất kêu mình là Kèo, ngày thứ hai cũng kêu mình là Kèo, ngày thứ ba, thứ tư... cứ như vậy mãi. Mình sẽ yên chí mình chính là Kèo. Tự nhiên cái tên Kèo đó nó đồng hóa trở thành mình, và khi ai đụng chạm đến cái tên Kèo là mình cảm thấy khó chịu. Ai chê, ai mắng, ai phê bình cái tên Kèo làm mình cảm thấy tức giận. Nếu mình ngồi đây mà ai ở ngoài đường kia xưng cái tên Kèo mà mắng, mà chửi, nói rằng "Kèo là tên ăn trộm", chắc chắn rằng anh Kèo trong này không chịu nổi, mà phải tìm cách để biết người nào đó dám cả gan nói ta là ăn trộm, tìm cho ra để trả thù. Ngược lại ở đằng xa kia có một người tán thán ca ngợi cái ông Kèo là một ông đạo đức, nhân nghĩa, đẹp trai, quý phái, người đời này có một không hai... Khi đó mình là Kèo chẳng có đạo đức gì cả nhưng mình cũng nhận là mình có đạo

đức nên người ta mới khen như vậy, tán dương như vậy, mình sung sướng vô cùng. Mình sung sướng với cái tên Kèo bởi vì Kèo đã trở thành Ta rồi.

Đó chỉ là một cái danh từ suông, một cái tên suông nhưng khi ta đã cố chấp vào nó là ta, thì phải bị khổ lụy theo nó. Nếu không hiểu được Kèo chỉ là một danh từ giả tạm, một danh từ ước lệ của xã hội đặt ra để mà gọi. Mà cứ khư khư cho rằng Kèo là ta, ta là Kèo, nhất định sẽ đau khổ vì nó trong khi bị người ta chửi mắng và nhất định sung sướng vì nó trong khi được người ta khen ngợi tán thán. Nhưng sự thật, sự ca ngợi, sự chê bai cái tên Kèo không dính dáng gì đến ta hết, thế mà ta cứ cho ta là Kèo, không ai có quyền đụng đến ta được.

Đụng đến cái tên mà còn như thế, huống gì đụng đến da, đến thịt của ta thì sẽ như thế nào? Cho nên có người không nhẫn nhục nổi mà phải đào điền, phải mưu kế, phải tính toán trả thù cho bằng được. Người nào đụng đến mặt mũi, đụng đến da thịt, thân thể mình thì bị phản ứng ngay lập tức.

Những giả danh, những sắc tướng đều là những cái mong manh giả tạm mà cố chấp lấy nó nên ta phải đau khổ, phải điên đảo vì nó.

Khổ và điên đảo theo nó rồi tạo nghiệp theo nó; đã tạo nghiệp theo nó tức là sanh tử, luân hồi theo nó. Khi ta tạo nghiệp xấu nhất định sẽ mang quả xấu, nhất định sẽ không được yên vui. Đó là một điều rõ ràng hết sức, nhưng vì vô minh che lấp, chúng ta không thấy rõ được điều mà đức Phật từ ngàn xưa đã chỉ rõ cho ta: "Tất cả chúng sanh đều vô ngã". Chính tên Kèo đâu phải là ngã mà mình cho là ta, là ngã; đó là sự vô minh, đó là sự sai lầm không che dấu được. Một khi đã lấy tên Kèo làm Ta, thì khi đi ngang qua một nơi nghe người ta mắng gạ, họ đang chửi rủa tên Kèo nào đó, nhưng mình thấy bực tức và đứng lại cãi:

-- Ai lấy gà của mày, ai ăn cắp gà của mày mà thấy tao đi ngang là mày chửi, là mày gọi tên Kèo ra mà chửi?

Nhất định cãi cho bằng được, cãi buổi sáng chưa xong, lại cãi buổi chiều, buổi chiều chưa xong lại cãi buổi tối... thậm chí đem bà con của mình xúm ra mà chửi bên kia, rồi bên kia cũng đem bà con ra chửi bên này.





Cãi cái gì? Cãi cái tên Kèo ăn cắp gà. Nhưng kỳ thật người ta chứ là chứ một anh chàng Kèo nào khác chứ không phải là chứ mình? Thế mà mình cứ khư khư cho tên Kèo là mình, mình không chịu nổi, phải nghĩ cách trả thù. Muốn đi mà không đi được, muốn yên ổn mà yên ổn không được, lúc bấy giờ sẽ bị trói buộc lại một chỗ để cãi lộn. Không có dây mà cũng bị trói, không có ngục mà cũng bị giam.

Ai trói? Ai giam?

Chính mình tự giam giữ mình, chính mình tự trói buộc mình. Đó, chính mình giam mình lại đó.

Đức Phật nói: Chúng sinh bị trầm luân trong bể khổ luân hồi. Bể khổ đó không phải là bể nước mặn. Nếu bể khổ là nước mặn thì chỉ cần lên núi ở tức khỏi bị khổ, khỏi bị trầm luân. Nhưng ở đây cái bể khổ trầm luân chính là tham, sân, si, tật đố, ngã mạn của chúng sinh. Bể trầm luân này nằm ở trong lòng chúng sinh chứ không phải ở đâu xa hết. Vì nằm trong lòng chúng sinh, nên mỗi khi lòng tham nổi dậy quá mạnh thì nó chôn vùi con người vào trong chính lòng tham đó. Mỗi khi lòng sân nổi dậy quá mạnh thì nó chôn vùi con người vào trong lòng sân đó. Mỗi khi si, ngã mạn... nổi dậy quá mạnh thì nó nhận chìm con người vào trong si, ngã mạn... đó, chứ không ai đâu khác.

Vậy thì ai muốn thoát luân hồi, ai muốn thoát sanh tử, ai muốn thoát trầm luân? Chắc hẳn ai cũng muốn thoát khỏi chỗ ấy, tức là thoát khỏi trầm luân, thoát khỏi sanh tử. Muốn thoát khỏi trầm luân, bể khổ, không có gì khó cả: chỉ cần dứt trừ lòng tham là thoát khỏi trầm luân, dứt trừ lòng sân là thoát khỏi trầm luân, dứt trừ lòng kiêu mạn là thoát khỏi trầm luân, dứt trừ lòng tật đố ganh tỵ là thoát khỏi trầm luân. Dứt trừ bao nhiêu tật xấu là thoát khỏi trầm luân. Cho nên tật xấu nhiều chừng nào bể trầm luân nhiều chừng đó, tánh xấu ít chừng nào biển trầm luân với cạn chừng đó. Vì vậy nếu ai tát cạn được bể ái, người đó thoát khỏi bể trầm luân. Ai không tát cạn được bể trầm luân, thì người đó chìm đắm trong luân hồi sanh tử. Như vậy những lời đức Phật dạy là những pháp hiện tiền trước mắt, chỉ ngay trong tâm ta chứ không đâu xa lạ hết.

Chúng ta đọc kinh, thấy pháp Phật dạy trong đó, nhưng kỳ thiết Ngài không để gì trong kinh hết, mà Ngài chỉ rõ tâm của ta cho ta thấy đó thôi. Nếu không thấy cái tâm mình, không cải bỏ những tâm lý nhỏ mọn hung ác một tí nào, thì dù có đọc kinh suốt cả đời đi nữa thì trầm luân vẫn là trầm luân, tham lam vẫn cứ tham lam... Lúc bấy giờ dù có học muôn ngàn quyển kinh đi nữa thì cũng không làm sao vớt ta lên khỏi bể trầm luân được. Khi ta không biết chính bề trầm luân ở trong lòng ta, chính bề trầm luân ấy là tham lam, nhỏ mọn, tật đố, kiêu căng, hẹp hòi, nhỏ mọn, độc ác mà cứ cho trầm luân ở đâu xa, nhất định ta không thoát khỏi trầm luân. Vậy đức Phật ra đời cốt dạy cho chúng sanh thoát khỏi trầm luân, giải thoát sanh tử, và giải thoát sanh tử ngay trong hiện tiền, ngay trong tâm niệm, ngay trong giờ phút này vậy.

-- Thử hỏi ngay trong giờ phút này chúng ta có tham không? Không, như vậy ngay trong giờ phút này chúng ta thoát khỏi trầm luân rồi.

-- Giờ phút này chúng ta có si không? Có ngạ mạn, tật đố, có ích kỷ hẹp hòi không? Không! Như vậy giờ phút này chúng ta thoát khỏi trầm luân rồi.

Nếu cái giờ phút chúng ta thoát khỏi trầm luân đó cứ tiếp tục kéo dài mãi, nhất định chúng ta sẽ thoát khỏi trầm luân. Thoát khỏi trầm luân cũng có nghĩa là thoát khỏi địa ngục. Địa ngục là nơi giam giữ, mà địa ngục đó tự mình tạo ra, tự vô minh của mình tạo ra chứ không ai tạo ra hết. Địa ngục mình tạo ra thì chỉ có mình mới giải thoát được thôi. Mà giải thoát bằng cách nào? Giải thoát bằng sự thực hành lời dạy của đức Phật, bằng sự giác ngộ lời của đức Phật dạy cho chúng ta. Muốn thoát khỏi địa ngục ta phải thực hành lời dạy của đức Phật không chờ đợi, vì chờ đợi thì vô minh sẽ che lấp trí tuệ không làm sao thấy để giải thoát được.

Nên hàng Phật tử chúng ta tụng kinh, đọc kinh, niệm kinh là để cho rõ lời Phật dạy, nhờ đó mỗi ngày, mỗi giờ, mỗi phút luôn luôn tâm niệm, ta cố tìm cách gạt qua tất cả những tính xấu để chúng ta thoát khỏi trầm luân. Khi ta đã có một tâm bình tĩnh sáng suốt như vậy rồi, thì một mai nếu lại đi qua đó có gặp phải người nào mà họ chứ Kèo, lúc đó ta sẽ xem như không; khi đó ta không bị trói buộc, không bị

trầm luân, không bị giam giữ ở lại đó nữa. Từ việc này ta được giải thoát, qua một việc khác ta được giải thoát, qua những việc khác nữa ta cũng được giải thoát. Tất nhiên ta đã được giải thoát ở hiện tại.

Nếu muốn thoát thì phải siêu, có siêu mới thoát! Siêu là gì? Siêu là vượt lên, vượt lên những cái nhỏ mọn, lật vạt hằng ngày thì ta mới giải thoát được. Còn nếu cứ cố chấp, níu kéo các việc nhỏ mọn hàng ngày, tất nhiên phải sa lầy vào những chuyện đó mà không thể giải thoát được, bởi vì không Siêu. Nghe ai nói động một tiếng, đã nổi giận, nghe ai chê bai một tiếng đã bực tức, ai đưng đến một tí cũng đã khó chịu...

Thậm chí có những Phật tử đi chùa đã lâu nhưng khi đến chùa rui ro người khác vô ý đưng cái áo một tí thì đã quay lại nộ liễn, gậy liễn: "Không có mắt hay sao mà lại đưng người ta."

Như vậy, chính tự mình không giải thoát. Vì vậy, lời của Phật dạy là những điều hết sức minh bạch, hết sức thực tế như giữa ban ngày... Nhưng chẳng qua chúng ta không học nổi, không tìm học hay chịu học mà thôi. Ai chịu học những lời dạy của đức Phật, người đó được an lạc, người đó sẽ được giải thoát. Giải thoát từng giờ, giải thoát từng ngày và giải thoát cả đời.

Làm được điều đó tức chúng ta đã là hạng người thứ tư như trong kinh Phật đã dạy, là hạng người không làm khổ mình, không làm khổ người. Và ngược lại làm vui mình và làm vui người.

Phật dạy: "Thân mạng vô thường". Có

đó rồi không đó tựa như nước trên dốc chảy xuống, như sương đọng ban mai. Lời dạy đó nếu như ta không nghiêm kỹ, ta thấy hơi khó hiểu, bởi vì cái thân ta đây, ta bồi dưỡng, ta sống trong nhà cao cửa đẹp... tại sao như sương mai được. Nhưng kỳ thật nhìn cho kỹ: trăm năm là mấy? Chi trong khoảng nháy mắt mà thôi; 70 năm, 80 năm là mấy? Chỉ trong nháy mắt mà thôi.

Tóm lại, khi ta chiêm nghiệm được điều đó rồi, thấy cái thân ta như hạt sương trên đầu cỏ ban mai mà thôi. Đã biết như hạt sương trên đầu cỏ ban mai thể mà còn gây nhau, còn đánh nhau, còn tìm cách giết hại lẫn nhau, tìm cách bóc lột nhau, tìm cách làm khổ nhau thì đó là một điều mê lầm trọng đại. Gặp gỡ nhau trên cõi đời này là một duyên tốt, những không biết tu hành không biết cải sửa, đó là một duyên xấu. Khi đã là duyên tốt thì sẽ làm thượng thiện hơn với nhau trong cõi cực lạc, được sung sướng vĩnh viễn. Khi đã cùng nhau làm duyên xấu thì oan oan tương báo không thể tránh khỏi những điều khổ đau, cho nên hàng Phật tử chúng ta theo Phật, niệm Phật, tụng kinh, cố gắng làm lành. Làm hạng người thứ tư, hạng người không làm khổ mình, không làm khổ người và tránh không làm ba hạng người trước. Được như vậy tất nhiên chúng ta làm tròn chí nguyện giải thoát cho mình, đồng thời báo đáp công ơn sâu dày của đức Phật, của cha mẹ, sư trưởng, quốc gia xã hội vậy.

HT. Thích Thiện Siêu



Kệ Tắm Phật

*"Con nay tắm gội chư Như Lai
Công đức trang nghiêm tịnh trí đầy
Nguyên cho chúng sanh là năm trước
Mau chúng Như Lai tịnh pháp thân."*

Reflecting when bathing the Buddha Ceremony

*Bathing the enlightened Buddha
May I solemnly cultivate the merits
Vowing to ease the suffering of all beings
And to attain my Buddhahood.*

Translated by Tâm Thường Định



GIÁO LÝ XÃ HỘI VÀ CHÍNH TRỊ CỦA PHẬT GIÁO

Chuyển ngữ: **HT. Thích Trí Chơn**

(tiếp theo trang 2)

Hơn nữa, vì muốn trở thành một tôn giáo phổ cập trong dân chúng, Phật Giáo cũng đã bị pha trộn với những hình thức của nhiều tôn giáo cổ xưa khác. Tăng già là đoàn thể do đức Phật thành lập như một tổ chức cộng hoà, dân chủ, vốn không có hệ thống giai cấp, được xây dựng trên nền tảng hoàn toàn bình đẳng giữa mọi Tăng sĩ, đã trở thành một giai cấp tu sĩ mới có đặc quyền.

Những hình thức tín ngưỡng thời xưa của các bộ lạc thổ dân Tích Lan, những truyền thuyết hoang đường và lễ bái tại các chùa Bà La Môn của dân chúng Ấn Độ đã pha trộn với sinh hoạt Phật Giáo. Chính đức Phật được chấp nhận như một trong những hoá thân của thần Vishnu theo truyền thuyết Ấn Độ giáo. Sự kiểm chế của giáo lý Bà La Môn độc đoán đã gây ảnh hưởng tai hại đến tinh thần tự do của nền Phật Giáo nguyên thì. Một số chư Tăng của đức Phật đã bị suy đồi biến thành một giai cấp bóc lột còn tệ hại hơn các tu sĩ Bà La Môn giáo.

Tinh thần lợi tha của Tăng già đã bị huỷ diệt. Phật Giáo đã "thất bại không còn giữ bản chất tinh khiết ban đầu của nó, đã trở thành một tín ngưỡng tạp nhạp, nặng về nghi thức cúng lễ và đề cao cá nhân chủ nghĩa".

Chư Tăng thời xưa đã sống cuộc đời thanh tịnh, vị tha, hy sinh cho lý tưởng giải thoát, ngày nay đã biến thành "các nhà sư thụ hưởng trong các ngôi chùa đồ sộ nguy nga". Sự suy đồi và giải đãi của hàng Tăng sĩ đã phá huỷ thành quả giác ngộ, hoằng truyền chánh pháp của đức Thế Tôn.

Vijayavardhana đã phê bình các sinh hoạt Phật Giáo hiện đại mà chúng ta thường thấy được trình bày trong các tập sách nhỏ của những giáo đoàn Thiên Chúa: "Đại để, một số chư Tăng Tích Lan ngày nay đã bị suy đồi, không còn giữ được đời sống tịnh hạnh, vị tha như đức Phật đã truyền dạy cho họ. Nguyên nhân chính của sự thoái hoá này là do bởi những tăng sĩ có hành động vị kỷ, chỉ nghĩ đến quyền lợi cá nhân và lòng họ chưa diệt hết tham sân si. Do đó họ đã làm tổn thương đến giáo pháp của đức Phật... Tăng già mỗi ngày đang trên con đường suy thoái, và người ta không khỏi lo ngại khi nghĩ đến vận mệnh của giáo hội Tăng già trong các thế hệ sắp đến".

Vijayavardhana không đổ tội làm suy đồi Phật Giáo vào những kẻ thù ngoại đạo khác, mà ông ta đã quy trách nhiệm ấy cho các nhà sư hàng đệ tử xuất gia của đức Thế Tôn. Họ là những phần tử ngày càng làm tổn thương đến Phật Pháp, đã tạo nên một giai cấp Tăng lữ và chủ nghĩa giáo điều mới với hình thức cúng tế, lễ bái các thần tượng mới và như thế, họ đã phản bội giáo lý đầy tinh thần dân chủ, cách mạng của đức Phật.

Như Dharmapala, học giả Vijayavardhana cho rằng sự đàn áp

Phật Giáo của các tu sĩ muốn phục hưng đạo Bà La Môn đã dẫn đến tình trạng suy thoái của đất nước Ấn Độ sau này. "Sự kiện lịch sử cho thấy giai cấp tăng lữ Bà La Môn (Ấn giáo) đã lâu đời biến mọi dân chúng thấp hèn trở thành những kẻ tôi tớ nô lệ, cho nên họ rất ghét tinh thần dân chủ cách mạng của Phật Giáo. Vào thế kỷ thứ 6 tây lịch, khi các tu sĩ Bà La Môn trở thành giai cấp thống trị thì Phật Giáo đã bắt đầu suy đồi tại Ấn Độ. Điều khiến đức Phật trở thành nhân vật dị giáo không thể tha thứ được dưới con mắt của hàng tăng lữ Bà La Môn là do bởi giáo lý của Ngài đã nhằm đến cuộc cách mạng xã hội".

Vijayavardhana đã trình bày rằng: "Theo quan điểm của Bà La Môn hay Ấn Độ Giáo chính thống, đức Phật là nhân vật ngoại đạo và phản động còn hơn cả Chúa Giê Su trong cái nhìn của Do Thái Giáo. Điều đặc biệt là Vijayavardhana tin rằng Phật Giáo Tích Lan đã bị ảnh hưởng áp lực của sự gia tăng những người di dân theo Ấn giáo đến từ Ấn Độ. Chính họ đã mang giáo lý đa thần và hệ thống giai cấp Ấn Độ giáo vào Tích Lan. Tăng già Phật Giáo Tích Lan đã bị xâm nhập toàn bộ bởi tư tưởng Bà La Môn giáo tại hại này. Một vài giáo hội Phật Giáo Tích Lan đã chủ trương chọn thỉnh giới hạn số chư tăng nào thuộc giai cấp cao mới được tham gia vào thành viên của giáo hội chẳng khác gì hình thức phong kiến của các giáo hội Thiên Chúa vào thời trung cổ".

Khi đề cập đến sự suy đồi của tăng già Tích Lan, Vijayavardhana nêu lên điều này nhằm cho thấy chư Tăng chỉ biết sống cuộc đời ích kỷ, ham thích quyền lực và lợi danh, do đó họ đã làm băng hoại những giáo lý cao siêu căn bản của đức Phật. "Siam Nikaya là giáo phái chính của Tăng già Tích Lan chỉ truyền giới Cụ Túc (Tỳ Kheo) cho một số chư tăng thuộc giai cấp đặc biệt mà thôi, cũng như giáo hội Malwatta chiếm số đông nhất tỳ kheo tại Tích Lan, nhưng họ luôn luôn bị khống chế bởi các tăng sĩ Kandyan (ở thị trấn Kandy có chùa thờ Phật). Có Tỳ Kheo đã dùng tiền để mua các chức vị cao cấp trong Tăng giới, và một số chư tăng thuộc các giáo hội này lại thiếu học và kém đạo đức".

Vijayavardhana dứt khoát nêu lên câu hỏi với tình trạng này liệu chúng ta có hy vọng gì phục hưng được Phật Giáo hay không. Giống như các nhà trí thức Thiên Chúa vào thời Cải Cách, ông ta tìm câu giải đáp trong sự phân biệt giữa bản chất Phật Giáo với các tổ chức hội đại diện cho tôn giáo này. Ông nói, một số tổ chức Phật Giáo đã thất bại chứ không phải giáo pháp của đức Phật.

Bản chất của đạo Phật là vĩnh cửu tồn tại và thời điểm phục hưng của nó giờ đây đã tới. Nền Phật Giáo mới cần bản cần xây dựng trên một nền Phật Giáo nhập thể. Những Phật tử mới nên đặc biệt nhớ rằng Phật Giáo nguyên uỷ là "một tôn giáo xã hội". Vấn đề không

phải là truyền bá một vài hình thức mới về giáo lý đức Phật mà cần phải thực hiện trong đời sống những lời dạy đạo đức phổ thông của Ngài. "Cần thể hiện đạo đức trong cuộc sống chứ không phải chỉ thuyết giảng giáo lý". Và phương pháp sống theo Phật Giáo không chỉ nên được áp dụng trong những hoàn cảnh đặc biệt hoặc các ngày lễ Phật Giáo, mà cần phải luôn luôn thực hành "bảy ngày một tuần, năm mươi hai tuần một năm".

Chư Tăng nên quay trở về với nếp sống thanh tịnh và đạo đức căn bản mà đức Phật đã dạy. Trên hết, cần biến giáo lý xã hội của Ngài thành hành động thực tế. Niết Bàn không thể đạt tới bằng cách ẩn tu trong am thất mà chỉ thành tựu với "cuộc sống dẫn thân, hy sinh và quên mình". Toàn thể Tăng già cần được cải tổ nhằm hướng đến mục đích cao cả như thế. Đệ tử của đức Phật không nên nghĩ đến việc giải thoát cho riêng cá nhân mà "cần phải hết lòng phục vụ và tích cực hy sinh vì chúng sanh". Do đó, chư Tăng không những chỉ được hướng dẫn trong việc học hỏi giáo lý mà họ cũng cần tham gia vào những công tác xã hội độ sanh "để có được những kiến thức cá nhân về các vấn đề xã hội thực tế".

Trong chương trình phục hưng Phật Giáo chúng ta không chỉ nghĩ đến việc thắp đèn sáng nhiều nơi tượng Phật, gáo loa phóng thanh lớn trong chùa và thuyết giảng Phật Pháp trên đài phát thanh mà tất cả Phật tử xuất gia lẫn tại gia cần phải thực hành, đi theo đúng con đường giải thoát mà đức Thế Tôn đã dạy.

Phật Giáo căn bản là cuộc cách mạng thường xuyên chống lại hàng tăng sĩ thiếu đạo đức, chủ nghĩa giáo điều, hình thức cúng lễ mê tín và đặc quyền giai cấp cũng như phản đối các thần thoại hoang đường với mục đích duy trì quyền lực cho giai cấp tăng lữ: thần thoại tin vào đấng Thượng Đế toàn năng, sự di truyền tội lỗi và bất lực của con người, hay thần thoại cho rằng con người cần dùng lý luận của mình để biện minh, bảo vệ cho những học thuyết giải thoát phi lý.

Về thực hành, chương trình cải cách này nhằm hướng đến cùng loại chủ nghĩa Phật Giáo xã hội mà U Nu đã áp dụng cho Miến Điện với nhiều kết quả tốt đẹp. Chư Tăng cải cách là hình thức mẫu mực cho một xã hội Phật Giáo lý tưởng. Theo Vijayavardhana, chính đức Phật đã chỉ

dạy một con đường như vậy. Đoàn thể Tăng Già đầu tiên của Ngài bao gồm một số nhỏ những người tự nguyện chọn sống cuộc đời vị tha, từ bỏ của cải thế gian và áp dụng pháp lục hoà chia đều cho nhau bất cứ vật thực gì nhận được do các thí chủ cúng dường.

Đức Phật đã trao lại cho hàng đệ tử của Ngài sứ mạng truyền bá "lý tưởng sống xã hội" cho cộng đồng rộng lớn và sau cùng toàn thể quốc gia. Công tác này, Vijayavardhana bảo rằng đã trở nên cần thiết cho ngày nay, vì các chính phủ Cộng Sản đang cố gắng áp dụng đường hướng sống theo chủ nghĩa xã hội dưới sự hướng dẫn của duy vật biện chứng. Do đó, phong trào cải cách Phật Giáo cần nhận thức rõ để chọn lựa nền theo chủ nghĩa xã hội Mác - Xít (Cộng Sản) hay Phật Giáo.

Tác phẩm nặng phần bút chiến của Vijayavardhana không nên xem như tiêu biểu cho toàn bộ các khuynh hướng của nền Phật Giáo Tích Lan. Chương trình cải cách của ông đã không được chia xẻ bởi mọi giáo phái Phật Giáo tại xứ này. Tuy nhiên, lý tưởng đạo đức xã hội căn bản mà ông trình bày là đặc điểm khuynh hướng của nền Phật Giáo Tích Lan hiện đại - đường hướng mà trước đây đã được diễn tả trong tác phẩm của Anagarika Dharmapala.

Cùng quan niệm trên cũng được tìm thấy trong cuốn sách của nhà Phật Học Tích Lan danh tiếng, A. Wijesekera, giáo sư môn Ấn Độ tại đại học Peradeniya và đặc biệt ông chuyên nghiên cứu về đời sống văn hoá Tích Lan. Tác phẩm "Phật Giáo và Xã Hội" (Buddhism and Society) của ông xuất bản năm 1958 tại Colombo chứng tỏ giáo sư là một học giả lỗi lạc về lịch sử Phật Giáo khi ông dẫn chứng cho thấy ý tưởng đạo đức xã hội hiện đại đã chứa đựng trong các kinh sách cổ xưa của Phật Giáo. Giáo sư viết: "Tư tưởng Phật Giáo nguyên thì được ghi chép trong kinh tạng Pali không có gì khác hơn là con đường đạo đức thực tiễn nhằm giúp con người tiến bộ và giải thoát".

(Trích tác phẩm "Buddhism or Communism Which Holds The Future of Asia")

(còn tiếp một kỳ)



ĐẠO PHẬT VÀ HÒA BÌNH

Tâm Không – Vinh Hữu

Vào giữa thiên kỷ thứ I trước Công Nguyên, ở Ấn Độ đã xuất hiện một số dòng tư tưởng chống lại đạo Bà la Môn. Đạo Phật là một trong những dòng tư tưởng ấy. Người sáng lập ra đạo Phật là Siddharta Gautama (Tất-Đạt-Đa, họ Cồ Đàm), con của vua Suddhodana (Tịnh Phạn) nước Sakya nằm về phía Nam của dãy núi Himalaya (Hy-Mã-Lạp-Sơn), miền đất bao gồm một phần miền Nam nước Nepal và một phần của Ấn Độ ngày nay. Năm 29 tuổi, Thái tử Tất-đạt-Đa xuất gia đi tu để tìm con đường cứu vớt những nỗi khổ của loài người. Đến 35 tuổi, sau 49 ngày đêm ngồi thiền định dưới gốc cây Bồ Đề với tâm trong sáng như gương, Ngài đã được giải thoát, đã giác ngộ và đã thành tựu đạo vô thượng: thành Phật (Rằm tháng Chạp năm 589 trước Công Nguyên).

Với tinh thần Từ Bi-Bình Đẳng-Giác Ngộ-Giải Thoát, đạo Phật đã truyền bá khắp nơi thật nhanh mà khởi đầu là Ấn Độ. Hai bộ mặt lớn của Phật giáo phía Bắc và phía Nam Ấn Độ bắt đầu phân hoá vào thế kỷ thứ I sau Công Nguyên, chủ yếu là thế kỷ thứ III, đã khẳng định được hai hình thức lớn của Phật giáo là Tiểu Thừa (Hinayana) và Đại Thừa (Mahayana). Giáo phái Tiểu Thừa được bá rất sớm sang đảo Sri Lanka (Tích Lan), rồi truyền qua các nước Myamar (Miền Điện), Thái Lan, Lào, Campuchia. Trong khi đó, giáo phái Đại Thừa, hay còn gọi là Phật giáo Bắc tông, thì được truyền qua Tây Tạng, Mông Cổ, Trung Quốc, Nhật Bản và Việt Nam. Dù là Tiểu Thừa (cổ xe nhỏ) hay Đại Thừa (cổ xe lớn), tuy quan niệm có khác nhau nhưng hai tông phái này vẫn không xa rời những giáo lý căn bản của Phật Thích Ca Mâu Ni về Tứ Diệu Đế, Bát Chánh Đạo... và luôn luôn lấy Trí Tuệ-Từ Bi làm đầu. Ngày nay, Phật giáo đồ không còn quan niệm Đại Thừa hay Tiểu Thừa nữa, mà chỉ gọi là Bắc Tông (hay Phật Giáo Phát Triển) và Nam Tông (hay Phật Giáo Nguyên Thủy)!

Đạo Phật là một đạo bất biến, nhưng cũng là một đạo tùy duyên. Khi được truyền bá đến bất cứ nước nào, mặc dù phát nguyên từ Ấn Độ, đạo Phật cũng đều dễ dàng hoà nhập và lan toả để chung sống với dân tộc đó. Như đạo Phật đã cảm hoá được những người Trung Quốc vốn đã thấm nhuần đạo lý Khổng, Mạnh từ bao đời; cũng như đã cảm hoá được những người Nhật Bản vốn mang tinh thần võ sĩ đạo đầy cứng cỏi khí phách. Đạo Phật đã không chỉ cảm hoá được những người Việt Nam, Lào, Campuchia vốn nhu hiền chất phác mà còn thu phục được nhân tâm của những người Mông Cổ, Tây Tạng nổi tiếng hung hãn bạo ngược. Điểm nổi bật của đạo Phật là trong suốt 49 năm hoằng pháp độ sanh, đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã đi qua nhiều xứ sở trên đất Ấn Độ để hàng phục rất nhiều ngoại đạo, tà giáo chỉ bằng Lễ Phải và lòng Từ Bi. Rồi sau khi Ngài

nhập diệt, các đệ tử và hậu duệ của Ngài đã truyền bá chánh pháp trong suốt gần 3.000 năm qua nhiều quốc gia mà không hề xảy ra một cuộc chiến tranh tôn giáo nào. Ông Jadish Kasyapa đã viết trong cuốn Dharma du Bouddha: "Đạo Phật được truyền bá khắp hoàn cầu không phải nhờ súng đạn khói lửa, cũng không phải nhờ sự áp bức khủng bố nào. Đạo Phật được truyền rộng khắp nơi, chỉ nhờ giá trị chân thật của Đạo Phật và nhờ tinh thần vô thượng của Phật dạy!" Với số Phật tử hiện nay trên khắp thế giới vào khoảng trên 500 triệu người, đạo Phật đã góp phần rất đặc lực trong công cuộc xây dựng nền văn hoá, cũng như kinh tế, chính trị, văn học nghệ thuật của nhiều quốc gia

Có một điều thấy như nghịch lý, tuy đạo Phật suy tàn ở ngay đất nước Ấn Độ- nơi phát sinh ra đạo Phật- nhưng lại được phát triển phần lớn ở Châu Á và đã trở thành quốc giáo, trở thành nền đạo lý của dân tộc ở một số nước như: Tây Tạng, Sri Lanka, Myamar, Lào, Thái Lan, Cam Bốt... Riêng với nước Việt Nam ta, đạo Phật đã được lưu truyền từ 2000 năm qua. Dân ta là một dân tộc yêu chuộng hoà bình, mà đạo Phật vốn là một đạo hoà bình lấy Từ Bi làm gốc, mà Từ Bi là lòng thương bao la cứu khổ đem vui cho mọi người, nên sẽ không có gì ngạc nhiên nếu ta biết phần đông những người Việt Nam (67% dân số) đều là Phật tử thuần thành, và chùa chiền thiền tự ở Việt Nam có rất nhiều từ Bắc chí Nam, trong đó có rất nhiều ngôi chùa cổ mang giá trị văn hoá rộng lớn.

Tinh thần Phật giáo được truyền lên hướng Bắc đến khu tự trị **Tây Tạng** và **Mông Cổ** nhiều nhất, khi mà tín ngưỡng của dân vùng sa mạc nắng nóng khô khan này còn nhiều hồ mị hoang đường, chỉ biết tôn thờ một số thầy phù thủy (pháp sư). Đạo Phật cũng gặp nhiều trắc trở sóng gió khi mang ánh sáng của Đạo Vàng soi chiếu đến vùng đất có khí hậu khắc nghiệt này, phải trải qua hai triều vua vô đạo, chủ trương cực đoan phá chùa, giết sãi, đốt kinh... thật khổ nhục gian truân. Đến đời vua Bilamgour (khoảng năm 970) độ lượng khoan hồng, cho xây dựng lại 8 ngôi chùa tháp, chưa tăng đi ẩn dật bấy lâu bên bờ biển nước giúp vua chấn hưng Phật Giáo. Cũng trong thời kỳ yên bình này, Phật giáo Mật tông được truyền bá tự do thu phục được nhiều tín đồ. Cho đến thế kỷ thứ 14, Phật giáo Tây Tạng và Mông Cổ xảy ra một cuộc cải cách quan trọng do đức Tông-Cáp-Ba (Tsongkhapa) chủ xướng, công kích cái tệ tục ham mê phù phép hơn việc giữ gìn đạo hạnh, đã phá những sự sãi chỉ mong biết phép thuật lạ để loè dân ngu, buộc tăng giới phải tuân theo giới luật nghiêm túc... Khi đức Tông-Cáp-Ba viên tịch, chư đệ tử vừa theo Chánh lý của Ngài vừa lập ra Lạt -Ma Giáo và lưu truyền đến bây giờ.

Trái với Mông Cổ và khu tự trị Tây Tạng, đất nước **Trung Hoa** trước khi có Phật giáo truyền vào đã là một cõi

có đủ văn minh và đạo đức do hai đạo của Khổng Tử và Lão Tử truyền bá rồi. Trải qua nhiều năm thăng trầm, đến đời vua Minh Đế thì đạo Phật mới dần dần được mở mang vững vàng nhờ công của nhiều vị sư tăng đã lặn lội khổ nhọc tìm đạo, dịch kinh từ tiếng Phạn sang tiếng Hán, mang Đốc Tuệ của đức Thích Ca Mâu Ni bên đất nước Ấn Độ xa xôi rơi chiếu cho đồng bào mình. Đến đời Đường, ngài Huyền Trang sang Ấn Độ thỉnh kinh về dịch, góp công rất lớn trong công cuộc hoằng dương Chánh pháp, được vua kính trọng như một đại công thần. Từ đó đến nay, Phật giáo thâm nhập tận gốc rễ ở đất nước quê hương của hai nhà hiền triết Khổng Tử và Lão Tử, với đại đa số người Hoa là Phật tử. Nếu có dịp đi du lịch tham quan đất nước Trung Quốc, đừng quên rằng đất nước này hiện đang có đến bốn vùng gọi là "Thánh Địa Của Phật Giáo", đó là: Cửu Hoa Sơn ở An Huy, Ngũ Đài Sơn ở Sơn Tây, Nga Mi Sơn ở Tứ Xuyên, và núi Buddha ở Triết Giang.

Đạo Phật truyền đến "Đất Nước Mặt Trời Mọc" khi **Nhật Bản** đã có ba tôn giáo: Khổng, Lão và Thần giáo. Ban đầu, Phật giáo bị Thần giáo phản kháng kịch liệt, trải qua mấy trăm năm thì hai đạo mới hoà hợp thân thiện nhau, hiểu nhau, và phân chia trách nhiệm cùng nhau để làm cho dân chúng vừa trở thành Phật tử vừa sùng bái linh thần. Phật giáo ở Nhật Bản từ đó đến nay có đến 12 tông, gồm: Câu-Xá (Koucha), Thành Thật (Jojitsouhu), Tam Luận (Sanron), Pháp tướng (Hosso), Luật (Ritsoushu), Hoa Nghiêm (Kégon), Thiên Thai (Tendai), Chân ngôn (Shingon), Thiền (Zen), Pháp- Hoa (Nitchiren) và Tịnh-Độ tông (Jodo). Tông nào cũng tôn thờ noi gương Phật Thích Ca Mâu Ni để tu hành, cốt được an lạc thân tâm, thoát vòng tục lụy khổ não.

Myamar (Miền Điện) đón nhận đạo Phật khi họ đã tôn thờ một vị thần có tên là "Nát" từ lâu lắm rồi, cũng như người Nhật Bản tôn thờ thần "Kamis" vậy. Cho nên ở đất nước này người ta vừa thờ Phật vừa thờ thần, có khi thờ cả thần trong chùa. Qua bao thăng trầm, mãi về sau, đến khoảng đầu thế kỷ thứ XI, đạo Phật mới dần trở nên cường thịnh và trở thành quốc giáo của nước này. Đó được gọi là thời kỳ Pagan, thời kỳ xây dựng lại các công trình tôn giáo vĩ đại có một không hai trong lịch sử Myamar. Chỉ riêng ở Pagan đã có đến 13.000 công trình lớn nhỏ, và trải qua nhiều thiên tai địch hoạ đến nay vẫn còn gần 5.000 chùa tháp, thế nên người ta thường gọi Myamar là Đất Nước Chùa Vàng. Dân Myamar rất tôn kính nhà sư, và mỗi gia đình có con đều cho con xuất gia vào chùa tu học một thời gian, giữ gìn giới luật, mãn hạn một vài năm thì trở về nhà, nếu muốn ở lại chùa làm tăng ni thì càng quý. Vị Tăng Thống đứng đầu giáo hội được tôn sùng như vị Phật sống, khi đến viếng vua thì được vua nhường ngai vàng để Ngài ngự, còn vua thì xuống ngai thấp hơn. Ảnh hưởng của đạo Phật ở Myamar rất rộng lớn, người dân thấm nhuần giáo lý nhà Phật nên tính tình hiền lành vui vẻ, cuộc sống thật thanh thản yên vui.

Phật giáo truyền đến **Cam Bốt** cùng lúc với Ấn Độ giáo. Trong suốt thời kỳ Angkor do những vị vua thờ linh tượng Linga (tượng trưng cho vương quyền) trị vì, Phật giáo tồn tại song song với tôn giáo Thần-Vua. Bắt đầu từ thời Jayavar-

man VII (1181-1219), đạo của đức Thích Ca Mâu Ni mới hoàn toàn thay thế Ấn Độ giáo và trở thành quốc giáo của người Khơ-me. Ngày nay, Phật giáo Nguyên Thủy là tôn giáo chính của Cam Bốt. Đức Phật Thích Ca là vị thần tối cao thay thế cho Vua-Thần của cả tầng lớp quý tộc lẫn dân chúng, mỗi làng đều có một ngôi chùa riêng để thờ Phật và trở thành trung tâm văn hoá của các bản làng gần xa...

Tương tự như Myamar, vương quốc **Thái Lan** tiếp nhận đạo Phật khi dân nước này đã thờ thần "Phis" từ xa xưa. Ở miền Trung Thái Lan, đặc biệt là ở Nakhon Pathom đã phát hiện được nhiều di tích Phật giáo cổ như bánh xe luân hồi bằng đá, các tấm thờ có hình Phật bằng đất nung. Ngoài ra ở Nakhon Rachasima, Sungai Koloc... cũng tìm được những hình Phật cổ có niên đại từ thế kỷ I -III, chứng tỏ Phật giáo Nguyên Thủy có mặt từ rất sớm. Trên đất nước lấy đạo Phật làm quốc giáo như Thái Lan này, theo thống kê sơ bộ có trên 4.000 trường Phật học, trên 17.000 ngôi chùa rải khắp nước, độ khoảng cứ 800 dân thì có một ngôi chùa.

Phật giáo truyền đến nước **Lào** từ khoảng thế kỷ VII-VIII, nhưng đến thời Pha Ngừm mới chính thức trở thành quốc giáo của vương quốc Lanxang. Người dân nước Lào nhờ đức Từ Bi nhà Phật soi tỏ mà trở nên một dân tộc thuần thực hiền lành, yêu chuộng những vẻ đặc sắc tươi xinh... Hai nước Lào và Cam Bốt khi chưa có Phật giáo Đại Thừa truyền đến thì họ theo phái Nguyên Thủy do xứ Magadha bên Ấn Độ truyền sang. Đến khi phái Đại Thừa lan rộng ra từ xứ Sumatra bên Indonesia, vào khoảng giữa thế kỷ thứ X thì ở cả hai nước này chùa chiền tráng lệ được mọc lên rất nhiều. Qua đến thế kỷ thứ XIII, Phật giáo Nguyên Thủy bên Thái Lan (gốc Sri Lanka) tràn sang mạnh mẽ, được dân tin theo mà bỏ tu hành theo phái Đại Thừa. Từ đó, ở các chùa không còn thờ chư Thánh và Bồ Tát, mà chỉ có mỗi đức Phật Thích Ca Mâu Ni to lớn an vị trên chính điện.

Đạo Phật không chỉ phát triển mạnh lớn ở các nước Châu Á mà còn được các nước phương Tây nghiên cứu, tu học sau một thời kỳ nổi lên phong trào Tìm Hiểu Nghiên Cứu Về Phương Đông. Rất nhiều trường đại học ở các nước như Pháp, Bỉ có thành lập ban khảo cứu về đạo Phật, có giáo sư chuyên môn về chữ Phạn (Sanskrit), hoặc chuyên dạy về lịch sử các tôn giáo phương Đông trong đó nổi bật lên là Phật giáo. Ở Nga, có nhiều nhà văn chuyên về Phật học, có những nhà Phật học biết rành tiếng Phạn, mộ đạo Phật và dịch kinh điển nhà Phật sang tiếng nước của họ, đặc biệt họ rất tôn trọng Thiền tông (Zen) của Nhật Bản. Nước Mỹ, một nước nổi tiếng xem trọng vật chất vinh hoa, nhưng rồi họ cũng tìm đến với đạo Phật, vậy là mọc lên nhiều chùa, thiền viện, Phật học viện để cả người phương Tây lẫn người châu Á nghiên cứu và tu tập giáo lý của Phật.

Xin mượn lời của ông Nehru - cựu Chủ tịch Hoà Bình Thế Giới- thay cho phần kết của bài viết này: "*Nhân loại ngày nay phải chọn một trong hai con đường. Một là nguyên tử và khinh khí là con đường diệt vong; một nữa là lòng Từ Bi của đạo Phật là con đường sống còn!*"



XÂY DỰNG HẠNH PHÚC GIA ĐÌNH

HT. Thích Thắng Hoan

(tiếp theo kỳ trước)

6.- LỢI HÒA CÙNG CHIA XẼ: (Lợi Hòa Đồng Quân)

Lợi hòa cùng chia xẻ nghĩa là những tài lợi hay đồ dùng thu thập được phải phân chia đồng đều cho những người cùng sống chung với mình, hoặc cùng nhau thọ dụng, không được chiếm làm của riêng hay giành phần nhiều về mình. Theo tinh thần lợi hòa cùng chia xẻ chúng ta phải thực hiện những điều sau đây:

1)- Không Được Riêng Tư Quyết Định:

Tài sản trong gia đình là của chung, thuộc của chồng công vợ và tài sản đó muốn thực hiện vào việc gì thì phải có sự đồng ý của chồng hay của vợ, không được tự mình riêng tư quyết định.

Của chồng công vợ nghĩa là gì? Của chồng nghĩa là tiền của và sự nghiệp của gia đình sở dĩ có được chính là do công lao của người chồng đứng ra gây dựng nên, cho nên gọi là của chồng. Công vợ nghĩa là người vợ có công thay thế chồng quản lý tiền của và bảo trì sự nghiệp gia đình được tồn tại bền lâu chính là công lao của người vợ, cho nên gọi là công vợ. Đây là cách sống chung của luân lý thời xưa. Theo luân lý thời xưa, người chồng thì đóng vai tòng quân, cột trụ của gia đình, có trách nhiệm đối ngoại, giao dịch với mọi tầng lớp xã hội để tạo dựng sự nghiệp cho gia đình; còn người vợ thì thuộc về hạng cát đẳng nương bóng tòng quân, đóng vai nội trợ, thay mặt chồng đối nội, có nhiệm vụ trông nom tài sản của chồng, sắp xếp gia đình trên dưới có trật tự, trong ngoài có ngăn nắp đầu ra đó để tài sản và sự nghiệp của chồng khỏi bị thất thoát hư hao. Thế nên tục ngữ mới có câu: “Của chồng công vợ”.

Theo xã hội ngày nay, chồng và vợ cả hai cùng nhau tạo dựng sự nghiệp gia đình cho việc sống chung và quyền lợi sở dĩ có được không riêng gì của chồng hay của vợ mà cả hai đều đầu tư công sức vào đó cả mồ hôi và nước mắt. Những tài sản nói trên chẳng những người chồng mà cho đến người vợ đều có quyền hưởng thụ. Nhưng với những tài sản đó muốn sử dụng vào bất cứ việc gì, người chồng hay người vợ không được độc quyền chi tiêu riêng tư mà không có sự đồng ý của hai bên, nghĩa là hai người không được quyền có túi hồ túi xê của tài sản chung nói trên. Người chồng hay người vợ muốn hưởng thụ đến tài sản này phải có sự hợp tác chặt chẽ của hai người trong sự hòa thuận cả mọi mặt, nghĩa là muốn chi tiêu tài sản đó thì phải thương lượng với nhau trước khi thì hành và phải được sự vui vẻ đồng tình với nhau trong tinh thần hòa hợp, trong đó không có sự ép buộc hay cắn rứt thất bụng nề lòng. Người chồng hay người vợ biết tự trọng và áp dụng đúng nguyên tắc sống này thì gia đình đó hạnh phúc biết bao.

Thí dụ như vì chuyện gởi quà về Việt Nam cho thân nhân, nhiều gia đình trở nên bất hạnh, mất hết hạnh phúc. Nguyên do họ gởi quà cho thân nhân không được công bằng. Chồng hay vợ thường lấy công quỹ gia đình chỉ gởi riêng cho thân nhân của mình, còn thân nhân của chồng hay của vợ thì không cần biết đến, không quan tâm chia xẻ. Tình trạng đó gây rạn nứt không nhỏ trong gia đình, có khi đưa đến hiện tượng chồng vợ li dị nhau, tạo nên sự bất an cho con cái. Muốn gia đình được hạnh phúc theo ước nguyện, chồng hay vợ phải tránh tâm trạng riêng tư ích kỷ trong việc đối xử công bằng mà việc gởi quà cho thân nhân cũng chính là một trong những điều kiện tất yếu cần phải chú ý.

2)- Phải Chi Tiêu Có Điều Độ Đúng Theo Nhu Cầu Cần Thiết:

Lương bổng của gia đình thì có giới hạn, nhưng nhu cầu cho sự sống thì vô cùng. Hơn nữa trong cuộc đời sự may mắn và sự bất hạnh không có hình tương, nó đến với chúng ta lúc nào không biết và nó ra đi khỏi tầm tay của chúng ta khi nào cũng không hay. Có một điều nên biết, sự may mắn đến với chúng ta chỉ có một lần rồi vĩnh biệt luôn, nhưng sự bất hạnh đến với chúng ta luôn luôn dồn dập không chút nương tay. Chúng ta phải biết rằng công ăn việc làm có khi lên nhưng cũng có khi xuống dốc và tiền bạc có khi sung túc nhưng cũng có lúc túi cạn tay không. Khi có tiền vô ra thường xuyên, khi có công ăn việc làm no cơm ấm áo, chúng ta không nên chi tiêu bừa bãi theo sở thích mà phải sử dụng đúng theo nhu cầu cần thiết của gia đình, miễn làm sao đầy đủ tiện nghi trong vòng tương đối phòng lương bổng của mình nhằm để phòng những chuyện bất trắc xảy đến cho gia đình đủ sức xoay trở.

Thí dụ, trong gia đình, chúng ta cần một chiếc xe hơi dùng phương tiện để đi làm việc sanh sống, nhưng khi mua xe phải nhìn lại lương bổng của mình mà định mức chi tiêu, không nên mua xe đắt giá cho thật sang trọng quá mức đồng lương để khoe với xã hội mà chính mình phải vướng nợ ngân hàng. Xã hội chỉ khen chúng ta có chiếc xe sang trọng rồi thôi mà không bao giờ quan tâm đến sự đau khổ ngủ không yên của chúng ta vì phải lo đi cày hai ba jobs để trả nợ hằng tháng, vì phải lo chăm sóc khi nó bị hư hao, v.v... Cũng vì lao nhọc lo đi cày hai ba jobs để giải quyết nợ nần mà hạnh phúc gia đình trở nên lạnh nhạt, tình nghĩa con cái trở nên thờ ơ lạnh lẽo.

Nhằm cung ứng nhu cầu cho gia đình, chúng ta phải biết chọn lấy những vật liệu dựa trên công dụng căn bản của món đồ mà không nên căn cứ trên giá trị sang trọng quý giá của vật liệu. Giữa hai món đồ, một loại với vật liệu tầm thường rẻ tiền và một loại với vật

liệu sang trọng quý giá, nhưng công dụng của chúng đều giống nhau, chúng ta nên chọn lấy món đồ với vật liệu tầm thường vừa với khả năng túi tiền, miễn làm sao không thiếu tiện nghi là được. Mặc dù với vật dụng rẻ tiền, chúng ta biết cách sắp xếp, biết cách ăn mặc thì gia đình vẫn trở nên sang trọng hơn là những món đồ quý giá đắt tiền mà người sử dụng không có cặp mắt mỹ thuật trang trí.

Tóm lại, nhằm vào kinh tế gia đình, chúng ta phải biết tiết kiệm trong việc chi tiêu và chi tiêu có điều độ chừng mực, không nên phung phí bừa bãi mà gia đình không cần thiết đến.

3)- Phải Dự Trù Trong Việc Chi Tiêu:

Có nhiều gia đình ít khi dự trù trong việc chi tiêu, nghĩa là không có thành lập lịch trình hằng tháng trong việc chi tiêu. Vì thế có nhiều gia đình chi tiêu không có mức độ, nghĩa là khi có công ăn việc làm thì họ chi tiêu cho thỏa mãn theo sở thích và đến khi thiếu hụt thì họ đi vay mượn ăn trước trả sau; cho nên họ bị nợ trước chồng lên nợ sau và suốt cuộc đời bôn ba đây đó kiểm tiền để trả nợ. Họ cũng vì ăn trước trả sau không có dự trù chi tiêu thành thử cuộc sống của họ không có tương lai xán lạn và con cái của họ tuyệt vọng tiến thân. Hiện tượng này cũng là một yếu tố khiến cho gia đình trở nên mất hạnh phúc.

Để tránh sự bế tắc xảy đến cho cuộc sống mai sau, mỗi gia đình cần phải dự trù trong việc chi tiêu bằng cách thành lập một ngân khoản Phúc Lợi trong số lương chung của hai chồng vợ. Ngân khoản Phúc Lợi chính là ngân khoản còn lại được trích ra trong tổng số lương bổng của chồng vợ cộng lại sau khi khấu trừ tất cả chi phí hằng tháng cần thiết trong gia đình. Ngân khoản Phúc Lợi cũng phải chia làm ba phần: ngân khoản dự trù, ngân khoản phụ trội và ngân khoản phước đức.

*)- Ngân khoản dự trù: nghĩa là ngân khoản dành cung cấp cho những sự việc bất ngờ xảy ra trong gia đình như, tai nạn, bệnh hoạn, xe hư dọc đường, v.v... mà những khoản tiền chi tiêu đó không nằm trong ngân khoản lịch trình chi tiêu hằng tháng. Ngân khoản này phải tích lũy hằng tháng sau khi được trích ra từ trong ngân khoản phúc lợi.

*)- Ngân khoản phụ trội: nghĩa là ngân khoản dành chi tiêu cho những công việc linh tinh khác ngoài ngân khoản lịch trình chi tiêu hằng tháng như, lễ hội, tiệc tùng, hội đoàn, sanh nhật, v.v... mà mình không thể không tham dự. Ngân khoản này cũng phải tích lũy hằng tháng sau khi được trích ra từ trong ngân khoản phúc lợi.

*)- Ngân khoản phước đức: cũng gọi là ngân khoản xã hội, nghĩa là ngân khoản dành chi tiêu vào công việc từ thiện xã hội. Thuộc bổ là y dược để bồi dưỡng thân thể, còn phước đức là chất liệu để bồi dưỡng tâm linh. Chúng ta muốn bồi dưỡng tâm linh cho tăng trưởng phước đức làm lễ sống an lạc cho gia đình thì phải thực hiện công tác xã hội. Những nơi trợ giúp cho việc phước đức tăng trưởng chính là công tác bố thí cho những người nghèo đói đau khổ, công tác cúng dường vào việc cúng chùa, tạo tượng, in kinh, v.v..., vì những nơi đó là môi trường đáng quý

cho việc tăng trưởng phước đức nơi bản thân nơi gia đình với những nguyên do sau đây:

*)- Thứ nhất, những người nghèo đói, đau khổ là những nơi rất cần đến những người cứu khổ cho họ. Điều này đúng với lời chỉ dạy của đức Phật nói ở trong kinh: “*Chúng sanh duyên từ*”, nghĩa là nương nhờ nơi chúng sanh để phát khởi lòng từ bi của mình.

*)- Thứ hai, việc cúng chùa, tạo tượng, in kinh, v.v... vì những nơi đó, những việc làm đó chia sẻ phước đức rất lớn cho chúng ta qua sự cầu nguyện hằng ngày của họ.

Chú ý, trong ba ngân khoản phúc lợi đã trình bày ở trên, có một ngân khoản nào nếu như bị thiếu hụt thì chúng ta phải làm việc thêm giờ hay kiếm thêm job để bổ sung mà không được chi tiêu lẫn qua hai ngân khoản thặng dư kia.

Tóm lại, mỗi gia đình cần phải thiết lập lịch trình chi tiêu hằng tháng, trong đó có ngân khoản Phúc Lợi để cho cuộc sống có ý nghĩa, có an lạc, có hạnh phúc và có một tương lai tươi sáng, chẳng những cho mình, cho gia đình mình và cho cả con cái của mình trong việc tiến thân. Gia đình nào thực hiện được những điều đã trình bày trên là gia đình đó biết sống cho nhau, biết dự trù trong việc chi tiêu và gia đình đó đáng được tôn quý trong xã hội.

4)- Phải Tri Túc Trong nếp Sống:

Tri túc là biết đủ, người sống tri túc nghĩa là người sống có chừng mực không truy lạc xa hoa phung phí, buông thả. Kinh Phật có dạy: “*Tri túc thường lạc, đa ưu tắc bi*”, nghĩa là người biết đủ thì thường được an vui và người lo âu nhiều thì bị buồn khổ nhiều. Người sống biết đủ là người biết sống lượng sức, biết sống theo khả năng sẵn có của mình, không xa hoa, không đua đòi những điều quá tầm tay mà khả năng của mình không cho phép.

Kinh Di Giáo Phật dạy: “*Người tri túc dù nằm trên đất cũng vẫn an vui, Kẻ không tri túc dù ở cảnh Thiên đường cũng chẳng vừa ý*”. Người tri túc không bị năm thứ dục lạc chi phối. Năm thứ dục lạc nghĩa là cuộc đời con người thường bị năm thứ dục lạc trôi buộc cuốn trôi bởi ham muốn. Năm thứ dục lạc gồm có:

1)- Tài Dục: nghĩa là tiền của mờ mắt

2)- Sắc Dục: nghĩa là sắc đẹp quyến rũ

3)- Danh Dục: nghĩa là danh vọng lời cuốn

4)- Thực Dục: nghĩa là ăn uống say mê

5)- Thùy Dục: nghĩa là ngủ nghỉ lười biếng.

Kinh Niết Bàn, quyển 22 giải thích: “*Người mê theo Ngũ Dục (năm thứ dục lạc) tỷ như con chó gặm xương khô, như kẻ cầm lừa đi ngược gió, như nuôi nhốt con rắn độc, như được của trong giấc mộng, như cây trái đầu đường mà nhiều người ném chọi, như một khúc thịt mà có cả bầy chim tranh ăn, như bọt trên mặt nước...*” Năm thứ dục lạc như của tạm bợ, không được lâu dài.

Trong phạm vi gia đình, năm thứ dục lạc nói trên cần nên tiết chế theo nhu cầu và sử dụng theo khả năng,





The Three Carts and the Burning House

Ba Cỗ Xe và cái nhà Đang Cháy

MỘT ĐÊM...

Một đêm đã thấy nhẹ lòng
Thong dong tắc dạ khơi dòng an nhiên
Một đêm đã thấy nhẹ lòng
Trút niềm tâm sự vào trong ta bà
Một đêm đã thấy nhẹ lòng
Mênh mông mây trắng, trắng trong thanh nhàn
Một đêm đã thấy nhẹ lòng
Bến không hiển hiện trắng trong, mây lành
Một đêm đã thấy nhẹ lòng
An nhiên tự tại thoát dòng tử sinh
Một đêm đã thấy nhẹ lòng
Có - không, được - mất thoát vòng trần ai
Một đêm đã thấy nhẹ lòng
Càn khôn vũ trụ mênh mông đất trời
Một đêm đã thấy nhẹ lòng
Trà thơm một tách bên dòng thi ca.

VIÊN QUANG

không nên chạy theo thị trường, buông thả theo sở thích mà phải bị lao tâm tổn sức, phá hoại gia cang, như:

a. Tiền của: tạo dựng theo khả năng, sống theo nhu cầu, đừng chạy đua quá độ để có tiền của cho nhiều mà bỏ quên hạnh phúc gia đình.

b. Sắc đẹp: luôn luôn tâm niệm mình đã có gia đình, vì con cái, không nên để cho sắc đẹp bên ngoài quyến rũ để làm tổn thương đến hạnh phúc gia đình.

c. Danh vọng: tiếng thơm nếu mình đã có thì không cần phải phô trương, luồn cúi, nịnh bợ làm mất đi phong cách của một con người.

d. Ăn uống: ăn uống để sống mà không phải sống để ăn uống, cho nên ăn uống phải có tiết độ, không nên tham ăn tham uống quá độ đem đến tai hại cho thân xác.

e. Ngủ nghỉ: trao cái vóc óc u mê, nghĩa là trao đời thân thể cho đẹp thì tâm hồn trở nên đần độn ngu si. Con người thiếu ngủ thì dễ bị bệnh hoạn, nhưng ngủ nghỉ quá độ thì kém thông minh, hiểu biết chậm chạp.

Tóm lại, tri túc là biết sống an phận, biết chấp nhận những nhu cầu hiện có khiêm tốn trong khả năng tạo dựng của mình, không phung phí xa hoa dư thừa, không đua đòi theo sở thích, không chạy đua theo phong trào vật chất, biết dừng lại ở nơi cần phải dừng trong thanh bần lạc nghiệp. Người sống tri túc là người biết bảo vệ hạnh phúc gia đình, biết lo cho chồng vợ con cái, dù bất cứ hoàn cảnh nào giữ gìn cho gia đình được hạnh phúc lâu dài là thỏa mãn cho tâm nguyện của mình. Những người biết sống như trên đáng được kính trọng và tôn vinh.

III.- KẾT LUẬN:

Đây là những nguyên tắc căn bản cho việc sống chung trong một gia đình cần phải có để xây dựng hạnh phúc dài lâu. Nội dung những nguyên tắc này bao gồm cả tâm lý, sinh lý và vật lý được rút ra từ nơi những điều Phật dạy trong các kinh luận và xây dựng trên nền tảng sáu pháp hòa kính (Lục Hòa) ngõ hầu giúp cho người Phật Tử tại gia sống có ý nghĩa để được hạnh phúc an vui theo tinh thần Phật Giáo. Giá trị tinh thần những nguyên tắc trên nhằm mục đích quân bình cả tâm lý, sinh lý và vật lý qua sự chỉ đạo của tâm trí con người không cho thặng dư (không cho xí thạnh) sẽ gây xáo trộn bất an cho cá nhân và tập thể. Đối với tuổi trẻ mới lớn lên, những nguyên tắc nói trên chính là kinh nhật tụng cần phải gối đầu cho những trai gái trước khi lập gia đình, là khuôn vàng thước ngọc cho những đôi chồng vợ son trẻ vững bước trên lộ trình hạnh phúc lứa đôi và cũng là cẩm nang đáng giá cho những người lớn tuổi căn cứ theo đó giáo dục con cái mình để biết sống theo con đường hạnh phúc bền lâu. Gia đình nào nếu như quyết tâm thực hiện những nguyên tắc nói trên một cách triệt để thì gia đình đó trở thành gương mẫu tốt trong xã hội và cũng là nền tảng xây dựng lâu dài cho sự giác ngộ giải thoát sanh tử của kiếp nhân sanh.

HẾT

HT. THÍCH THẮNG HOAN

One day, a fire broke out in the house of a wealthy man who had many children. The wealthy man shouts at his children inside the burning house to flee. But, the children are absorbed in their games and cannot understand his warning, though the house is being consumed by flames. Then, the wealthy man devises a practical way to lure the children from the burning house. Knowing that the children are fond of interesting playthings, he calls out to them, "Listen! Outside the gate are the carts that you have always wanted: carts pulled by goats, carts pulled by deer, and carts pulled by oxen. Why don't you come out and play with them?"

The wealthy man knows that these things will be irresistible to his children.

The children immediately race out to get into the carts. In this way, the wealthy man is able to get his children safely away from the burning house.

Once outside, the children demand the carts they have been promised. Instead, the wealthy man gives them a much finer and larger cart — one that runs as swiftly as the wind — adorned with many jewels and drawn by a great white ox. This cart is called the Great White Ox Cart.

Explanation:

The wealthy man can be compared to the Buddha, and the children to the people. The burning house indicates the real world where sufferings abound. The goat, deer, and ox carts represent the early teachings of Buddhism. In those previous teachings the goal was to attain the levels of Learning, Realization, or Bodhisattva.

Once those levels were reached, the Buddha's followers were then ready to hear about the highest teaching, the Lotus Sutra. The Great White Ox Cart is compared to the teaching of the Lotus Sutra, which opens the direct way to Buddhahood.

(from the Hiyu chapter of the Lotus Sutra)

Một ngày nọ, ngôi nhà của một người trưởng giả giàu có với nhiều trẻ con bỗng bốc cháy. Vị trưởng giả la to bảo con mình bỏ căn nhà đang cháy mà chạy. Nhưng, các con của người đang ham mê các trò chơi của nó mà không thể hiểu được cảnh báo của cha, mặc dù căn nhà đang bị cháy rụi. Sau đó, vị trưởng giả giàu có tìm cách thiết thực để cứu các con của mình. Biết rằng các con thích đồ chơi thú vị như xe cộ, ông hét to: "Ra đây mà chơi. Bên ngoài có những loại xe mà các con luôn muốn. Ra đây mà chơi, nào là xe dê, xe hươu, và xe bò. Các con hãy ra đây mà chơi với nó."

Vị trưởng giả biết rằng những thú vui này con mình sẽ không bao giờ từ chối.

Lũ trẻ ngay lập tức chạy ra để chọn xe. Chỉ bằng cách này, vị trưởng giả mới có thể đưa những đứa con của ông ra khỏi nhà cháy một cách an toàn.

Một khi bên ngoài, các con ông yêu cầu những cỗ xe mà họ đã được hứa. Thay vào đó, vị trưởng giả giàu có cho con một cỗ xe tốt hơn và lớn hơn nhiều - nó chạy nhanh chóng như gió - trang trí bằng nhiều đồ trang sức và được kéo bởi một con bò trắng tuyệt vời. Cỗ xe này được gọi là Đại Bạch Ngưu.

Giải thích:

Vị trưởng giả giàu có có thể được so sánh thay Đức Phật, và lũ trẻ (con ông) ví như chúng sanh. Cái nhà cháy thay cho thế giới hiện nay, nơi mà đau khổ còn chồng chất. Các xe dê, xe hươu, và xe bò đại diện cho những lời dạy đầu tiên của Phật giáo. Mục tiêu những lời dạy đó là để đạt được các mức độ tu tập, chứng ngộ hay giải thoát, hoặc các quả vị Bồ Tát.

Một khi đã đạt quả vị chứng ngộ, người theo Phật đã sẵn sàng thâm nhập lời dạy cao siêu hơn của Phật, như Kinh Pháp Hoa. Cỗ Xe Đại Bạch Ngưu được so sánh với việc giảng dạy của Kinh Pháp Hoa thâm diệu này, mở lối trực tiếp vào Phật tính.

Bạch Xuân Phê dịch



CHÂN TÌNH ĐÔI BẠN TÂM GIAO ĐOẠN TRỪ TÀ KIẾN LIỀN VÀO CHÂN NHƯ

Tịnh Minh soạn dịch

Trước khi Đức Thế Tôn xuất hiện trên đời, có hai ngôi làng Bà-la-môn cách thành Vương-xá không xa, đó là làng U-pa-ti-xa (Upatissa) và Kô-li-ta (Kolita). Một hôm, vợ của Rupa-xa-ri (R?pas?ri), người làng U-pa-ti-xa, cần thai, và vợ của Mô-ga-li (Moggali), người làng Kô-li-ta cũng cần thai. Tương truyền rằng hai gia đình này đã ba đời thân thiện và gắn bó với nhau nên họ rất lấy làm vui mừng chăm sóc hai bà mẹ mang thai cho đến ngày khai hoa nở nhụy, và hai bà đã sanh được hai cậu con trai tuyệt vời.

Đến ngày thôi nôi, để đánh dấu hai gia đình coi cả trong làng, họ đặt tên U-pa-ti-xa là Xá-lợi-phất (S? riputta) cho cậu bé sanh ở làng U-pa-ti-xa, và Kô-li-ta tức Mục-kiền-liên (Moggall?na) cho cậu bé ở làng Kô-li-ta. Khi lớn lên, hai cậu học hành xuất chúng trong các lãnh vực nghệ thuật và khoa học. Mỗi khi đi xem cảnh ở hoa viên hay sông hồ, Xá-lợi-phất được 500 chiếc kiệu vàng và Mục-kiền-liên 500 cỗ xe ngựa với 500 tùy viên theo hầu. Hai cậu học hành và sinh hoạt như hai ông hoàng ở hai ngôi làng nhỏ.

Bấy giờ có một lễ hội truyền thống được tổ chức tương bưng tại Vương-xá. Hai cậu đến xem nghi thức và ngồi chung trên một chiếc ghế đặc biệt. Cả hai đều biểu lộ tình cảm như nhau theo từng tình tiết trình diễn: cảnh vui, cả hai đều cười sảng khoái; cảnh buồn, cả hai đều khóc sứt sùi; đến cảnh quyền góp bó thí, cả hai đều dốc túi làm phước. Cả hai hân hoan theo dõi hội diễn trong mấy ngày liền. Rồi một hôm, khi đã lớn khôn, cả hai không còn cảm thấy hân hoan, bi lụy hay sẵn lòng giúp đỡ theo tình tiết như xưa. Hai cậu đều suy nghĩ:

- Tại sao ta phải xem hoài cái màn hội diễn khóc cười điên đảo này? Hàng trăm năm qua, bao lớp người đã ngất ngây quần quai, khóc khúc cười cười theo cảnh đời ngược xuôi ngược xuôi rồi cùng chung số kiếp đi vào lãng quên. Ta nên tìm đường giải thoát.

Họ ngồi cạnh bên nhau, Mục-kiền-liên nói:

- Xá-lợi-phất, hình như bạn không được vui như những ngày nào, trông bạn có vẻ u buồn thối thiết lắm! Bạn đang suy nghĩ gì?

- Nay Mục-kiền-liên! Vâng, ta đang suy nghĩ. Ta thấy hình như không có một niềm vui nào lâu bền, tất cả đều vô vị. Ta phải tìm đường giải thoát đi thôi.

Cả hai tán đồng quan điểm, rủ nhau xuất gia, nhưng chưa biết theo vị đạo sư nào.

Bấy giờ có một du sĩ tên là Xan-ja-da (Saijaya) vào thành Vương-xá với nhiều môn đệ thấp tùng. Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên nói:

- Ta sẽ xuất gia theo Xan-ja-da. Thế là cả hai cho phép 500 tùy viên ra về và nói:

- Hãy đem hết xe kiệu này đi.

Sau đó cả hai cùng với 500 thuộc hạ đến gặp Xan-ja-da xin xuất gia tu học. Từ khi có hai thanh niên ưu tú xuất gia, Xan-ja-da đã đạt đến tột đỉnh uy danh vinh dự. Nhưng chỉ trong một thời gian ngắn, cả hai đã nắm được toàn bộ giáo nghĩa của Xan-ja-da. Vì thế họ hỏi ông:

- Thưa Thầy, đây là toàn bộ giáo thuyết mà Thầy đã đạt, hay còn gì khác?

- Đây là tất cả. Những gì ta chứng ngộ hai con đã quán triệt.

Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên liền nghĩ:

- Nếu đây là toàn bộ giáo nghĩa của Xan-ja-da thì làm môn đệ của người cũng chả ích lợi gì. Con đường giải thoát chúng ta đang tìm chả dính dáng gì với vị đạo sĩ này. Hãy tiếp tục lên đường tìm thầy học đạo!

Từ đó trở đi, nghe nơi nào có đạo sĩ Bà-la-môn uyên bác, họ đều đến tham vấn, nhưng rồi cuộc họ không thỏa mãn với một đạo sĩ nào. Thất vọng, họ bèn lui bước trở về. Nhưng trước khi chia tay, Xá-lợi-phất nói với Mục-kiền-liên:

- Nay Mục-kiền-liên, nếu ai trong hai ta đạt đạo trước thì hãy báo cho người kia biết.

Họ đồng ý và chia tay nhau trong niềm thao thức kiếm tìm chân lý.

Bấy giờ Đức Thế Tôn vân du đến thành Vương-xá, tiếp nhận tu viện Trúc Lâm (Veluvana) và an trú tại đó. Ngài phái 61 vị A-la-hán lên đường truyền bá chánh pháp và nói:

- Hãy lên đường, này các thầy Tỳ-kheo, hãy lên đường truyền bá chánh tín Tam bảo đến cho mọi người.

Sáng sớm hôm đó, Trưởng lão A-xa-ji (Assaji) vào thành Vương-xá khát thực. Xá-lợi-phất trên đường đi đến rừng Khổ hạnh thì gặp Trưởng lão. Vừa thoáng thấy ngài, Xá-lợi-phất tự nhủ:

- Ta chưa bao giờ thấy một tu sĩ nào hiền hòa uy nghi như thế. Ngài chắc là

đã chứng quả A-la-hán hoặc trên đường tiến đến quả vị đó. Ước gì ta được thân cận bên ngài! Ngài xuất gia với ai? Ai là thầy của ngài? Ngài theo giáo thuyết nào?

Nhưng rồi Xá-lợi-phất liền nghĩ:

- Bấy giờ không phải là lúc tham vấn vị tu sĩ này. Ngài đang khát thực. Ta nên lặng lẽ theo sau ngài. Những ai muốn làm môn đồ đều phải tình nguyện đi theo từng bước chân đi của Thầy.

Khất thực xong, Trưởng lão A-xa-ji định ngồi dưới một tàng cây thọ thực. Xá-lợi-phất vội tiến ra phía trước, thi lễ và xin được phép trải tọa cụ hầu ngài. Xong bữa, Xá-lợi-phất dâng nước cho Trưởng lão và sau đó bày tỏ niềm hân hoan tiếp chuyện với ngài. Xá-lợi-phất tán thán:

- Thưa sư huynh, thân tướng của sư huynh trông thanh tịnh trang nghiêm làm sao! Sắc diện của sư huynh sao mà hồng hào trong sáng thế! Sư huynh xuất gia với ai? Ai là Thầy của sư huynh? Sư huynh theo giáo thuyết nào?

Trưởng lão A-xa-ji tự nghĩ:

- Các vị du sĩ thường không mấy thân thiện với đạo giáo của ta. Ta sẽ chứng tỏ cho vị du sĩ này nhận ra chỗ thâm diệu, uyên áo của giáo pháp Phật đà.

Ngài tỏ vẻ khiêm tốn:

- Thưa huynh, tôi mới xuất gia tu học, hãy còn là một tu sĩ tập sự, chưa tiếp cận được nhiều với giới luật kinh văn; do đó, khó mà lý giải giáo pháp một cách tường tận.

- Thưa sư huynh, bản đạo là Xá-lợi-phất, xin sư huynh giảng giải ít nhiều gì cũng được. Bản đạo có thể nhận ra yếu nghĩa bằng trăm ngàn cách.

Trưởng lão A-xa-ji vừa đọc câu thứ nhất trong bài kệ bốn câu:

- Các pháp do duyên sanh.

Đôi mắt của Xá-lợi-phất bỗng bừng sáng lên, miệng mỉm cười và trực nhận được lý duyên sanh của vạn hữu. Để

nhấn mạnh ý nghĩa của giáo pháp, Trưởng lão đọc hết bài kệ:

Các pháp do duyên sanh,

Lại cũng do duyên diệt,

Thầy ta là Đức Phật,

Thường thuyết giảng như vậy.

Không còn nghi ngờ gì nữa, Xá-lợi-phất hỏi:

- Bạch Trưởng lão, Thầy của chúng ta hiện giờ ở đâu?

- Tại tu viện Trúc Lâm, thưa huynh.

- Thế thì mời Trưởng lão về trước. Bản đạo còn một người bạn đã từng giao ước với nhau rằng ai tìm ra chánh đạo, người ấy phải báo cho người kia biết. Bản đạo sẽ đưa người bạn đó đến xin quy y với Đức Thế Tôn và xin được hân hạnh cùng tu tập với Trưởng lão.

Nói xong, Xá-lợi-phất sụp lạy dưới chân Sa-môn A-xa-ji, đi ba vòng quanh ngài theo chiều kim đồng hồ, rồi ngỏ lời tạm biệt ngài để về gặp Mục-kiền-liên.

Thấy Xá-lợi-phất từ xa đi lại, Mục-kiền-liên lòng hân hoan phơi phới và tự nhủ:

- Hôm nay nét mặt của bạn ta sao mà tươi sáng thế! Chắc là Xá-lợi-phất đã tìm ra chánh đạo. Mục-kiền-liên hỏi ngay và được Xá-lợi-phất đáp:

- Vâng, thưa huynh! Tôi đã tìm ra chánh đạo; tôi đã nhận ra diện mục của bất tử vô sanh.

Xá-lợi-phất vừa đọc xong bài kệ của Trưởng lão A-xa-ji thì Mục-kiền-liên hỏi ngay:

- Thế Thầy của chúng ta hiện giờ ở đâu?

- Tại tu viện Trúc Lâm.

- Vậy thì chúng ta cùng đến diện kiến Ngài.

Để tỏ lòng biết ơn Thầy cũ, Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên đến thăm đạo sĩ Xan-ja-da với dụng ý thuyết phục ông theo họ đến quy y Phật. Nhưng vừa thấy hai người, Xan-ja-da cất tiếng hỏi:

- Xin chào, hai bạn tu hành đắc đạo rồi chứ?

- Vâng, thưa Thầy! Chúng tôi đã thấy Đức Thế Tôn xuất hiện trên đời. Chánh pháp đã được thuyết giảng và giáo hội đã được thành lập. Thầy đang làm một cuộc hành trình phi chân, vô vọng. Hãy theo chúng tôi đến cầu đạo Đức Thế Tôn. Chúng tôi khuyên Thầy với lòng chân thành cảm mến.

- Các bạn đi đi, ta không thể!

- Vì sao?

- Ta đã là đạo sư thuyết giảng trước bá quan vạn dân, nay bỗng đứng làm đồ đệ, chuyện đó khôi hài và phi lý lắm! Ta không thể nào làm cái chuyện bê nước pha trà cho Thầy nữa.

Thưa Thầy, hiện nay biết bao vua chúa thần dân cung kính cúng dường Đức Thế Tôn.



Lôgic học trong Phật giáo

Hoang Phong

(kỳ 2, tiếp theo)

Các đại luận sư về triết học lôgic học trong lịch sử Phật giáo

Trên dòng lịch sử phát triển của Phật giáo có nhiều vị đại luận sư đã tích cực góp phần vào việc diễn giải giáo lý của Đức Phật, và cũng nhờ đó mà Đạo Pháp theo dòng thời gian mà ngày càng đã trở nên phong phú hơn. Trong số các vị ấy có Ngài Long Thụ (thế kỷ thứ II) là vị nổi bật nhất đã sáng lập ra học thuyết Trung Đạo (Madhyamika), một học thuyết liên quan đến sự hiểu biết lôgic của Phật giáo.

Long Thụ điều khiển đại học Na-lan-đà và sau đó thì giao lại trọng trách này cho người đệ tử giỏi nhất của mình là Thánh thiên (Aryadeva) sinh vào cuối thế kỷ thứ II hay đầu thế kỷ thứ III (?), vị này cũng là một đại luận sư rất uyên bác và đã tiếp tục khai triển thêm học phái Trung quán. Một trong các tác phẩm quan trọng của Thánh thiên là tập luận *Bốn trăm tiết* (Catuhsataka) giải thích quan điểm của Long Thụ về bản chất vô thực thể của mọi hiện tượng.

Sau Long Thụ và Thánh Thiên, người ta lại thấy xuất hiện thêm vào thế kỷ thứ IV một vị đại luận sư khác nữa về lôgic Phật giáo, đó là ngài Trần Na (Dignaga). Trần Na thụ giáo tại đại học Na-lan-đà và là đệ tử của ngài Thế thân (Vasubandu, ~316 - 396) một đại luận sư của tông phái Duy thức, em của ngài Vô trước (Asanga) người sáng lập ra tông phái này. Vì thế cũng dễ hiểu là tư tưởng của Trần Na nghiêng hẳn về Duy Thức tông. Ông giảng dạy tại đại học Na-lan-đà và có công hệ thống hóa toàn bộ lôgic học Phật giáo. Ông viết rất nhiều và đã trước tác nhiều tập luận giải về lôgic học.

Sau Trần Na lại xuất hiện thêm một đại luận sư khác là ngài Nguyệt Xứng (Candrakirti), sinh vào cuối thế kỷ thứ IV. Lôgic của Nguyệt Xứng hoàn toàn là lôgic của Trung Quán tông. Hai trước tác quan trọng của ông là quyển *Minh cú luận* (Prasannapada) chú giải tập *Trung quán luận tụng* của Long Thụ và quyển *Nhập Trung luận* (Madhyamakavatara) thì hệ thống hóa toàn bộ học phái Cự duyên tông (Prasangika) của Trung quán tông.

Tư tưởng của các đại luận sư trên đây đã ảnh hưởng sâu đậm nền triết học Phật giáo suốt nhiều thế kỷ sau đó, cho đến ngày đại học Na-lan-đà bị các đạo quân Hồi giáo đốt phá vào cuối thế kỷ XII. Cũng xin nói thêm là nhiều trước tác của các vị trên đây đã bị mất mát trong biến cố vừa kể, một số chỉ còn lại bản dịch bằng tiếng Hán hoặc bằng tiếng Tây tạng. Trong suốt một thời gian dài từ Long Thụ cho đến Nguyệt Xứng và sau đó nữa, đại học Na-lan-đà hợp tác với các vị

vương công đương thời thường xuyên tổ chức những cuộc tranh luận giữa các vị trong giáo đoàn và cả các vị thầy khác thuộc Phật giáo và ngoài Phật giáo được mời đến từ bên ngoài. Có nhiều cuộc tranh luận kéo dài hàng nhiều năm.

Phần trên đây tóm lược tiểu sử của một số các vị đại luận sư nổi bật nhất của triết học Phật giáo và đồng thời cũng nêu lên một vài nét sinh hoạt và tranh đua tại đại học Na-lan-đà vào một trong những thời kỳ hưng thịnh và sáng chói nhất của đại học này. Tuy nhiên bài viết này chỉ giới hạn trong việc phân tích một vài đường nét tư tưởng của ngài Long Thụ mà thôi, vì dù sao thì các vị đại sư sau Long Thụ tuy có nhiều nét đặc thù nhưng cũng không đi ra ngoài lôgic chung của triết học Phật giáo.

Ngài Long Thụ và lôgic Phật giáo

Không có một chứng tích lịch sử nào chính xác về cuộc đời của Long Thụ, tiểu sử của ông gần như hoàn toàn dựa vào huyền thoại. Người ta chỉ biết rằng ông sinh vào khoảng giữa thế kỷ thứ II và mất vào khoảng giữa thế kỷ thứ III. Là người miền Nam nước Ấn nhưng gia đình thì gốc Bà-lamôn, vì thế ông đã dùng tiếng Phạn trong việc viết sách thay vì dùng tiếng Pali của miền Nam. Ông thụ giáo tại đại học Na-lan-đà và sau đó thì trụ trì và điều khiển đại học này.

Kỹ thuật biện luận lôgic của Long Thụ là cách đảo ngược quá trình suy luận của các trào lưu triết học về một chủ đề rất được quan tâm thời bấy giờ là bản thể học (ontologie), đó là một ngành học tìm hiểu về sự hiện hữu của mọi sự vật và của con người, có nghĩa là tìm cách trả lời các câu hỏi như: các vật thể có hiện hữu hay không, con người có hàm chứa một thực tại hay không?

Đối với Long Thụ thì tất cả những thứ ấy "không hiện-hữu, cũng không phải là không-hiện-hữu, chúng cũng không phải vừa hiện-hữu và vừa không-hiện-hữu, cũng không phải cùng lúc vừa là không-hiện-hữu và vừa không phải là không-hiện-hữu". Long Thụ cho rằng xác nhận có sự hiện hữu là sai, nhưng xác nhận là không có sự hiện-hữu cũng sai, hoặc xác nhận sự hiện-hữu và cả sự không-hiện-hữu cũng là sai, hoặc nếu xác nhận cả hai đều là đúng thì cũng sai. Lý do là nếu muốn xác định như thế thì tất nhiên phải lệ thuộc một cách lộ liễu hoặc kín đáo vào một cái ngã. Trong khi đó Phật giáo lại chủ trương vô ngã, vì thế đối với Long Thụ mọi hiện tượng đều "thật", nhưng chỉ "thật" với tư cách là những hiện tượng mà thôi, chúng giống như một tấm màn căng ra nhưng phía sau thì không che giấu một thứ gì cả, bởi vì bản chất của mọi hiện tượng là Tánh không.

Phương pháp biện luận mà Long

Thụ thường sử dụng là để chứng minh sự phi lý và mâu thuẫn, và phương pháp này cũng thường được sử dụng trong toán học: thí dụ sự hiện hữu của A nhất thiết cần phải có sự hiện hữu của B, nếu B không hiện hữu thì A cũng sẽ không hiện hữu. Long Thụ không bao giờ chọn cho mình một vị thế cố định hay cứng nhắc nào cả, khi có ai đặt một câu hỏi thì ông vạch cho người đó thấy tính cách phi lý và mâu thuẫn của câu hỏi và từ đó ông phá vỡ mọi vị thế khẳng định làm cho các thắc mắc của người hỏi và cả câu hỏi trở nên vô nghĩa.

Sau đây là hai thí dụ điển hình trích từ quyển "Những lời khuyên dành cho vị đế vương" của ngài Long Thụ (dựa theo bản dịch từ tiếng Phạn sang tiếng Pháp của Philippe Cornu tựa là *Conseils au roi*, nhà xuất bản Seuil, collection Sagesses, 2000. Tựa tiếng Phạn của tập luận này là *Rayaparikatharatnavali*, tựa của các bản dịch tiếng Việt là *Na-tiên Tỳ kheo kinh*):

Cũng thế, ảo ảnh giống như nước
Nhưng không phải là nước, và thật ra thì không có [nước]

Cũng thế, các cấu hợp giống như những cái tôi [cái ngã]

Nhưng không hề có cái tôi nào cả, và thật ra thì chúng không hiện hữu (tiết 54, trang 28)

Cái gì nhất thời, ngưng hiện hữu,
Vậy làm thế nào nó có thể già được?

Cái gì không phải là nhất thời, giữ nguyên một thể dạng,
Vậy làm thế nào nó có thể già được?

(tiết 68, trang 32)

Thí dụ thứ nhất cho thấy trong ảo giác nước cũng có thể có được, nhưng đây không phải là nước. Trong Tánh không thì bất cứ thứ gì cũng có thể xảy ra được, sự đối nghịch nhị nguyên cũng có thể trở thành một hiện tượng lôgic, vì thế mà người ta vẫn thường nói niết bàn và ta bà chỉ là hai thể dạng khác nhau của một thực thể duy nhất. Các trường hợp "không quyết đoán được" (indécidable) mà Aristote đã không dự trù trong hệ thống lôgic của ông. Thí dụ thứ hai chứng minh thật rõ ràng tính cách phi lý của ngôn từ và khái niệm thuộc vào thế giới hiện tượng, tức là sự phi lý trong cái hữu lý thông thường của sự thực tương đối.

Sau hết xin trích dẫn trong phần đoạn sau đây nguyên văn một tiết trong tập *Trung quán luận tụng* của Long Thụ để chứng minh cho thấy sự lẫn lộn, phi lý và vô nghĩa của ngôn từ và phương pháp biện luận của tứ đoạn luận.

Một thí dụ về tứ đoạn luận của ngài Long Thụ

"[Nếu] phát biểu rằng sự tắt nghỉ không phải là một sự không-hiện-hữu cũng không phải là một sự hiện-hữu, thì điều ấy chỉ có thể đứng vững khi nào "một sự không-hiện-hữu" và "một sự hiện-hữu" đã được thiết lập một cách vững chắc.

Nếu sự tắt nghỉ không phải là một sự không-hiện-hữu mà cũng không phải là một sự hiện-hữu,

[Thì] có ai dám nói rằng [sự tắt nghỉ] "vừa không phải là một sự không-hiện-hữu mà cũng vừa là một sự hiện-

hữu".

Rằng Đấng Như Lai vẫn hiện hữu sau khi đã dừng lại, không có ai có thể khẳng định được điều ấy.

Rằng Ngài không hiện hữu? Hay cùng lúc cả hai thứ? Hoặc cái này cũng không mà cái kia cũng không?

Không có ai có thể khẳng định được.

Từ sự tắt nghỉ đến sự hình thành, không có sự khác biệt,

Từ sự hình thành đến sự tắt nghỉ, không có sự khác biệt.

Ranh giới tối hậu của sự tắt nghỉ cũng là ranh giới tối hậu của sự hình thành,

Giữa hai ranh giới đó, không có một khoảng cách nào cả, dù cho là tinh tế cách mấy đi nữa.

Phía bên kia của sự tắt nghỉ, có phải là sự chấm dứt hay không, v.v.? Sự vĩnh cửu hay không, v.v.?

Các quan điểm cho là có một niết bàn, [thì] phía sau chữ đó là gì, phía trước chữ đó là gì?

Tất cả mọi thực thể đều trống không, [vậy] lấy gì để quy cho sự không-chấm-dứt? và lấy gì để quy cho sự chấm-dứt?

Không-chấm-dứt và chấm-dứt, cũng không phải là vừa không-chấm-dứt mà cũng lại vừa có chấm-dứt, thì sự kiện đó quy cho cái gì?

Do đâu nó là như thế không thêm bớt, do đâu nó là cái gì khác hơn?

Do đâu nó vĩnh-cửu? Do đâu nó không-vĩnh-cửu?

Do đâu nó vừa vĩnh-cửu lại vừa không-vĩnh-cửu, hay là không phải cái này cũng không phải cái kia?

Hạnh phúc thay cho những ai mà sự bám víu đã lắng xuống, hạnh phúc thay cho sự đa dạng [của ngôn từ và sự vật] đã lắng xuống.

Đấng Như Lai chưa hề thuyết giảng cho bất cứ ai về bất cứ một điều giáo lý nào".

(Trích từ tập "Căn bản Trung Quán luận tụng" (tiết XXIV) của ngài Long Thụ, phỏng theo bản dịch tiếng Pháp của Michel Angot).



Lời kết

Kinh sách có nêu lên một số câu hỏi mà Đức Phật không trả lời một cách trực tiếp mà chỉ phân tích câu hỏi để chứng minh cho thấy là các câu hỏi đã được đặt sai. Điển hình hơn hết là trong kinh *Culamalunkya-sutta (Majjhima Nikaya - Trung Bộ kinh, 426-432, bản dịch sang tiếng Pháp của Mohan Wijayaratna, nhà xuất bản Cerf, 1988, trang 113-117)*. Trong kinh này người đệ tử của Phật tên là Malunkya-putta có nêu lên một số câu hỏi, chẳng hạn như: vũ trụ có bắt diệt hay không? Vũ trụ có biên giới hay không? Một sinh linh đã được giải thoát có hiện hữu sau khi chết hay không, v.v... Đức Phật phân tích mỗi câu hỏi của Malunkya-putta thành bốn mệnh đề và sau đó thì cho biết là khổ đau, già nua và cái chết là những gì cấp bách và quan trọng hơn nhiều so với những thắc mắc của Malunkya-putta. Các câu hỏi của Malunkya-putta được Đức Phật phân tích như sau:

1. Vũ trụ có bắt diệt hay không?
2. Vũ trụ không bắt diệt?
3. Vũ trụ vừa bắt-diệt vừa không-bắt-diệt?
4. Vũ trụ đồng thời vừa không-bắt-diệt cũng vừa không phải là không-bắt-diệt?

1. Vũ trụ vô tận?
2. Vũ trụ không vô tận?
3. Vũ trụ đồng thời vừa vô-tận lại vừa không-vô-tận?
4. Vũ trụ đồng thời vừa không-vô-tận nhưng cũng không phải là không-vô-tận?

1. Một sinh linh đã đạt được giải thoát còn hiện-hữu sau khi chết?
2. Một sinh linh đã đạt được giải thoát không-còn-hiện-hữu sau khi chết?
3. Một sinh linh đã đạt được giải thoát vừa hiện-hữu nhưng cũng vừa không-hiện-hữu sau khi chết?
4. Một sinh linh đã đạt được giải thoát vừa không-hiện-hữu nhưng cũng vừa không phải là không-hiện-hữu sau khi chết?

Sau đây là tóm lược một câu trả lời điển hình của Đức Phật cho Malunkya-putta: "Này Malunkya-putta, có quan điểm theo đó Như Lai còn hiện-hữu sau khi chết, có quan điểm theo đó Như Lai không-còn-hiện-hữu sau khi chết, có quan điểm theo đó Như Lai vừa hiện-hữu cũng vừa không-hiện-hữu sau khi chết, có quan điểm theo đó Như Lai không-hiện-hữu nhưng cũng không phải là không-hiện-hữu sau khi chết, nhưng trước nhất phải hiểu rằng có sinh, có già, có chết, có khổ, có than khóc, có đớn đau, xót xa và tuyệt vọng. Ta chỉ giảng cho con về sự chấm dứt những thứ ấy trong thế giới này, trong chính sự sống này. Vì thế, này Malunkya-putta, hãy giữ lấy trong tâm những gì Ta giảng, đúng như Ta đã giảng, và những gì Ta không giảng, đúng như Ta không giảng..."

Trong câu trả lời của Đức Phật có hai phần rõ

rệt: một phần thì Đức Phật giảng nhưng một phần khác thì Đức Phật không giảng. Phần mà Đức Phật giảng thuộc vào sự thật tương đối của thế giới này, đó là sự thật của khổ đau, của già nua và cái chết, cái sự thật đó cấp bách hơn đối với Malunkya-putta. Phần mà Đức Phật không giảng cho Malunkya-putta là sự thật tuyệt đối của bản thể mọi hiện tượng trong vũ trụ này. Đức Phật chỉ nhắc cho Malunkya-putta phải giữ trong tâm những gì mà Đức Phật không giảng đúng như Đức Phật không giảng.

Tuy không giảng nhưng Đức Phật đã phân tích các câu hỏi của Malunkya-putta thành bốn mệnh đề của tứ đoạn luận trong mục đích chứng minh cho Malunkya-putta thấy các câu hỏi ấy là phi lý, vô nghĩa và vô ích, nhưng lại không giảng cho Malunkya-putta về Tánh không của mọi hiện tượng. Thật vậy Malunkya-putta không phải là một đệ tử có tầm cỡ của Ma-ha Ca-diếp, cái yên lặng mà Đức Phật không trả lời trọn vẹn các câu hỏi của Malunkya-putta khác với cái yên lặng khi Đức Phật cầm cành hoa đưa lên cho Ma-ha Ca-diếp xem mà không nói gì cả. Cái yên lặng đó vượt lên trên khổ đau, của già nua và cái chết, vượt ra bên ngoài biên giới của vũ trụ, vượt lên trên niết bàn và cả ta bà, cái yên lặng đó trong nhất thời Malunkya-putta không cần biết.

Câu phát biểu trên đây cho thấy Đức Phật chỉ là sự yên lặng làm trung gian giữa chúng ta và sự thực tuyệt đối. Thật vậy đối với sự thật tối hậu thì hiện-hữu là sai, không-hiện-hữu cũng là sai, vừa không-hiện-hữu vừa hiện-hữu cũng là sai, không-hiện-hữu cũng không phải là không-hiện-hữu cũng là sai. Tất cả đều sai nên chẳng có gì để mà nói cả. Tất cả những thứ nói gì lên được chỉ là những tạo tác của tâm thức và lệ thuộc vào cái tôi của một cá thể mà thôi. Dòng hiện hữu là một chuỗi hiện tượng mang tính cách tương liên, lôi kéo nhau và liên tục trôi chảy không ngừng nghỉ. Dòng trôi chảy ấy không hề hàm chứa bất cứ một đối tượng nào cũng không mang một chủ đích nào cả. Trên dòng trôi chảy tự nhiên ấy không có một thực thể bền vững nào cũng không có một sự đứt đoạn nào cả. Sự hiện hữu là hậu quả của một quá trình hình thành không ngừng và bất tận, quá trình đó không có khởi sự cũng chẳng có chấm dứt, tuyệt nhiên không hàm chứa bất cứ một chủ thể hay một đối tượng nào.

Trước cái lôgic đó của mọi hiện tượng, Đức Phật đã giữ yên lặng và không nói gì cả, các đệ tử của Ngài chỉ nghe thấy tiếng vang từ những câu hỏi của họ dội lại từ sự yên lặng của Đức Phật mà thôi. Tóm lại cái lôgic học của Phật giáo không phải dùng để đi tìm một sự thực nào cả mà đúng hơn là để đánh thức sự u mê của chính mình, để ý thức được ngôn từ và khái niệm chỉ có tính cách quy ước, mọi thắc mắc và biện luận chỉ đơn thuần là những bám víu của tâm thức mà thôi.

Bures-Sur-Yvette, ngày 02.04.10
Hoang Phong



MÙA HOA VÔ ƯU NỞ

*Một ngày ấy, Hoa Vô Ưu bùng nở
Niềm hoan khắp thế giới ba ngàn
Có bảy đóa sen hồng nâng gót ngọc
Một vĩ nhân xuất hiện cõi nhân gian.*

*Đi bảy bước, tay chỉ trời, chỉ đất
Trong thế gian không ai sánh bằng "Ta"
Cái "Ta" ấy vốn chính là Tánh Phật
Ngài hiện đang khai thị cõi Ta Bà.*

*Bao chúng sanh vì si mê chấp ngã
Gây não phiền theo vọng nghiệp xoay vần
Bồ Tát Hạnh với Từ Bi Hỷ Xả
Nước Cam Lộ tưới tắm, nhuận thâm ân.*

*Vĩ nhân ấy như hoa sen tươi sắc
Trong bùn như lại chẳng vướng hôi tanh
Từ con người nhờ tu hành chứng đắc
Phật, Như Lai, bậc trọn giác, trọn lành.*

*Ánh Từ Quang thuở sao Mai sáng tỏ
Mãi chiếu soi khắp thế giới mười phương
Để chuyển hoá nhân gian thành Tịnh Độ
Chuyển khổ đau, đặc an lạc, Niết Bàn.*

*Nay thế giới bao nhiêu nhưng rối loạn
Tham sân si còn đầy dẫy ngập tràn
Giết hại nhau trong tị hiềm, phe đảng
Xấu xí nhau, phi báng, đọa lầm than.*

*Cõi ngũ trước nghiệp chúng sanh ràng buộc
Con tâm thành đánh lễ bậc Y Vương
Chúng sanh bệnh trầm kha chờ thang thuốc
Giải trừ căn độc tố thắm tuý xương.*

*Hồn hoang lạc trong bụi đời vất vưởng
Nhìn cảnh hoa chợt nhớ cánh vô ưu
Bao gánh nặng âu lo liền đặt xuống
Kề toà sen, chiêm ngưỡng đức Phụ Từ.*

*Trước Như Lai, con cúi đầu đánh lễ
Nguyện rửa trừ điều xấu tệ trong con
Nguyện vâng hành lời Pháp nhũ sắt son
Nguyện cho đóa Vô Ưu còn tái hiện.*

*Với ngã chấp lao vào vòng tranh chiến
Với si mê ham ngụy biện vẫn xoay
Với tham sân thiếu dứt thế gian này
Chúng sanh cứ đưa nhau vào huỷ diệt.*

*Nguyện trí giác sáng soi điều thấy biết
Gương Từ Bi lồng lộng chốn nhân gian
Khắp nơi nơi rạng rỡ Ánh Đạo Vàng
Chúng sanh giới đồng tu hành thành Phật.*

THÍCH ĐỒNG TRÍ

Mùa Phật Đản, PL2554
Cleveland, Ohio, USA



HỌC KINH DUY-MA-CẬT

Tâm Minh - Vương Thúy Nga

Chương trình tu học của Huynh trưởng Gia đình Phật tử (GDPT) gồm có bốn bậc: Kiên, Trì, Định, Lực và 4 trại huấn luyện từ thấp đến cao là: Lộc Uyển, A Dục, Huyền Trang, Vạn Hạnh.

Chương trình học kinh cũng thay đổi theo trình độ tu học và ở trại cao nhất, Vạn Hạnh, anh chị em Huynh trưởng phải học 10 bộ kinh, trong đó có hai bộ kinh mà chúng tôi cho là biểu tượng của "một cuộc cách mạng tư tưởng" của thế kỷ 20, đó là kinh *Duy-ma-cật* và kinh *Thăng Man*.

Tại sao vậy? – Xin thưa, bởi vì hai bộ kinh này tuy hiện diện đã lâu trong kho tàng kinh điển Phật giáo nhưng mãi đến thế kỷ này mới thực sự được xiển dương sâu đậm trong nhân gian, phải chăng vì mãi đến thế kỷ này mới có sự "đổi đời" của người phụ nữ trong xã hội? Người phụ nữ mới đã đảm nhiệm những chức vụ quan trọng trong chính quyền, đã làm chính trị, đã đi lính, tham gia quốc hội, làm phi hành gia, v.v... thậm chí làm nữ hoàng nữa!

Sở dĩ chúng tôi gọi là "cuộc cách mạng" bởi vì cho đến ngày nay, ở những xã hội chậm tiến, người phụ nữ luôn chỉ là cái bóng của nam giới, trong gia đình thì "nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô", khi đã lập gia đình thì "phu xướng phụ tùy" hay "xuất giá tòng phu" hay "phu tử tòng tử", v.v... Thế nhưng trong kinh *Thăng Man*, người đã đồng đặc tuyên bố những giáo lý Đại thừa, được đức Phật ấn chứng và khen ngợi lại là một phụ nữ! Đúng như đức Thế Tôn dạy: Phật pháp không phân biệt nam nữ, về trí tuệ giải thoát thì nam nữ giống nhau, đều có khả năng giác ngộ như nhau!

Lại nữa, xưa nay tuy nói rằng "bốn chúng đồng tu" nhưng chư Tăng thường ở vai trò của người hướng dẫn, chỉ dạy cho cư sĩ về Phật pháp. Thế nhưng trong kinh *Duy-ma-cật*, Trưởng giả *Duy-ma-cật* đã khiến cho 10 vị đại đệ tử Phật phải tâm phục khẩu phục, đã thuyết giảng về cốt tủy của giáo lý Đại thừa, được chính đức Phật khen ngợi và khuyến khích chư vị đệ tử Phật nương theo gương Ngài mà tu tập.

Tuy nhiên đó là nhân vật ở thời đức Phật còn tại thế, là một nhân vật lịch sử hay huyền thoại thì chưa bàn đến, và là một người "có một không hai" chứ không phải ai trong chúng ta cũng có thể làm tương tự mình là một *Duy-ma-cật* đâu!

Nếu hình ảnh "người quân tử" là mẫu mực lý tưởng của Nho giáo thì cư sĩ *Duy-ma-cật*, đại diện cho người Bồ-tát tại gia, là nhân cách lý tưởng của Bồ-tát đạo Đại thừa Phật giáo vậy. Phẩm chất đạo đức của người cư sĩ *Duy-ma-cật* đã vượt lên trên con người, đã nhập vào hàng Thánh nhưng ngài không tìm Niết-bàn tịch tĩnh cho riêng mình. Ngài bệnh vì chúng sanh bệnh, ngài không lìa thế gian mà còn qua lại trong sáu nẻo luân hồi vì chúng sanh còn trôi lăn

trong đó. Ngài quyết tâm "tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sanh", qua lại giữa niết-bàn và sinh tử để giáo dục, chuyển hóa chúng sanh. Cánh cửa để Bồ-tát có thể qua lại giữa hai cảnh giới tưởng chừng như đối lập này chính là nguyên lý bất nhị hay thực tại bất nhị và "giấy thông hành" (passport) là nhập bất nhị pháp môn (vào pháp môn không hai).

Đã vào pháp môn không hai, Bồ-tát thấy được thực tướng các pháp mà không kẹt hai bên, không dính mắc vì những ý niệm dơ-sạch, uế-tịnh, đúng-sai, ngã-ngã sở, sinh-diệt, thọ-không thọ, v.v... Bồ-tát an nhiên tự tại, ung dung đi vào cuộc đời ô trược đầy thị phi điên đảo mà tâm không bị nhiễm ô, như đóa sen vươn lên từ bùn nhơ mà không nhiễm mùi bùn... Đó là con đường hành đạo của Bồ-tát hay thực hành Bồ-tát đạo.

Bồ-tát hành đạo mà không thấy mình hành đạo, bỏ thí mà không thấy có người bỏ thí, có người nhận của bố thí và có vật bố thí... Bồ-tát làm rất nhiều việc lợi ích cho đời, cho người, nhưng với tâm rỗng rang, không phân biệt, không nhớ nghĩ, tính toán, cũng không tự hào hay than van... Bồ-tát cứu người, cứu đời với tâm vô tư giống như đang đi rong chơi trong ba cõi sáu đường... Hành động thực tiễn của Bồ-tát *Duy-ma-cật* vì vậy được gọi là "bất tư nghi giải thoát" vì Tịnh độ của Bồ-tát là thế giới tồn tại của chúng sanh. Đó là bài học mở đầu về Thế và Dụng của kinh *Duy-ma-cật* mà chúng tôi học được. Thế là cơ sở tư tưởng còn Dụng là mục tiêu, là sự chuyển biến lý thuyết thành hành động cụ thể.

Trong cuộc đời này có thể không có một Trưởng giả *Duy-ma-cật* vừa tinh thông giáo lý Đại thừa, vừa làm được những Phật sự cứu giúp chúng sanh nhưng cũng đã có những Bồ-tát chuyên làm những việc đơn giản thân cho những người đói khát lạnh lẽo cơm ăn, nước uống, mền đắp, cho

người bệnh hoạn thuốc men,... như Mẹ *Thérésa*, hay cứu những người lênh đênh trên biển cả, ngoài ra còn có quý Sư cô, quý Soeurs, quý Thầy, các thân hào nhân sĩ, các sinh viên, các huynh trưởng trẻ đã làm nhiều việc phước thiện, có người thường đi vào những bệnh viện, những nhà dưỡng lão, săn sóc bệnh nhân, người già, vào nhà tù thăm viếng, ủy lạo những tù nhân cô quả, cô đơn... họ tuy chưa nhập "pháp môn không hai" nhưng đã làm được phần nào công hạnh của Bồ-tát, đem vui và cứu khổ cho đời.

Bài học kế tiếp cũng rất thú vị, đó là bài học về Phật *Hương Tích* và cõi nước của Ngài – *Chúng Hương*, ở đây chúng ta "gặp" được những điều "khó tin" nhưng lại dạy cho ta những bài học thực tế vô cùng quý giá:

"...*Duy-ma-cật* dùng thần thông lực chỉ cho hội chúng thấy cõi nước của Phật *Hương Tích*, tên là *Chúng Hương*; ở đó hương thơm tạo ra mọi thứ như lầu các, đất đai, vườn tược, hoa viên, v.v... khiến chúng tỏa ra mùi hương thơm ngát. Còn thực phẩm thì có mùi thơm lan tỏa đến vô lượng thế giới khắp mười phương... Khi ấy *Duy-ma-cật* vẫn không rời chỗ ngồi ở ngay trước đại chúng, dùng thần lực tạo ra một vị hóa Bồ-tát có thân tướng sáng ngời oai nghiêm thù thắng bao trùm cả chúng hội rồi nói với vị ấy rằng: Ông hãy đến cõi Phật *Chúng Hương* có Phật *Hương Tích*, và mới ngồi lại để thọ thực cùng với các vị Bồ-tát, mang lời của tôi mà thưa rằng '*Duy-ma-cật* cúi đầu đánh lễ dưới chân Thế Tôn, vô vàn tôn kính, và thăm hỏi sức khỏe Thế Tôn, ít bệnh ít nã, khí lực an ổn chăng? Nguyên xin chút thức ăn dư của Thế Tôn mang về thế giới Ta-bà để làm Phật sự'. Chư Bồ-tát ở cõi đó thấy vị hóa Bồ-tát này rất ngạc nhiên và hỏi tại sao có người thân hình nhỏ bé mà tài giỏi như vậy... thì đức Phật *Hương Tích* mới nhân tiện giới thiệu đức Phật *Thích-ca Mâu-ni*, cõi Ta-bà và Bồ-tát *Duy-ma-cật* đã an trụ trong pháp môn bất khả tư nghi, đang nói pháp cho chư vị Bồ-tát nghe; chính ông ấy đã tạo ra vị sứ giả đến tán dương và xin cơm đem về làm Phật sự. Ông ấy cũng thường làm như vậy đến 10 phương quốc độ để làm những Phật sự lợi ích cho chúng sanh; nói rồi Như Lai lấy cái bát chứa đầy cơm thơm đưa cho vị hóa Bồ-tát; các Bồ-tát đều đòi đi theo về cõi Ta-bà để đánh lễ đức *Thích-ca* và thăm *Duy-ma-cật* thần thông cái thế cũng như chư vị Bồ-tát.

Trước khi đi, đức Phật *Hương Tích* có

dặn hãy thu lại mùi hương và thu nhỏ thân hình lại (vì chúng sanh cõi Ta-bà thân hình nhỏ bé và không có mùi hương, để họ không sinh mê hoặc hay tham đắm). Đồng thời *Duy-ma-cật* cũng giảng cho đại chúng ở đây biết trong vũ trụ bao la, không phải chỉ có con người là sinh vật thông minh đâu, còn nhiều thế giới khác nữa mà mắt và trí năng con người không thấy được v.v... cả hai bên đều dạy người của mình phải bao dung, quảng đại như hư không; cả hai bên đều "làm công tác tư tưởng" để chuẩn bị cho cuộc gặp mặt: đây là bài học về từ bi, lịch sự và văn minh cho những người có nền văn hóa, truyền thống khác nhau: chúng ta hãy tưởng tượng nếu bây giờ có một nhóm người từ hành tinh khác đến qua đất chúng ta; chuyện gì sẽ xảy ra? – Nhất định là có xô xát, đổ máu, chết chóc... bởi vì ai cũng nghĩ "phía bên kia" có ý xấu với mình, ai cũng lo đem súng ống và gươm giáo ra nói chuyện! Còn ở đây, tất cả đều vui vẻ êm đẹp, lại tặng cho nhau một bữa cơm tuyệt vời với mùi hương thơm đến vô tận! Còn những chuyện "khó tin" trong đoạn kinh này thật ra rất "dễ hiểu": đối với trí tuệ của chư Phật, chư Bồ-tát, sự hiểu biết của chúng ta không khác gì một người sống trong một rừng rậm ở Nam Phi cả đời chưa đi đâu cả; từ khi ra đời đến nay, chưa hề biết đến TV, radio, quạt điện, phone, v.v... là gì cả thì làm sao giảng cho anh ta hiểu tại sao cái radio "nói và hát" được, tại sao hai người cách nhau nửa trái đất mà có thể nói chuyện với nhau, tại sao rất nhiều người có đến hàng trăm, hàng ngàn có thể "chun vô" trong cái TV chỉ lớn bằng cái hộp? v.v... Chúng ta cũng như vậy thôi, làm sao ngài *Duy-ma-cật* giảng cho ta hiểu về thần lực của ngài, về sự tồn tại của thế giới khác *Chúng Hương* được?

Xin trở lại với bài học "bát cơm Thạch Sanh" với mùi hương kỳ diệu:

"... *Bấy giờ hóa Bồ-tát* trao cho *Duy-ma-cật* bát cơm thơm mà mùi hương tỏa khắp thành *Tỳ-da-ly*... những ai ngửi được mùi hương ấy đều thấy thân ý thơ thới, đồng ca ngợi sự hiếm có này... Lúc ấy, *Duy-ma-cật* mới nói với ngài *Xá-lợi-phất* và các vị *Thanh văn*: 'Xin mời các vị dùng món cơm có hương vị cam lộ. Cơm này được xông ướp bằng hương đại bị của Như Lai; đừng ăn cơm bằng ý hữu hạn, vì như vậy sẽ khó có thể tiêu hóa được'. Có một vị *Thanh văn* nghĩ rằng: bát cơm này ít mà đại chúng thì đông, làm sao đủ đây? Vị hóa Bồ-tát liền nói: 'Đừng lấy trí nhỏ và đức nhỏ mà đo lường phước huệ vô lượng của Như Lai. Nước của bốn đại dương có thể cạn chứ cơm này vô tận... Bấy giờ bát cơm khiến cho cả đại chúng đều no đủ mà vẫn không với; những ai đã dùng cơm này rồi đều cảm thấy an lạc như chư Bồ-tát ở quốc độ *Nhất thiết lạc trang* nghiêm và từ lỗ chân lông của họ tỏa ra mùi thơm vi diệu như mùi hương của các loài cây trên cõi *Chúng Hương*'. Rồi hai bên trao đổi với nhau về phương pháp giảng dạy của hai cõi. Ở cõi *Chúng Hương*, Như Lai không dùng ngôn từ để thuyết pháp mà chỉ dùng hương thơm khiến cho thính chúng thâm nhập, có thể tự điều phục và chế ngự tâm, hành theo Luật. Đối với phương pháp thuyết giảng của chúng ta, đây không phải là một bài pháp sống động bất khả tư nghi sao?



Phật đã về

Thân tặng chị Hoàng Yến

*Mùa Phật đàn trắng tròn hơn mấy độ
Hoa bên đường vui nở đón Thích Ca
Chim đua nhau tấu khúc giữa thiên hà
Ôi nhân loại, mấy nghìn năm một thuở!*

*Trong dòng chảy kiếp phù sinh ảo hóa
Là bóng đêm mờ mịt của cuồng si
Là tham lam, thù hận, chai lì
Vòng sanh tử, ai người đưa chân bước?*

*Vẫn còn đó, đâu đây đường xuôi ngược
Vẫn đâu đây, còn đó những mê lầm
Mong Phật về khai mở suối nguồn tâm
Đưa tay chỉ, đường mây qua đầu núi.*

*Bon chen lăm cũng tro than cát bụi
Đua đòi chi cũng nắng quái chiều hôm
Thôi xin người, hãy xích lại gần hơn
Cùng đánh lễ dưới chân đức Từ phụ.*

*Phật đã về, đạo Chơn Như hiển lộ
Ánh sao mai vụt sáng cuối trời đông
Và từ đây, trong cõi Sắc Không
Hương giác ngộ bay đi khắp nẻo...*



Thiện Long – Hàn Long Ân

Chùa Thiên Trúc
Mùa Phật Đản PL. 2554-2010

Thế nhưng phương pháp này vẫn được chư Bồ-tát ở cõi Chúng Hương tán thán là "...*Pháp chưa từng nghe, đức Thế tôn Thích-ca Mâu-ni đã ẩn đi vô lượng khả năng tự tại, hóa độ chúng sanh bằng pháp mà người nghèo ưa thích. Các Bồ-tát ở đây cũng nhẩn nại những khó nhọc, bằng vô lượng đại bi mà sinh nơi cõi Phật này*".

Các ngài đều chỉ nhìn thấy những ưu việt của đời phương, những cái đáng cho mình khâm phục ngưỡng mộ và khen ngợi, thế cho nên sau khi Duy-ma-cật và Văn-thù-sư-lợi thuyết về mười thiện pháp, về tám pháp tu của Bồ-tát để ở trong thế giới ô trược này tu hành mà không bị tổn hại và tái sinh Tịnh độ... thì hàng trăm ngàn chư Thiên đã phát tâm cầu giác ngộ tối thượng và mười ngàn vị Bồ-tát đắc vô sanh pháp nhẫn.

Đây mới chỉ là hai bài học đầu tiên mà kinh Duy-ma-cật đã đưa vào lòng chúng ta một luồng không khí thanh tịnh, giải thoát không khác nào chính chúng ta đã được hưởng mùi vị cam lộ của bát cơm kia! Mong sao mùi hương này còn tồn tại trong lòng chúng ta để nuôi dưỡng những phẩm chất cao thượng, loại bỏ tâm phân biệt tầm thường và nhỏ nhen trong chúng ta.

Hèn gì tôn giả Duy-ma-cật đã dùng bát cơm này để làm Phật sự ("khen phò mã tốt áo"!).

Để kết thúc bài viết này, xin chép tặng anh chị em lời khẩn nguyện (của một vị sư trẻ) có thể nói là bao gồm được tâm nguyện của anh chị em chúng ta:

*Bạch Thế Tôn! Đây lời khẩn nguyện
Xin đập tan đê tiện trong con
Khi vui chẳng muốn vui hơn
Khi buồn đủ sức để buồn qua đi.*

Ghi chú:

Những lời kinh trích dẫn được chép từ kinh *Duy Ma Cật sở thuyết* bản Việt dịch của Thượng tọa Tuệ Sỹ, cũng là nguồn cảm hứng của anh chị em chúng tôi - nếu đọc bản chữ Hán dù đã phiên âm thì bản thân chúng tôi không thể nào hiểu được cái gì cả! Ngôn ngữ và văn tự quả thật rất quan trọng trong thế giới của chúng ta; xin kính gửi đến Sư phụ lòng biết ơn của chúng con.

Viên Ngọc Như Ý

Sakyong Mipham

Thị Giới dịch

Một trong những bản văn Phật giáo mà tôi rất thích là bài dạy của một vị Lama cao cấp cho hoàng tử nước Dege, một vương quốc nằm phía Bắc Tây Tạng. Vị Lạt ma nói với hoàng tử, người sắp sửa lên ngôi để lãnh đạo một vương quốc lớn, rằng: "Để thành tựu trong thế giới này, cần có đủ ba điều kiện: trí tuệ, từ bi, và lòng can đảm. Ba điều này dẫn đến một đời sống thành công, hạnh phúc, và viên mãn."

Tính chất đầu tiên để thành tựu trong đời sống là trí tuệ. Trí tuệ là sự nhận biết điều gì sẽ đem đến hạnh phúc chân thật. Phần đông chúng ta sống trong sự điên rồ cho đến hết cuộc đời. Ở Tây tạng, "người điên rồ" có nghĩa là người chỉ làm một việc giống nhau mà mỗi lúc lại mong cầu một kết quả khác nhau. Người điên rồ không biết hạnh phúc chân thật đến như thế nào, họ luôn chạy đuổi theo sau hạnh phúc, nghĩ rằng nó tùy thuộc vào người nào đó hay những sự việc bên ngoài như thức ăn, áo quần. Ngược lại, một người khôn ngoan là người biết tiến thẳng về phía trước, thay vì chạy loanh quanh trong những vòng tròn. Người đó biết nguồn gốc chân thật của hạnh phúc: cái Tâm.

Trong một bài kệ rất đẹp, ngài Santideva (Tịch Thiên) so sánh bản chất chân thật của tâm với một viên kim cương lớn nằm trong một đồng rác mà chúng ta qua lại mỗi ngày. Đó là viên ngọc Bồ đề tâm - tánh chất từ bi và thương yêu của chúng ta. Nó được gọi là viên ngọc như ý vì nó đem đến hạnh phúc và thành tựu. Rác là ẩn dụ cho vọng tâm, tâm thức rong ruổi không biết dừng, thiếu vắng lòng tin vào nguồn gốc của hạnh phúc chân thật là từ bi.

Khi thoáng nhìn vào viên ngọc như ý này, chúng ta có thể không tin rằng nó luôn luôn đồng hành cùng chúng ta. Do đó, chúng ta làm những cuộc hành trình tìm kiếm nó. Một số người tưởng rằng họ có thể tìm thấy viên ngọc như ý đó chỉ bằng cách rút vào những khóa tịnh tu thâm mật. Có người nghĩ rằng họ có thể tìm thấy nó ở những nơi xa xôi như Ấn độ hay Tây tạng. Nhưng khi họ đi đến đó rồi, họ sực tỉnh ra rằng họ có thể dễ dàng tìm thấy viên ngọc như ý đó ngay tại quê nhà.

Không cần phải du hành đến những xứ xa lạ nào đó để tìm kiếm cái Tâm chân thật của chúng ta. Ở bất cứ nơi nào chúng ta đang ở và trong bất cứ việc gì chúng ta đang làm, viên ngọc Tâm quý báu của chúng ta vẫn ở đó. Khi chúng ta nhận biết lòng từ bi nơi chúng ta, chúng ta có thể nương tựa vào nó để thành tựu trọn vẹn những ý nguyện của chúng ta. Và chúng ta có trí tuệ để nhớ về suối nguồn của niềm hạnh phúc chân thật và sống đời sống xứng đáng.

Từ bi là con đường tốt đẹp nhất để thực hiện trọn vẹn đời sống của chúng ta, không chỉ trọn vẹn trong ý nghĩa tâm linh, mà còn trọn vẹn trong ý nghĩa thế gian. Nhưng vẫn còn một số người nghĩ rằng chúng ta không thể thực hành từ bi từ thứ hai đến thứ sáu, hoặc nghĩ rằng thực hành từ bi không thích hợp với đời sống thực tế. Có thể chúng ta có nghĩ đến từ bi, nhưng chúng ta không sống được với những ý nghĩ đó. Do đó, một điều cần thiết khác là Hùng lực hay lòng can đảm.

Can đảm là dám ghi nhớ trong lòng rằng chúng ta có khả năng thay đổi tâm thức của mình bằng một kỹ thuật đơn giản. Nếu dám dừng lại việc liên tục nghĩ đến bản thân, chúng ta sẽ có thể đến với người khác bằng những câu hỏi "Họ sống như thế nào?", "Họ có nhu cầu gì?"

Với lòng can đảm, chúng ta có thể nghĩ về những điều chúng ta muốn cho mà không cần tính toán sẽ nhận lại được bao nhiêu.

Điều chúng ta luôn luôn có thể cho là lòng từ bi. Tôi để ý thấy rằng khi lo lắng về điều gì, tôi có thể chuyển hướng sự lo lắng của tôi bằng cách phát khởi lòng từ bi, nghĩ đến người khác thay vì đầu hàng trước sự khó khăn của mình. Làm điều đó cũng là tỏ Lòng từ bi đối với chính bản thân mình. Nghĩ về người khác làm cho tâm chúng ta thư giãn, mở cửa cho niềm hạnh phúc đi vào. Tâm trở nên nhẹ nhàng, không còn bị đè nặng do ý niệm về "tôi." Đó là lý do khi làm một việc gì tốt đẹp cho người khác, chúng ta thường có cảm giác hăng say, năng động. Tương tự, khi có người nào đó xử ần cần, tử tế với chúng ta, chúng ta nhớ rất lâu. Chúng ta nhận ra sự can đảm trong hành động từ bi khi chúng ta nhìn thấy nó.

Khi nghĩ về những cảm thọ nhẹ nhàng đến từ hành động từ bi, tôi thường liên tưởng đến những vị thầy của tôi. Càng lớn tuổi, các ngài càng tỏ ra vui vẻ hơn. Khi tôi hỏi lý do thì được các ngài trả lời rằng nó đến từ việc hướng tâm đến người khác. Cảm giác hạnh phúc là một phản ảnh của sức mạnh từ bi. Nhưng có điều là ít người hoàn toàn tin rằng lòng từ bi vốn sẵn trong tâm tay của mỗi chúng ta. Chúng ta muốn nghĩ nhiều hơn về chúng ta trước khi có thể nghĩ đến người khác.

Hướng về người khác có thể như là một việc rất đa đoan. Nhưng thật ra hướng về bản thân đòi hỏi nhiều nỗ lực và năng lượng hơn. Khi chỉ nghĩ đến bản thân, chúng ta trở nên nghiêm trọng, căng thẳng và nặng nề. Những thứ làm chúng ta vui trở nên ít hơn, những thứ đem đến hạnh phúc cho chúng ta trở nên bị giới hạn.

Khổ đau xuất hiện khi chúng ta tạo sự ngăn cách giữa chúng ta với những chúng sanh khác. Khi thiên quán về từ bi, chúng ta nhận ra rằng chúng ta không có mảy may ngăn cách nào với



những chúng sanh khác. Họ và chúng ta đều có cùng trải nghiệm. Tất cả chúng sanh đều muốn hạnh phúc và chúng ta mong muốn họ đạt được hạnh phúc. Đó là một sự tu tập hết sức đơn giản, nhưng đó cũng là một sự tu tập tạo nên sự chuyển hóa. Khi chúng ta tiếp tục thực hành việc tu tập này, lần ranh ngăn cách chỉ có trong khái niệm giữa "chúng ta" và "họ" sẽ dần tan biến. Điều đó đem đến cho chúng ta nhiều năng lượng hơn để nghĩ về những nhu cầu của những chúng sanh khác, phát huy những ý niệm và hướng vọng an lành, sống một đời sống đặt căn bản trên những nguyên lý đó.

Nghĩ về việc giúp đỡ kẻ khác là từ bi, biết cách thực hiện ý nghĩ đó là trí tuệ, và cố gắng thực hiện nó là can đảm. Bất kể chúng ta là ai - là những người tu tập hay không tu tập - tất cả chúng ta đều muốn hạnh phúc và toại nguyện. Và từ bi là nguyên nhân đưa đến hạnh phúc và toại nguyện. Từ bi là suối nguồn của niềm vui không dứt.

Khi hầu chuyện đức Dalai Lama về từ bi như là nền tảng của một đời sống có ý nghĩa, chúng tôi ngạc nhiên không hiểu vì sao có nhiều người nghĩ lầm rằng bạo lực là cách làm cho công việc đạt được thành quả trong một ý nghĩa quy ước. Vì sao chúng ta cứ cố gắng giải quyết

những vấn đề bằng lòng sân giận, đố kỵ, và những phản ứng không thân thiện? Bạo lực không bao giờ ổn định, do đó nó tạo ra sự không ổn định. Bạo lực chỉ là một cách giải quyết ngắn hạn tạm thời, gây ra sự khó khăn và đau khổ cho người dùng bạo lực và những người khác. Khi cố gắng hoàn thành một việc gì đó bằng bạo lực, chúng ta bước vào con đường riêng của chúng ta.

Nhiều người cho rằng sống một đời sống từ bi là vấn đề thuộc tâm linh. Thật sự, sống từ bi là một cách sống có hiệu quả nhất để thành tựu trong bất cứ lãnh vực nào. Tu tập từ bi có thể tốn nhiều thời gian hơn là áp dụng bạo lực, nhưng những kết quả của từ bi thì ổn định và dài lâu hơn nhiều. Từ bi là cách giải quyết dài hạn cho những vấn đề. Cách giải quyết này tạo ảnh hưởng tích cực lên xã hội và nền kinh tế của chúng ta. Nó làm cho đời sống của chúng ta và đời sống của người khác được ổn định. Khi chúng ta có can đảm trong việc trau dồi trí tuệ và từ bi, những loại cô đại sân giận, đố kỵ, và ích kỷ có ít khoảng trống hơn để mọc.

Mang viên ngọc như ý vào đời sống là cách chúng ta khởi động nguồn hạnh phúc chân thật, nâng cao tâm hồn và làm giàu thêm năng lượng cho sức sống.

Thị Giới dịch (từ Shambala Sun)

ĐỆ TỬ TẶNG THÔNG

*Một đời lao lý, ngục tù
Người xưa vẫn nói nghìn thu - một ngày
Một đời muôn nỗi đắng cay
Thương quần sanh phải lấy ngày làm đêm
Riêng - chung nghiệp lực bồi thêm
Xác thân tử đại - có rơm chẳng cần
Bể đời oan trái triều dâng
giang sơn khô lệ mấy lần can qua
Người đi, ngài ở lại nhà
Thương đàn con Phật sẩy sa hồ hãm
Đa đoan thế sự phủ trùm
Danh vẫn lợi dưỡng không làm cao tăng
Đấu rằng Phật quốc cao đăng
Ta Bà chẳng bỏ vẫn hằng độ sanh.*

DALAI LAMA

*Ngài là Bồ Tát tái lai
Hiện thân xương thịt đầu thai kiếp người
Muôn ngàn gian khổ vẫn cười
Thế nhân tàn độc cho người lao lung
Dã tâm tranh bá xung hùng
Cho người lưu lạc vô cùng gian lao
Ngài như giọt nước mưa rào
Như cam lộ tự trời cao thấm nhuần
Nhọc nhằn bao nỗi gian truân
Oai nghi - tế hạnh muôn phần viên dung
Ngài là đại lực, đại hùng
Quần sanh tế độ muôn trùng hiểm nguy
Ngài là bậc đại tử bi*

Du Tâm Lăng Tử



KHÁT KHÔNG UỐNG NƯỚC

Tâm Minh—Ngô Tăng Giao diễn thơ Kinh Bách Dụ

Thờ xưa có kẻ đi đường
Rất là khát nước nên dừng chốn đây
Kiếm tìm nước khắp Đông Tây
Thấy sương lóng lánh giăng đầy phía xa
Tưởng là nước vội tìm qua
Mới hay lầm lẫn. Thế là trở lui.
Cuối cùng tìm được nước rồi
Dòng sông trong mát, nước trôi
không ngừng
Nhưng chàng chỉ đứng dòm chừng
Nhìn xem. Không uống. Lạ lùng
vậy thay!
Người ta thấy, vội hỏi ngay:
"Anh đi tìm nước, nước đây dưới sông
Sao không uống, chỉ đứng trông?"
Anh chàng đáp lại vô cùng kỳ khôi:
"Nước sông này nhiều quá trời
Một lần mà uống có đời nào xong,
Uống một lần hết nước sông
Thời tôi mới uống, mới không ngại
ngần."
Mọi người quanh đấy cười ầm
Chê anh chàng nọ ngu dần mãi thôi.

*Thế gian có một ít người
Không gần chân lý, sống đời lầm sai
Luôn gần bướng chẳng nghe ai
Cho là Giới Luật Phật thời lớn lao
Lại thêm nghiêm ngặt xiết bao
Thọ trì, tuân giữ hết nào để đâu
Họ tin vậy nên từ lâu
Sa chân giới cấm, lao đầu bến mê
Để rồi đau khổ tràn trề
Trong vòng sinh tử nào nề nổi trôi
Khó mà đắc Đạo trọn đời
Xem ra đáng trách, nghĩ thời đáng
thương
Khác chi kẻ khát đi đường
Kiếm ra được nước không màng
uống thôi!*



TIẾNG CHUÔNG CHÙA

Mã Nhược Mai

Hương đêm lan tỏa quanh mẹ khi mẹ bước ra khỏi lan can lầu. Có mùi thơm dịu dịu của dạ lý hương từ bên dưới thoảng nhẹ và mùi sương ẩm trên những thân lá trường sinh. Từ trên đỉnh chùa núi ở phía nam thành phố, từng hồi đại hồng chung trầm ấm rền rền gióng lên, qua không gian tĩnh lặng của sáng sớm mùa hè, âm ba của nó như những lượn sóng trầm chảy vào thời gian và thế giới bình yên của thành phố biển. Vậy là đã ba giờ rưỡi sáng. Mẹ chậm rãi ngồi xuống chiếc đôn nhỏ đặt ngoài hiên lầu, lắng lòng theo những hồi chuông đang ký gởi vào trong không gian bức thông điệp từ ái của Phật. Tiếng đại hồng chung của ngôi chùa Núi này từ mỗi buổi sáng của gần 50 năm qua, mẹ đã nghe và thâm nhập vào nó, từng lúc, từng lúc, cho đến khi mẹ đã có thể cảm nhận và hòa quyện vào với nó. Chuông chùa bao giờ cũng ấm áp và bao dung. Tiếng chuông chùa mang ở tự thân nó âm ba vỗ về và khơi gợi ở con người ta sự rộng mở, đàn trải, vươn tới, thăng hoa và bình ổn cho tự tâm. Chuông chùa không bao giờ thúc giục, lôi kéo. Nó chỉ GỌI lên, GỌI lên. Và VANG lên trong sâu thẳm của vô thức nỗi an lạc tự tại. Và tiếng chuông chùa cũng là thông tư HÒA GIẢI và HÒA GIẢI những xung đột, những trái

ngang, những dẫn vật khổ đau của con người trần tục. Mẹ đón tiếp, thấu nhận và nương tựa trong sóng âm thanh của hồi đại hồng chung trầm rền, và mẹ cảm thụ nó như người ta cảm thụ một bản nhạc giao hưởng vĩ đại. Và lòng mẹ mở ra theo tiếng chuông, thu lòng lại theo tiếng chuông, gạn lòng xuống theo tiếng chuông, nhẹ lòng đi theo tiếng chuông. Như vậy đã từ mấy chục năm nay.

Đám tang của Thành, người em kết nghĩa của tôi, mất vì một tai nạn giao thông, có đông đảo anh em bầu bạn đưa tiễn. Mẹ đến phúng điếu, một mình, lặng lẽ. Khi đoàn xe đưa tang chuẩn bị lên đường, mẹ chậm rãi đến đứng kề bên quan tài, bên chiếc xe đưa Thành đến nơi an nghỉ cuối cùng, nhìn lưu luyến vào bức khung hình Thành đang mỉm cười, chấp tay và nói khẽ hai câu thơ mà mẹ vừa mới làm khuya đêm trước, giữa tiếng đại hồng chung của ngôi chùa Núi:

*Linh cửu cũng say mùi rượu ấm,
Hồn thơ còn ngát vị hoa tươi.*

Mẹ không đưa Thành đến nơi chôn cất, nhưng mẹ đã chôn cất Thành trong lòng mẹ và mẹ gởi đến Thành một hồi chuông từ ái đưa về lòng đất Mẹ.



Lịch Trình Triển Lãm Phật Ngọc năm 2010 & 2011



2010

07-16 February 2010

Phat Da Temple

715 Vista Ave
Escondido, CA 92026. USA
Tel: 1. 619 283 7655 ; 760 739 8063
Contact: Senior Venerable Thích Nguyễn Siêu

21-28 Feb 2010

Bao An Temple

5788 N. Apopka Vineland Rd
Orlando, Florida, USA

5-14 March 2010

International Sangha Bhikshu Buddhist Association

Minh Dang Quang Monastery
5607 Town 'N Country Boulevard
Tampa, Florida, USA

26 March - 4 April 2010

Viet Nam Temple

10002 Synott Rd
Sugar Land, Texas, USA
Contact: Senior Venerable Thích Nguyễn Đạt

9-18 April 2010

Wat Buddharangsi

15200 SW 240th St
Miami, Florida, USA

24 April - 3 May 2010

Buddhist Community Of Memphis and Vicinity

Quan Am Monastery
3500 S. Goodlett Rd
Memphis, Tennessee, USA
Tel: 901. 362 8070
Contact Venerable Thich Nguyen Tanh

9-16 May 2010

Lien Hoa Temple

6510 Lake Drive
Charlotte, North Carolina, USA
Contact Dai Duc Thich Chan Phuc +1 704 502 8738

22 May - 5 June 2010

Linh Son Temple

16 Ruthven Avenue
Worcester, Massachusetts, USA
Contact: Rev. Thich Nu Tri Hoa, +1 508 853 8120
Website: <http://ngocphat.net/> ; <http://linhsontempleworcester.com/>

12-20 June 2010

Phap Van Temple

420 Traders Boulevard
East Mississauga, Ontario, Canada
Contact: Senior Venerable Thich Tam Hoa

25 June - 18 July 2010

Tu Vien Tuong Van

2101 James Madison Hwy
Haymarket, Virginia, USA
Contact: Sister Thanh Lieu +1 571 261 2408

24 July - 1 August 2010

Truc Lam Monastery

11328 - 97 Street
Edmonton, Alberta, Canada
Contact: Reverend Thich Phap Hoa +1 780 471 1093

6 - 15 August 2010

Hoa Nghiem Pagoda

8708 Royal Oak Avenue
Burnaby, British Columbia, Canada
Contact: Ven. Thich Nguyen Thao, +1 604 435 8486

21 - 29 August 2010

Co Lam Temple

3503 S. Graham St
Seattle, Washington, USA
Contact: Most Ven. Thich Nguyen An +1 206 723 4741

02 - 12 September 2010

Ngoc Son Tinh Xa Buddhist Association

8318 SE Harry Street
Portland, Oregon, USA
Contact: Tony Hua

17 - 29 September 2010

Vietnamese Bhikkhuni Buddhist Congregation

TINH XA NGOC HOA
766 S. Second Street
San Jose, California, USA
Contact: +1 408 295 2436 (Vietnamese),
+1 408 507 2363 (English)

03 - 17 October 2010

Maitreya Buddhist Cultural Center

765 Story Road
San Jose, California, USA
Contact: Ven. Sakya Quang Bao, MA. +1 408 888 2062

22 - 31 October 2010

Bat Nha Buddhist Temple

803 S. Sullivan St.
Santa Ana, California, USA
Contact: Most Ven. Thich Nguyen Tri +1 714 571 0473

05 - 15 November 2010

Mắt Thương Nhìn Đời, Compassionate Eyes Inc.

7641 Talbert Ave
Huntington Beach, California, USA
Contact: Kathy Chon Tinh Dieu +1 714 600 8854

27 November - 5 December 2010

Chan Khong Monastery

1105 Hind Iuka Drive Honolulu, Hawaii, USA
Contact: Ven. Abbot Thich Thong Hai +1 808 373-4608

23 December 2010 - 2 January 2011

Phat To Temple (Gotama Temple)

905 Orange Avenue, Long Beach, California, USA
Contact: Ven. Thich Thien Long +1 562 599-5100

2011

12-22 February 2011

Phat Da Temple

715 Vista Ave
Escondido, CA 92026. USA
Tel: 1. 619 283 7655 ; 760 739 8063
Contact: Senior Venerable Thích Nguyễn Siêu

19-28 February 2011

An Lac Mission

901 S. Saticoy Avenue, Ventura, California, USA
Contact: Ven. Abbot Thich Thong Hai

5-13 March 2011

Nhu Lai Meditation

2421 West Glenrosa Ave, Phoenix, Arizona, USA
Contact: Ven. Abbot Thich Minh Hoi

19-27 March 2011

Kim Cang pagoda

4771 Browns Mill Rd, Lithonia Georgia, USA
Contact: Ven. Abbot Thich Hanh Dat

2-10 April 2011

Vietnamese Buddhist Association of Savannah / Cat-Tuong Temple

2619 US Highway 80, Garden City, Georgia, USA

20-30 April 2011

Truc Lam Buddhist Temple

1521 W. Wilson Avenue, Chicago, Illinois, USA
Contact: Ven. Abbot Thich Hanh Tuan

04-12 June 2011

Phật Huệ Temple

Hanauer Landstrasse 443 - 60314, Frankfurt am Main, Germany
Contact: Ven Thich Thien Son +49 694 844 980

18-26 June 2011

Vien Giac Temple

Karlsruher Strasse 6, Hannover, Germany
Contact: Most Ven. Thich Nhu Dien & Ven Thich Hanh Gioi, +49 051 187 9630

02-10 July 2011

Venue TBA

Berlin, Germany

16-24 July 2011

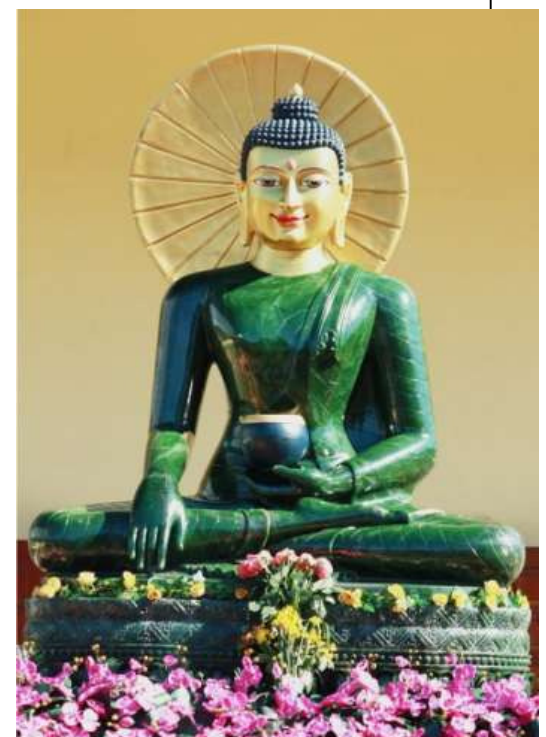
Venue TBA

Munich, Germany

30 July - 7 August 2011

Tu Dam Temple, Midland Buddhist Association

34 Holyhead Rd. Handsworth, Birmingham, United Kingdom
Contact: Senior Ven. Thich Phuoc Hue +44 12 1551 8614



ƯỚC MƠ MIỀN CỎ DẠI

Lam Khê

Tôi đã gặp con bé từ mấy hôm trước. Nó leo đèo theo sau, cách một khoảng xa, đủ để không ai phải nhìn thấy chú ý.

Sáng sớm tôi thích lang thang ngoài đồng cỏ. Ở đây có nhiều giống chim lạ và tiếng hót của chúng đã đưa tôi ra tới tận bìa rừng. Trời mù sương lạnh buốt. Bỗng tôi giật thót người, mồ hôi trán nhỏ giọt. Có bóng ai chập chờn bên khu đồng cỏ. Một thoáng tôi kịp nhận ra con bé. Quá lạ. Không hiểu nó làm gì vào giờ này.

Mặt trời lên. Tiếng chim hót líu lo nghe thật quyến rũ. Nhưng lúc này con bé mới là mục tiêu làm tôi chú ý hơn cả. Trông nó bé choắt cheo, gầy rạc. Đôi cánh tay khăng khịu, đôi chân khập khểnh với một khuôn mặt dị hình dị dạng. Cái thân hình di động kia hình như là dấu tích còn lại của một thời chiến tranh xa lắc. Tôi chậm rãi tiến tới. Con bé cũng dừng bước, có ý chờ đợi.

- Em làm gì ở đây?

- Dạ! Con cắt cỏ.

- Cắt cỏ sớm vậy sao?

- Sáng nay con dậy sớm, thấy cỏ ra đây... nên đi theo.

- À! Mà em tên gì?

- Dạ! Con tên Cỏ.

- Tên Cỏ? - Tôi ngược mắt hỏi và nhìn vào nắm cỏ tươi trên tay nó.

Con bé thoáng lúng túng rồi nói nhanh:

- Một lần mẹ ra đồng cắt cỏ, rồi chuyển dạ sanh con... Thế là mẹ đặt tên là Cỏ. Đó là tên gọi ở nhà. Trong khai sinh con tên Thảo. Thảo theo từ Hán Việt nghĩa là cỏ. Vậy cô cứ gọi con là Thảo đi...

- Chà... Mẹ của Cỏ... à Thảo đặt tên nghe hay quá hi?

- Hồi trước ông ngoại có dạy mẹ học chữ Hán. Lúc rảnh mẹ cũng chỉ lại con đôi chút. Nhưng con dốt không học được. Cô ở chùa chắc là giỏi chữ Hán lắm.

- Ủ! Cô cũng chỉ biết tầm tạt thôi. Thảo còn đi học chứ?

Con bé ngập ngừng:

- Con học hết lớp chín thì nghỉ... Trường xa quá. Con bệnh không đi được. Với lại, con phụ mẹ cắt cỏ cho người ta. Lúc này mẹ cũng hay bệnh. Trước mẹ là cô giáo trường làng, phải nghỉ hưu sớm vì mất sức. Bây giờ mẹ dạy con học ở nhà.

- Bé xí thế mà đã học lớp chín?

- Con mười sáu tuổi rồi. Tại bệnh nên nhìn chút xíu vậy đó...

Tôi cười. Trông Thảo nhỏ nhắn như một đứa trẻ, chỉ có đôi mắt là mở to người sáng. Một đôi mắt già dặn đăm chiêu trước tuổi. Thảo bất ngờ nắm lấy tà áo dài của tôi:

- Cô ơi! Màu áo của cô đẹp quá. Mấy bữa trước con có đi nghe quý thầy giảng pháp, nghe cô kể chuyện Phật. Con thích lắm. Con nghe mẹ nói sáng nay quý thầy cô đi rồi... Cô có trở lại đây nữa không?

Tôi lắc đầu:

- Cô theo đoàn giảng sư về đây... chỉ để phát hàng cứu trợ cho bà con. Còn phải đi nơi khác chứ.

- Cô không trở lại nữa sao?

- Cô cũng không biết được.

Nhìn con bé ngơ ngác, tôi chạnh lòng:

- Hôm nay đoàn giảng sư đi về. Nhưng cô còn công việc nên lưu lại ít lâu.

Mặt Thảo sáng lên:

- Vậy cô cho phép con... Con thích nghe cô kể chuyện sự tích Phật lắm.

Từ hôm ấy con bé không bỏ qua cơ hội để được... theo tôi. Điểm tập kết để hai cô cháu gặp nhau là những buổi sáng chiều ở ngoài đồng cỏ. Thảo cắt cỏ. Còn tôi đi tìm tiếng chim hót. Với

chiếc máy ảnh, tôi chụp hết mọi cảnh vật trên đường. Thảo trở thành người mẫu tí hon cho tôi thử nghiệm. Con bé trông vẻ vui lắm.

Mỗi ngày tôi có một thời thuyết pháp ngắn mà thính giả duy nhất là Thảo. Phần lớn thời gian tôi tha thần từ đồng cỏ ra đến khu rừng tràm. Cô bé theo tôi trên từng bước chân để tha hồ tí tề đủ chuyện...

"Con cắt cỏ kiếm thêm tiền tiêu vặt. Mẹ có tiền hưu, tiền tuất của ba. Con cũng có tiền trợ cấp bệnh tật, thuốc men... Nếu có tiền nhiều, con sẽ cúng đường, làm từ thiện như quý cô vậy."

"Trước mẹ có nuôi một đôi cừu. Sau trận dịch thì chúng chết cả. Dân làng nuôi cừu để bán cho người ta giết thịt. Cừu cũng có đôi mắt hiền như con bé vậy cô à. Khi biết mình sắp bị đưa đến lò sát sanh, chúng rướm rướm nước mắt. Trông tội lắm! Từ khi nhìn thấy đôi mắt nó nhìn thê thiết như vậy là con không còn ăn thịt cừu nữa. Thịt nhiều con vật khác, con cũng không ăn được..."

Một lần tôi đến đồng cỏ sớm đã thấy cô bé ở đó, vẻ trịnh trọng:

- Con thỉnh cô ngồi lên nệm cỏ... thọ bát sữa cừu. Sữa này con vừa hâm nóng sáng nay. Cô thọ nhận cho con có phước.

Rồi nó hạ thấp giọng:

- Phật Thích Ca lúc tu trong rừng cũng từng thọ bát sữa của cô gái chăn cừu. Nhờ vậy mà Phật có đủ dinh dưỡng tọa thiền cho đến khi chứng đạo. Sau đó, Phật đã thuyết pháp cho bọn trẻ chăn cừu...

Con bé quả là thông minh lém lỉnh hơn tôi nghĩ. Tôi muốn bật cười mà phải cố nghiêm mặt nói:

- Em làm cô ngộ là mình... sắp sửa đắc đạo vậy. Em với mẹ thì cần uống sữa, chứ cô mạnh khỏe thế này. Mà thôi. Cô thọ nhận và chú nguyện cho mẹ và em được nhiều phước lạc.

Đám trẻ chăn cừu chơi đùa trên đồng cỏ cũng chạy đến. Chúng gọi Thảo là cô giáo. Thấy tôi ngạc nhiên, cô bé cười cười "Tại ở nhà con có dạy kèm cho mấy đứa nhỏ. Vì mẹ là cô giáo, nên chúng gọi con như vậy thôi."

Biết Thảo mê đọc sách, tôi đem cho em mấy quyển truyện cổ Phật giáo.

- Đây là những câu chuyện kể về tiền thân của Phật. Từ nhiều kiếp xa xưa, Phật từng làm vua làm quan cho đến làm kẻ nghèo khổ bệnh hoạn, tật nguyền... Có kiếp đầu thai vào các loài thú. Dù sanh trong loài nào, ngài cũng thể hiện tâm Bồ tát vị tha, chuyện tu thiện nghiệp, hướng cầu Phật quả. Trải qua bao kiếp tu tập mới thành tựu công hạnh. Chúng ta học Phật cần phát đạo tâm, vun bồi đạo nghiệp ngay trong hiện đời...

Thảo mân mê tà áo nhật bình của tôi, giọng thỏ thẻ:

- Cô ơi! Con thích được đi học, thích cuộc sống bình thường như bao người, thích làm những công việc lợi ích cho đời... Và thích nhất là được mặc chiếc áo màu khói lam như cô vậy...

Tôi mỉm cười, trêu Thảo:

- Con nhà Phật vốn thuộc giòng họ Thích mà. Như cô... cũng ưa thích làm những việc to tát để lại cho đời. Ngắm lời Phật dạy... thì mình cũng biết tùy duyên và tùy năng lực. Hằng ngày chúng ta làm việc thiện, tích tụ lâu dài mới thành tựu quả lành lớn. Những việc Thảo có thể làm bây giờ là hiểu thuận thương yêu mẹ và giúp đỡ mọi người theo khả năng của mình. Thảo xem qua những tập truyện này, có dịp thì kể lại cho các em nhỏ nghe, giúp chúng tích tụ chút duyên lành với Phật pháp. Và những khi Thảo ngồi cắt cỏ... nhớ niệm Phật chú nguyện cho đàn cừu. Nguyện cho chúng... sau khi thoát kiếp nạn ở lò sát sanh, thì

được sanh lên làm người, đầy đủ thân tướng tốt đẹp.

- Cầu nhiều vậy hà cô? Rủi con không nhớ hết thì có mang tội không?

Nhìn vẻ mặt băn khoăn của Thảo, tôi cười:

- Là cô nói vậy thôi... chứ nào phải nhất thiết. Miễn mình biết làm lành và nhớ niệm Phật là tốt rồi...

Thảo hay kể cho tôi nghe nhiều chuyện. Chuyện của những đứa trẻ sanh ra nơi miền quê nghèo, sống trong thời bình lại hứng chịu mọi tàn tích đau thương của chiến tranh để lại. Ba Thảo từ chiến trường trở về, không bao lâu thì mất. Mang di chứng căn bệnh của người cha, Thảo sanh ra đã oặt eo không lớn nổi. "Hồi nhỏ con sống vô tư không băn khoăn về bệnh tật của mình. Nhưng từ khi bà ngoại mất, cơn đau đốn thường xuyên đến làm con suy nghĩ. Con không sợ chết. Chỉ thương mẹ... còn lại một mình. Ngày trước con cũng hay theo ngoại đi chùa, nghe băng giảng, nên hiểu rõ lý nhân quả. Cô ơi! Trước khi từ giã cõi đời, con rất mong làm một điều gì đó... Nguyện cầu cho kiếp sau con được sanh lên làm người, có thân tướng tốt đẹp, biết hướng tâm tu Phật hộ pháp."

* * *

"Bây giờ người ta nuôi nhiều cừu nên đồng cỏ ngày một thu hẹp." Mẹ Thảo nói khi đưa tôi ra thăm mộ con. Thảo mất trong lần cơn bệnh bộc phát đột ngột. Tuổi đời chưa đủ lớn, nhưng Thảo cũng kịp làm được điều mà em hằng mong ước. Cô bé làm đơn xin hiến nội tạng cho y học. Một việc làm còn rất xa lạ nơi vùng đất này.

"Trường Y khoa... họ thử nghiệm rồi thì đem thiêu xác, trả tro cho gia đình. Nhưng người làng quê mình quen với quan niệm có mồ mà nên tôi xin phần xác còn lại của con về đây chôn cất. Trước kia Thảo cũng muốn yên nghỉ trên đồng cỏ, nơi nó đã chào đời..."

"Thảo nói khi cô trở lại, nó sẽ xin cô một số sách truyện thiếu nhi, truyện tranh Phật pháp để lập một tủ sách cho tụi nhỏ đọc. Thảo ra đi, nhưng lớp học tình thương tại nhà vẫn được mấy cậu học trò cũ của tôi duy trì. Có bọn trẻ lui tới, tôi cũng khuấy khỏa. Thảo chắc cũng yên lòng. Nó có duyên gặp cô... biết Phật pháp, biết niệm Phật trước khi mất. Như vậy là tốt rồi, cô hi?"

Gió cuối chiều bất ngờ thổi mạnh. Vài chiếc lá vàng rơi rụng, vài mầm sống mới vừa vươn lên. Đám trẻ chạy tới vây quanh mộ Thảo. Đứa nhỏ cỏ, đứa thấp hương rồi tranh nhau kể chuyện. Chuyện về cô gái dâng bát sữa và đám trẻ chăn cừu. Niềm ước vọng nhỏ nhoi nơi miền cỏ dại vẫn mãi tỏa lan, mặc cho bao cảnh biển dâu đổi thay.

NGƯỢC TÌM HƯ VÔ

Gửi về Trà Ôn, Vĩnh Long

*Đi trên đường lối cũ
Sao nghe lạ dáng chiều?
Bên giếng kinh vắng lặng
Tiếng chuông chùa quạnh hiu.
Ký ức nào khua động
Đạn bom những xóm thôn
Những tiêu điều mất mát
Những xót xa hoang hỏn.
Em còn trong kỷ niệm
Bên nhau tiếng súng gầm
Và một thời chinh chiến
Để bây giờ bâng khuâng!
Ta bước từng bước nhớ
Ngày xưa như giấc mơ
Em đã thành mây khói
Ta ngược tìm hư vô!*

BÙI VĨNH HƯNG



SỰ THA THỨ

Nhật Tịnh dịch

Xin hãy dành một thời gian ngắn để đọc những lời chia sẻ sau:

Sự tha thứ là gì?

"Tha thứ là một hình thái của hiện thực. Nó không có nghĩa là từ chối, giảm thiểu, hoặc biện minh cho những gì người khác đã làm cho bạn hoặc sự đau đớn mà bạn đã phải chịu. Điều đó khuyến khích bạn đóng khung lại những vết thương cũ và nhìn thấy chúng như những gì chúng đang là. Và nó cho phép bạn xem lại có bao nhiêu năng lượng đã lãng phí và bản thân bạn bị tổn thương bởi vì không có khoan dung.

Sự tha thứ là tiến trình của nội tâm, nên không thể bị thúc ép và được dễ dàng, dù là nó đem lại cho bạn cảm giác tuyệt vời về sức khoẻ và thanh thản. Nhưng, kinh nghiệm trải qua này chỉ có khi nào bạn muốn chữa lành và sẵn sàng thực hiện.

Sự tha thứ là một dấu hiệu tích cực của nội tâm, vì bạn không ờn dán nhãn cho những tổn thương hay các bất công đã qua cho bạn. Bạn không còn là nạn nhân. Bạn có đủ quyền để dừng lại thương đau khi nói rằng: "Tôi không còn muốn bị đau khổ, nay tôi muốn chữa lành vết thương". Vào thời điểm đó, sự tha thứ trở thành một khả năng, dù rằng có thể mất thời gian và khó khăn thực hành hơn, trước khi mà bạn đạt được kết quả.

Sự tha thứ cho phép quá khứ trôi qua, không có nghĩa đi xóa những gì đã xảy ra, nhưng nó giúp bạn giảm bớt và thậm chí loại bỏ quá khứ khổ đau. Những bất hạnh gánh chịu từ quá khứ không còn ảnh hưởng cách mà bạn sống trong hiện tại, hay chi phối đến tương lai của bạn.

Điều đó cũng có nghĩa là bạn không mang oán hận hay giận dữ như là một cái lý cố tha thứ cho các thiếu sót của mình. Bạn không xem nó như là một vũ khí để trừng phạt những người khác hoặc cũng không phải là một lá chắn để tự bảo vệ bản thân bằng cách xa lánh người khác. Và quan trọng nhất, bạn không còn cần đến những cảm xúc này để nhận thức mình là ai, vì bạn đơn thuần chỉ là nạn nhân của quá khứ của chính mình.

Sự tha thứ không mang sự trừng phạt đến những đối tượng gây tổn thương cho bạn, vì biết rằng sự tức giận và hận thù sẽ đem lại cho bạn đau khổ nhiều hơn là tha nhân. Qua hành động đó, nó ẩn chứa cái ta ấu m ình trong sự tức giận và làm ngăn cản những cảm thọ giúp bạn chữa lành vết thương. Nên, khi mà bạn buông bỏ quá khứ cùng lòng thù hận, sẽ giúp bạn có nội tâm bình an.

Sự tha thứ sẽ đi tới, vì nhận thức rằng tất cả những gì bạn đã mất chỉ vì bạn không có lòng tha thứ. Phải ý thức rằng bạn đã tổn nhiều năng lượng để bám theo quá khứ, nên tốt hơn hết là bạn chỉ nên dành nó để cải thiện hiện tại và tương lai của mình. Nên để quá khứ trôi qua để bạn có thể tiến bước.

Thật là sai lầm khi cố gắng để chạy trốn quá khứ, vì vấn đề là dù bạn chạy nhanh hay chạy bao xa như thế nào, thì quá khứ luôn bao trùm lên bạn, nhất là vào thời gian thích nghi nhất. Khi bạn tha thứ, có nghĩa là bạn tiếp xúc với quá khứ như cách mà bạn không bị tác hại. Bạn, chúng ta từng bị đau khổ, và tại thời điểm này hay thời gian khác, thường thì bạn hay lãng tránh.

Đối với tôi, học cách tha thứ không phải là dễ dàng. Nhưng tôi đã học hỏi, và cuộc sống của tôi tốt hơn vì đó - ngay bây giờ trên dòng luân chuyển... "

"*Sự nóng giận có nghĩa là để cho những sai lầm của tha nhân làm hại bạn. Sự tha thứ cho tha nhân, sẽ đem lại điều tốt lành cho chính mình*" (Master ChengYen)

FORGIVING

Please take a moment to take in the following message:

What forgiveness is

"Forgiveness is a form of realism. It doesn't deny, minimize, or justify what others have done to us or the pain that we have suffered. It encourages us to look squarely at those old wounds and see them for what they are. And it allows us to see how much energy we have wasted and how much we have damaged ourselves by not forgiving.

Forgiveness is an internal process. It can't be forced, and it doesn't come easy. It brings with it great feelings of wellness and freedom. But we experience this only when we want to heal and when we are willing to work for it.

Forgiveness is a sign of positive self-esteem. We no longer identify ourselves by our past injuries and injustices. We are no longer victims. We claim the right to stop hurting when we say, "I'm tired of the pain, and I want to be healed." At that moment, forgiveness becomes a possibility-although it may take time and much hard work before we finally achieve it.

Forgiveness is letting go of the past. It doesn't erase what happened, but it does allow us to lessen and perhaps even eliminate the pain of the past. The pain from our past no longer dictates how we live in the present, and it no longer determines our future.

It also means that we no longer need resentment and anger as an excuse for our shortcomings. We don't need them as a weapon to punish others nor as a shield to protect ourselves by keeping others away. And most importantly, we don't need these feelings to identify who we are. We become more than merely victims of our past.

Forgiveness is no longer wanting to punish those who hurt us. It is understanding that the anger and hatred that we feel toward them hurts us far more than it hurts them. It is seeing how we hide ourselves in our anger and how those feelings prevent us from healing. It is discovering the inner peace that becomes ours when we let go of the past and forget vengeance.

Forgiveness is moving on. It is recognizing all that we have lost because of our refusal to forgive. It is realizing that the energy that we spend hanging on to the past is better spent on improving our present and our future. It is letting go of the past so that we can move on.

Mistake of trying to run away from the past. The problem is that no matter how fast or how far we run, the past always catches up to us-and usually at the most inopportune time. When we forgive, we are dealing with the past in such a way that we no longer have to run. We all have been hurt. And at one time or another most of us have made the longer have to run.

For me, learning how to forgive wasn't easy. But I did learn, and my life is better for it - **even here on death row.**"

Michael B. Ross
Death Row
Somers, Connecticut

"To be angry is to let others' mistakes punish yourself.

To forgive others is to be good to yourself."

(Master ChengYen)

Căn Nhà...

"Ngược xuôi nhớ nửa cung đàn
Ai đem quán trọ mà ngăn nẻo về"
(Tuệ Sỹ)

*Sáng nay ngồi ngắm vườn hoa, nghe chim hót
Ở nơi này, qua nhiều biến động vẫn lặng lẽ bình an
Căn nhà nơi thi sĩ sống bao năm tháng
Trải hết cả tơ duyên dẫu trần gian có phủ phàng*

*Thân phận nhỏ nhoi giữa đất trời vô hạn
Vẫn chưa phai lòng... giữa mặt ngắm trời cao
Căn nhà, chỗ tạm dừng chân nghe chim hót
Nghe cả tiếng lòng với vợ của gã cùng tử lao đao.*

(Thân tặng nhà văn Vĩnh Hào)

Ngàn Năm Hoa Vãn Nở

Kính mừng Phật Đản Sinh

*Hai ngàn năm trước Vô ưu
Đóa hoa ấy nở ngàn thu vẫn còn
Ta bà uế độ chưa mòn
Lòng từ cứu khổ vẫn tròn nguyện xưa.*

*Ngàn năm sau đó cũng vùa
Muôn ngàn hội chúng truyền thừa di ngôn
Đầu triển miên khổ dập dồn
Vô ưu vẫn nở... trường tồn thời gian!*

(Một ngày nắng ấm California)

Trưa Hè...

*Phố trưa gió lộng trời oi bức
Lúa thưa hạt bụi chốn hồng trần
Bận rộn giữ lòng luôn tỉnh thức
Trưa hè nắng quái rớt đầy sân...*

HUYỀN VŨ



◆ DAVID ON PHOTOGRAPHY ◆



CHÁNH TÍN VÀ MÊ TÍN

Qua Hình Ảnh Hoa Mạn Đà La Trong Các Lễ Cung Nghinh Phật Ngọc

Huỳnh Kim Quang

Gần đây, do có nhiều hình ảnh về Mạn Đà La chụp được trong các cuộc lễ cung nghinh Phật Ngọc cầu nguyện hòa bình thế giới tại các chùa ở hải ngoại và được đăng trên một số trang mạng điện tử toàn cầu, cũng như được phổ biến qua thư điện tử, có vị đã viết bài chỉ trích cho rằng đó là “hiện tượng mê tín không nên truyền bá,” đã làm một số Phật tử hoang mang không biết đâu là thật đâu là giả.

Trước một sự kiện quan trọng như vậy, thiết nghĩ cần có thêm nhiều ý kiến xây dựng để giúp làm sáng tỏ vấn đề. Trong tinh thần xây dựng đó, người viết bài này xin trình bày một số quan điểm liên quan đến vấn đề chánh tín và mê tín trong Phật Giáo nói chung và trong hiện tượng Mạn Đà La của những buổi lễ cung nghinh Phật Ngọc nói riêng.

Trước hết, xin tán tán tinh thần cảnh giác để tránh tình trạng mê tín lan rộng ra làm ảnh hưởng đến chánh tín của người con Phật. Vì bốn phận của người Phật tử là phải nêu cao giá trị và lợi ích của chánh tín đối với Tam Bảo, đối với chánh pháp của đức Phật để giúp làm lợi lạc con đường tu tập giải mê trừ hoặc.

Vậy, thế nào là chánh tín và mê tín?

Chánh tín trong Phật Giáo là niềm tin được soi sáng bởi trí tuệ, được trải nghiệm qua sự thực hành, là niềm tin vào nhân quả, nghiệp báo, là niềm tin vào Tam Bảo, vào chánh pháp của Phật dạy, là niềm tin giúp con người hướng thiện, bỏ ác làm lành, diệt trừ khổ não, đoạn trừ phiền não tham sân si, giác ngộ chân tánh, đạt tới quả vị giải thoát. Ngược lại, mê tín theo Phật Giáo là niềm tin không được thực chứng bởi trí tuệ, là niềm tin không dựa vào nhân quả, nghiệp báo, không tin Tam Bảo, không tin chánh pháp, không giúp con người hướng thiện để bỏ ác làm lành và diệt trừ phiền não tham sân si, là niềm tin không giúp con người giác ngộ chân tánh để đạt tới quả vị giải thoát.

Nhưng, vì chúng sinh có nhiều trình độ căn cơ khác nhau, người lợi căn, kẻ độn căn, cho nên nhận thức và niềm tin đối với chánh pháp cũng có sai biệt. Vì thế, chánh tín cũng có nhiều cấp độ.

Chính vì vậy, đức Phật mở ra Ngũ Thừa để tùy căn cơ mà độ. Ngũ thừa là Nhân thừa, Thiên thừa, Thanh Văn thừa, Duyên Giác thừa, Bồ Tát thừa. Giống như mở trường dạy học thì phải có chương trình học cho từng cấp như mẫu giáo, tiểu học, trung học đệ nhất cấp, trung học đệ nhị cấp, cao đẳng, đại học và hậu đại học. Nhân thừa lấy việc quy y Tam Bảo, thọ trì năm giới, tu mười điều thiện ở cấp trung bình làm nền tảng. Thiên thừa lấy việc tu tập mười điều thiện trọn vẹn và thực hành thiền định làm nền tảng. Thanh Văn thừa lấy việc tu tập theo Tứ Đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo làm nền tảng để ra khỏi ba cõi sáu đường. Duyên Giác thừa lấy việc quán mười hai nhân duyên: Vô minh, hành, thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử làm nền tảng để chấm dứt sanh tử luân hồi, đạt tới sự giác ngộ của quả vị Độc Giác Phật. Bồ Tát thừa lấy việc

thực hành sáu ba la mật: Bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, và trí tuệ làm nền tảng để thành tựu Phật quả cho mình và chúng sinh.

Trong mỗi thừa cũng có căn cơ lợi độn khác nhau và do đó có sự liễu ngộ, chứng đắc khác nhau. Chính vì vậy, không thể đem kiến giải và niềm tin của người thực hành Thừa này so sánh hay thẩm định về kiến giải và niềm tin của người hành trì Thừa kia. Kiến giải và niềm tin của một người ở Nhân thừa làm sao sánh được với kiến giải và niềm tin của vị đã bước vào 4 thánh quả Thanh Văn? Lúc Tổ Bồ Đề Đạt Ma gặp Vua Lương Võ Đế, nhà vua hỏi rằng bao lâu nay làm việc bố thí, đúc tượng, xây chùa thì có công đức không? Tổ Đạt Ma đáp ngay: Không có chút công đức nào cả. Như vậy cũng không có nghĩa là Vua Lương Võ Đế đã làm sai. Tổ nói theo chỗ chứng đắc cao sâu của ngài rằng “tất cả các pháp hữu vi đều là giả như mộng, như quán năng, như điện chớp, như bong bóng nước,” thì làm gì có công đức hay không. Còn Vua Lương Võ Đế nương theo pháp hữu vi của Nhân, Thiên thừa để nhập đạo thì làm sao với tới được. Cho nên, Tổ Đạt Ma đã vào núi Thiếu Lâm để ngồi diệm bích chờ Thần Quang đến cầu đạo và thấy đúng căn cơ mới đem cốt tủy của Thiên mà “dĩ tâm truyền tâm” cho.

Đức Phật khi mới đắc quả Vô Thượng Bồ Đề dưới gốc cây Tất Bát La đã nhập đại định Hải Ấn Tam Muội nói pháp thượng thừa viên giáo cho hàng đại Bồ Tát. Ngài còn suy nghĩ với căn cơ kém cỏi của chúng sinh thì làm sao kham nổi để lãnh thọ giáo pháp cao sâu vi diệu mà ngài vừa chứng ngộ. Nhưng, rồi đức Phật suy nghĩ đến cái khổ vô lượng mà chúng sinh đang gánh chịu, suy nghĩ đến nguyện lực độ sinh của mười phương chư Phật đã, đang và sẽ thực hành, suy nghĩ đến căn cơ sai biệt của chúng sinh giống như sen trong ao bùn: có cái còn ở trong bùn, có cái đã mọc lên khỏi nước, có cái còn búp, có cái đã hé nụ. Cho nên, đức Phật đã quyết định đem giáo pháp mà ngài đã chứng để tùy căn cơ chúng sinh mà hóa độ.

Vậy mà, phải đợi cho đến gần cuối đời, đức Phật mới nói ra mục tiêu tối thượng nơi hội Linh Sơn, rằng Ngài ra đời để nói pháp Nhất Thừa, độ chúng sinh làm Phật chứ không có thừa nào khác. Nhị thừa, tam thừa chỉ là phương tiện như hóa thành. Nhất thừa mới là bảo thành cứu cánh. Trong hội Pháp Hoa nơi núi Kênh Kênh này, chư thiên đã rải hoa Mạn Đà La, hoa Mạn Thù Sa, v.v... để cúng dường đức Phật và đại chúng.

Nói như vậy để cho thấy rằng dù đức Phật là vị đã đạt tới giác ngộ và giải thoát viên mãn, ngài vẫn thiết lập phương tiện để độ những chúng sinh phước mỏng nghiệp dày, căn cơ thô lậu. Đối với bậc thượng căn, thượng trí quán chiếu các pháp như không hoa, tâm thông dong tự tại không bị trói buộc vào hình danh sắc tướng thì

không cần dựa vào hình tượng để làm nghi biểu cho sự tu tập. Nhưng, đối với hàng phàm phu chúng sinh căn trí kém cỏi thì phương tiện không thể bỏ, hình danh sắc tướng không thể phá, mà cần phải biết vận dụng để diu dắt, như người không biết bơi muốn qua sông thì phải cần đến ghe thuyền.

Từ đó mới thấy rằng việc cung nghinh Phật Ngọc là lợi lạc tâm linh cho nhiều người. Đừng nói đâu xa, chỉ ngay tại thành phố Escondido, thuộc Quận San Diego nơi có Tu Viện Pháp Vương. Hàng chục năm nay, những người Mỹ láng giềng không khi nào bước chân vào, dù có người cũng biết đó là một ngôi chùa Phật Giáo. Nhưng trong thời gian lễ cung nghinh Phật Ngọc vào đầu tháng 2 năm 2010, hàng trăm, hàng ngàn người Mỹ đã về Tu Viện để chiêm bái Phật Ngọc. Bản thân người viết bài này, đã có dịp hỏi chuyện một phụ nữ Mỹ đến dự lễ khai mạc cung nghinh Phật Ngọc vào ngày 7 tháng 2 năm 2010 tại Tu Viện Pháp Vương, được bà cho biết rằng nhà bà ở ngay bên kia đường chỉ cách Tu Viện có mấy chục thước, nhưng lâu nay bà chưa hề vào Tu Viện. Nay bà nghe có Phật Ngọc đến nên mới vào Tu Viện để chiêm ngưỡng.

Có người sẽ cười và nói rằng họ chỉ đến chùa lễ Phật một lần chứ đâu có làm Phật tử trọn đời? Xin đừng quên rằng trong Kinh Pháp Hoa đức Phật dạy rằng, “Dù người với tâm tán loạn vào trong tháp miếu, chỉ một lần niệm Nam Mô Phật thì cũng thành Phật.” Quả vậy, chỉ một lần kết duyên lành với Phật, dù là với tượng Phật Ngọc, thì tương lai sẽ thành Phật. Không quý giá lắm sao?

Sự kiện hoa Mạn Đà La trong các lễ cung nghinh Phật Ngọc là thật hay do người cố tình tạo ra?

Trước hết xin nói qua về hoa Mạn Đà La. Hoa Mạn Đà La là một loại hoa có hình dạng Mạn Đà La dùng để cúng dường chư Phật và Thánh Chủng thường được nhắc đến trong nhiều Kinh Đại Thừa như Kinh A Di Đà, Kinh Pháp Hoa, v.v... Theo Bách Khoa Tự Điển Điện Tử Wikipedia (www.wikipedia.org), Mạn đà la là dịch âm chữ Hán từ chữ Phạn Mandala, có nghĩa là “vòng tròn,” tức viên dung. Trong truyền thống của Ấn Độ Giáo và Phật Giáo, nghệ thuật thiêng liêng của hai tôn giáo này thường lấy hình Mạn đà la làm biểu tượng. Hình thức căn bản của các Mạn đà la trong Ấn giáo và Phật giáo là một hình vuông với bốn cửa chứa đựng trong một vòng tròn với điểm trung tâm ở giữa. Những Mạn đà la này có ý nghĩa tâm linh và lễ nghi với Phật giáo và Ấn giáo. Trong Kim Cang Thừa của Phật Giáo Tây Tạng, Mạn đà la đã được phát triển trong nghệ thuật vẽ bằng cát. Mạn đà la cũng là một bộ phận chủ yếu của việc thực hành thiền. Trong Kim Cang Thừa của Phật Giáo Tây Tạng thường dùng Mạn đà la để mô tả Phật độ, hay trí tuệ giác ngộ của Phật, đại biểu tính thường nghiệm và phức tạp của tâm giác ngộ và tâm vọng động, hay là một tiểu vũ trụ tượng trưng cho năng lực siêu việt trong vũ trụ. Những Mạn đà la như vậy gồm phần ngoài là một vòng tròn và phần trong là hình vuông với “tòa” mạn đà la đặt ở giữa. Muốn biết rõ về Mạn Đà La thì có thể vào các trang mạng Phật Giáo Việt Nam để đọc nhiều bài viết giải thích về Mạn Đà La, trong số đó có bài viết khá công phu mang tựa đề “Tìm Hiểu Mạn Đà La” của tác giả Võ Quang Nhân được đăng trên trang nhà Thư Viện Hoa Sen: www.thuvienhoasen.org

Sự kiện hoa Mạn Đà La trong lễ cung nghinh Phật Ngọc là thật. Thật, trong ý nghĩa rằng các hình ảnh đó đã được máy quay phim và máy hình chụp tại chỗ và đưa ngay lên trang mạng trước sự chứng kiến của nhiều tăng, ni và Phật tử mà



người viết bài này được biết trực tiếp tại Tu Viện Pháp Vương, thành phố San Diego, Hoa Kỳ, vào lúc khoảng 4 giờ chiều ngày khai mạc, mùng 7 tháng 2 năm 2010, và đêm ngày 16 tháng 2 năm 2010 lúc tiễn tượng Phật Ngọc đi. Thật, trong ý nghĩa hoàn toàn không có bất cứ một hành vi sửa đổi hay tái tạo nào trên những tấm hình đó do Tu Viện Pháp Vương chụp và được đăng trên trang nhà Pháp Vân (www.phapvan.ca), trang nhà Hải Triều Âm (www.haitrieuam.net), trang nhà Quảng Đức (www.quangduc.com), v.v...

Sở dĩ người viết phải nhấn mạnh đến sự kiện "thật, trong ý nghĩa...", bởi vì đó là những gì chưa từng, ni và phật tử chúng kiến tại chỗ. Nhưng, các hình hoa Mạn Đà La đó chỉ thấy được qua máy thu hình và máy chụp hình mà không thể thấy được bằng mắt bên ngoài trời, nếu không có những máy hình đó. Thấy bằng mắt bên ngoài trời là hình ảnh mặt trời biến đổi màu sắc rất kỳ lạ vào buổi chiều lễ Khai Mạc, ngày 7 tháng 2 năm 2010, tại Tu Viện Pháp Vương mà rất nhiều người có mặt tại chỗ đều chúng kiến kể cả người viết bài này.

Có người nói các tấm hình đó là do "phản chiếu ánh đèn sáng," mà ra. Lúc chụp hình bị ánh đèn phản chiếu tạo ra các hình tròn sáng, thậm chí có màu sắc, là điều bình thường. Vấn đề là, trên các hình hoa Mạn Đà La chụp được trong lễ cung nghinh Phật Ngọc thì hình Mạn Đà La hiện ra rất rõ, không thể nào nhầm lẫn với hình do ánh đèn phản chiếu được.

Người viết bài này chỉ đề cập đến hình hoa Mạn Đà La được chụp tại Tu Viện Pháp Vương bởi vì chính bản thân người viết trực tiếp biết việc này. Người viết cũng tin chắc rằng chư tăng, ni và phật tử tại những ngôi chùa khác có cung nghinh Phật Ngọc và có hình hoa Mạn Đà La đều là thật, nghĩa là các hình đó được chụp và đưa lên mạng trực tiếp chứ không qua bất cứ sự sửa đổi, giả tạo nào cả. Nhiều bản tin và bài viết tường thuật về sự kiện hoa Mạn Đà La trong các lễ cung nghinh Phật Ngọc ở nhiều chùa tại Hoa Kỳ trong thời gian qua đã cho thấy mức độ khả tín và chính xác như thế nào.

Tin hình hoa Mạn Đà La chụp được



trong các lễ cung nghinh Phật Ngọc có phải là mê tín?

Khi chúng kiến hình ảnh kỳ diệu của ánh mặt trời đổi sắc và khi nhìn những tấm hình hoa Mạn Đà La qua máy chụp hình trong đêm cung tiễn Phật Ngọc tại Tu Viện Pháp Vương, người viết bài này đã thấy những xúc động, những giọt nước mắt trên gương mặt hoan hỷ của nhiều người vì cảm kích một sự kiện hy hữu trong đời. Người viết bài này và nhiều Phật tử có mặt đều có cùng cảm nghĩ, rằng sự kiện hoa Mạn Đà La làm vững mạnh thêm chánh tín cho mình, bởi vì qua đó có thể thâm cảm rằng:

- Phật đúng là bậc thầy của trời và người. Tượng Phật Ngọc mà còn được cung kính rải hoa Mạn Đà La cúng dường như vậy thì đức Phật báo ứng thân càng được tôn kính biết bao nhiêu. Từ đó mới thấy rằng ân đức, đoạn đức và trí đức của Phật quả thật bao la vô lượng.

- Những gì Phật dạy trong kinh là hoàn toàn thật. Chẳng hạn, kinh diễn tả cảnh hoa Mạn Đà La được rải xuống để cúng dường Phật, thì hình ảnh hoa Mạn Đà La trong lễ cung nghinh Phật Ngọc là một bằng chứng cho thấy đó là sự thật.

- Nhờ tăng trưởng chánh tín như vậy, càng tin sâu Tam Bảo, tin sâu nhân quả, nghiệp báo và càng nỗ lực thực hành theo lời Phật dạy.

Niềm tin giúp củng cố thêm đạo tâm, thêm niềm tin với Tam Bảo để tiếp tục vững bước trên con đường học và tu đối với Phật Pháp như vậy làm sao là mê tín?

Đối với người viết, vấn đề thật sự đơn giản và dễ hiểu, bởi vì, chúng ta, những Phật tử ở nhân gian, đối với tượng Phật Ngọc vì tôn kính như là hình ảnh biểu tượng của đức Phật, cho nên đã dâng hoa để cúng dường ngài, thì chư thiên cũng vậy, họ cũng tôn kính tượng Phật Ngọc nên đã rải hoa Mạn Đà La để cúng dường.

Vấn đề là cần cảnh giác để ngăn chặn những thị phi bất thiện là đừng khởi tâm phân biệt, đừng nghĩ rằng sự kiện hoa Mạn Đà La xảy ra nhiều trong các buổi lễ cung nghinh Phật Ngọc tại các chùa là chuyện không thể có, hay thậm chí là chuyện bịa đặt để lôi cuốn quần chúng nhằm mục đích làm lợi cho chùa. Xin cũng đừng nghĩ rằng chùa nào rước Phật Ngọc mà có hoa Mạn Đà La mới là chùa linh. Những suy nghĩ như vậy sẽ đánh mất chánh tín của người con Phật.

Sự mầu nhiệm của Phật Pháp không thể lấy lý trí phân phủ hay tâm phân biệt để đo lường được.

Sự cảm ứng là do nhân duyên đầy đủ. Ngay như thời Phật còn tại thế đâu phải ai cũng được Phật độ dù là có dịp gặp ngài trên đường du hóa, vì chuyện Phật độ hết chúng sinh trong một đời thị hiện của ngài là điều không thể có được. Chính đức Phật cũng dạy rằng những ai có duyên được độ thì ngài đã độ. Những ai không có duyên thì ngài cũng đã tạo duyên để được độ trong tương lai qua phương thức chánh pháp lưu truyền.

Tóm lại, đã tin lời Phật dạy, tin kinh điển là chánh pháp thì sự kiện hoa Mạn Đà La xuất hiện trong các lễ cung nghinh Phật Ngọc cũng là điều phù hợp với chánh lý, là chánh tín, chứ không phải mê tín.



MỘT NGÀY TRÔI QUA

*Hoàng hôn phủ xuống vai gầy
Trắng non vừa mọc một ngày trôi qua
Lữ hành dặm bước còn xa
Chân nào có mỏi cho ta trạm dừng*

*Đắng cay, cay đắng đã từng
Hay còn phía trước chưa mừng vội lo ?*

*Biết cùng ai để chuyện trò
Hương tàn khói lạnh còn tro vương thêm...*

MƯA CHIỀU

*Mưa chiều giăng nỗi nhớ quê
Ai đem giọt nắng đi về nơi đâu?
Cho mây nhuộm tím ưu sầu
Cần khôn vũ trụ chìm sâu nhạt nhòa...*

SẮC MÀU

*Màu thời gian tím nhạt
Màu không gian xám buồn
Cố vút đi phiền muộn
Sao lòng còn vấn vương?*

CHIỀU

*Chiều nay mưa lất phất bay
Ai đem phiền não đọa đày chân tâm
Thị phi nhân ngã lặng thầm
Khuấy lên tam độc chôn mầm yêu thương*

*Chìm sâu giấc mộng miên trường
Có - không, yêu - ghét chẳng vương vấn gì
Mở toang cánh cửa tử bi
Sao người chẳng tới mà đi đường nào?*

TƯỜNG VÂN

May 31 st 2010

LỄ HỘI PHẬT ĐÀN NĂM 2010 CỦA CỘNG ĐỒNG PHẬT GIÁO NAM CALIFORNIA

Nguyên Triều ghi lại—Hình ảnh do *Dzung Bau* cung cấp

Như thường lệ hàng năm, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ phối hợp cùng chư tôn đức Tăng Ni và các tự viện, tổ chức Phật giáo thuộc miền Nam California để tổ chức Đại Lễ Phật Đản chung. Khi Tăng đoàn hội họp và có quyết định về việc tổ chức Đại Lễ Phật Đản, một ban tổ chức được thành lập với sự tham gia đông đảo của đại diện chư tôn đức và các tự viện, từ đó lấy tên chung là Ban Tổ Chức Lễ Hội Phật Đản của Cộng Đồng Phật Giáo Nam California.

Khởi đầu cho mùa Phật Đản năm nay, Lễ Hội Phật Đản của Cộng Đồng Phật Giáo Nam California được diễn ra trong 3 ngày, 14, 15 và 16 tháng 5 năm 2010 trên khuôn viên rộng rãi của bãi đậu xe (parking lot) thuộc khu thương xá Westminster Mall (thành phố Westminster, California).

Đây là lần đầu tiên, Cộng Đồng Phật Giáo Nam California tổ chức Lễ Hội Phật Đản liên tục 3 ngày với nhiều chương trình và tiết mục về triển lãm văn hóa, sinh hoạt dân gian ngoài nghi lễ chính thức tưởng niệm tri ân Đức Bốn sư Thích Ca. Được biết là ngay từ những buổi họp đầu tiên của Ban Tổ Chức, đa số cử tọa đều tỏ ý lo ngại sự kéo dài nhiều ngày của lễ hội sẽ khiến chư tôn đức và Phật tử mệt mỏi, phân mảnh số người tham dự, không tập trung được cho ngày Đại Lễ chính thức vào chiều 16.5.2010. Đã có cử tọa đề nghị rút ngắn ngày lại, thay vì 3 ngày chỉ còn 2 ngày hoặc 1 ngày rưỡi. Nhưng cuối cùng thì mọi người cũng đã đồng thuận việc tổ chức 3 ngày, như là một thử nghiệm đối với tâm lý và sinh hoạt chung của Phật giáo đồ cũng như của cộng đồng người Việt tị nạn miền Nam California.

CHIỀU THỨ SÁU, 14.5.2010

Theo chương trình thì Lễ Hội Phật Đản sẽ được khai mạc lúc 5 giờ chiều ngày thứ Sáu, 14.5.2010. Nhưng chúng tôi đã đến thăm viếng khu vực tổ chức lễ hội từ lúc 11 giờ sáng. Lúc này đã có nhiều Tăng Ni và các Phật tử làm việc thiện nguyện tập trung để trang trí lễ đài, cũng như chuẩn bị cho các gian hàng triển lãm văn hóa. Ai cũng bận rộn, nhưng khi được hỏi đến đều biểu lộ niềm vui và phấn khởi đối với việc tổ chức Lễ Hội 3 ngày của Cộng Đồng Phật Giáo Nam California.

4 giờ chiều, chúng tôi trở lại thì đã thấy tưng bừng không khí của một ngày hội lớn. Cờ xí rợp trời. Người người vào ra rộn ràng, tấp nập. Đến 5 giờ chiều, lễ cắt băng khai mạc Lễ Hội được tiến hành nơi cổng chính bước vào khu vực tổ chức. Khu vực này chiếm một khoảng không gian rộng rãi, có thể dung chứa hàng trăm gian hàng triển lãm văn hóa và thương vụ, một khán đài vĩ đại, mấy nghìn ghế ngồi trong lều vĩ đại cao thoáng, hàng chục lều bạt được dựng cho các bàn ẩm thực, và một khu vui chơi carnival dành cho giới trẻ.

Sau các nghi thức chào cờ theo thông lệ, Đại Đức Thích Phước Niệm, Phụ tá của Hòa thượng Thích Nguyên Trí - Trưởng Ban Tổ Chức, đã đọc diễn văn khai mạc Lễ Hội Phật Đản với ý nghĩa chính như sau: "Nhân Mùa Phật Đản, cùng với toàn thể Phật giáo đồ trên khắp thế giới hân hoan đón mừng

sự giáng trần của Đức Phật, Cộng đồng Phật giáo Việt Nam tại miền Nam California trang trọng tổ chức Lễ Hội Phật Đản, để người con Phật cùng về bên nhau, chung lòng tưởng niệm công ơn sâu dày của Đức Từ Phụ, cũng như để có cơ hội tương ngộ, chia sẻ niềm vui có cùng một bậc đạo sư kỳ vĩ, và cùng thực hành một nền giáo lý giải thoát cao siêu. Niềm vui ấy sẽ được biểu hiện bằng nhiều hình thức của Phật giáo và dân gian: đọc tụng lời Phật dạy, cầu nguyện thế giới hòa bình, chúng sinh an lạc; triển lãm văn hóa, tranh tượng, nhiếp ảnh, nghệ thuật, ẩm thực chay, các chương trình văn nghệ và các môn giải trí thích hợp với mọi lứa tuổi. Như vậy, việc đón mừng Phật Đản được lồng theo những sinh hoạt lành mạnh mang tính văn hóa nghệ thuật để mọi người được hòa vui trong tinh đạo."

Hòa thượng Thích Hạnh Đạo, vị trưởng lão của Tăng đoàn Nam California, theo lời thỉnh cầu của Ban Tổ Chức, đã ban đạo từ trong lễ khai mạc này, tán thán những nỗ lực của chư tôn đức Tăng Ni và Phật tử địa phương để thực hiện lễ hội đầu tiên kéo dài 3 ngày như năm nay.

Sau lễ khai mạc là một đêm văn nghệ với chủ đề "Hát cho quê hương" với nhiều danh ca và các ban văn nghệ, đội vũ của Gia Đình Phật Tử thuộc miền Quảng Đức.

Hàng nghìn đồng hương và Phật tử đã tham dự và thưởng thức văn nghệ cho đến hết chương trình của ngày đầu Lễ Hội.

THỨ BẢY, NGÀY 15.5.2010

Ngày thứ hai của Lễ Hội được bắt đầu từ 10 giờ sáng thứ Bảy, ngày 15.5.2010, với lễ khai mạc Triển Lãm Văn Hóa Nghệ Thuật Phật giáo và Dân tộc. Diễn văn khai mạc của Ban Tổ Chức đã nói rõ ý nghĩa và mục đích của việc triển lãm và sinh hoạt văn hóa trong lễ hội:

"Người Việt trong cộng đồng chúng ta nơi đây, đã rời quê hương sống đời tị nạn, rồi tiến dần đến việc định cư, chọn quê hương mới làm chốn dung thân vĩnh viễn, nhưng từ sâu trong tâm khảm, vẫn mang theo những dấu ấn, những kỷ niệm của chùa chiền, những nơi thờ tự, những con sông, bến nước, bờ tre, ruộng nương, rừng núi và phố thị, làng quê. Tất cả những kỷ niệm ấy được lưu giữ trọn vẹn để biểu hiện trong đời sống của người Việt ngoài nước, thiết lập một cộng đồng thuần nhất với nền văn hóa và ngôn ngữ đặc trưng Việt tộc.

Văn hóa Phật giáo đã song hành với văn hóa dân tộc suốt gần hai ngàn năm qua, cũng không tách rời cộng đồng Việt khi ra khỏi nước. Chùa chiền được dựng xây khắp nơi, kinh điển Việt được tụng đọc mọi chốn, chính là một trong những hình thức bảo tồn và phát huy văn hóa dân tộc nơi xứ người.

Không những thế, các sinh hoạt khác như hội họa, thư pháp, cắm hoa, múa lân, múa võ, ca nhạc, ẩm thực, v.v... tất cả đều nói lên bản sắc của nền văn hóa Việt."

Trong suốt ngày thứ Bảy, nhiều chương trình đã được thay nhau trình diễn, trong đó có buổi lễ Phật Đản dành cho thiếu nhi, do đại diện Gia Đình Phật Tử Miền Quảng Đức đảm trách. Các em nhỏ được hướng dẫn đọc diễn văn, hành lễ theo cung cách riêng của tuổi trẻ. Mục tiêu của buổi lễ này rất hay, tuy nhiên đã không được chuẩn bị chu đáo nên chưa được hoàn chỉnh và thiếu sự thu hút đối với giới trẻ tham dự trong ngày hôm đó.

Một chương trình khác cũng khá đặc biệt là cuộc thi Hoa Khôi Áo Dài Lam, đã bị hủy bỏ vì số thí sinh ghi danh chỉ có 9 người, không đủ túc số để tổ chức, Ban Tổ Chức đã thông báo như vậy vào lúc 2 giờ chiều cùng ngày. Các cuộc thi áo dài lam từng được Gia Đình Phật Tử tổ chức trước đây, nay triển khai tại Lễ Hội Phật Đản để giới trẻ bên ngoài có cơ hội tham gia, nói lên ý nghĩa màu lam chân chất, hiền hòa, đạo vị của thiền môn cũng như của Gia Đình Áo Lam, khích lệ một thẩm mỹ quan về sắc màu và y phục của Phật giáo cũng như của dân tộc. Rất tiếc là Ban Tổ Chức đã không thể phổ biến kịp thời gian cho các thí sinh ghi danh dự thi.

6 giờ chiều, Ban Tổ Chức cung thỉnh Đại lão Hòa thượng Thích Thăng Hoan ban một thời thuyết pháp về ý nghĩa Đản Sanh của Đức Phật. Hàng ngàn Tăng Ni và Phật tử đã tham dự thính pháp. Thời pháp này được đánh giá cao không những vì sự quảng bác về Phật học và biện tài ngôn thuyết của vị pháp sư, mà còn là một thời pháp sâu sắc, nêu bật được nhân duyên và mục đích thị hiện của Đức Phật nơi cõi đời này nhằm mang lại giải thoát giác ngộ cho nhân loại và chúng sanh.

Đến 7 giờ 30 tối, một buổi lễ thắp nến cầu nguyện cho hòa bình thế giới được diễn ra trong bầu không khí vô cùng trang nghiêm. Buổi lễ được hướng dẫn bởi Thượng Tọa Thích Thánh Minh. Chư tôn đức Tăng Ni quang lâm đã lần lượt tiếp nhận ánh lửa từ bàn thờ Đức Phật, chuyển đến hàng nghìn Phật tử tham dự, thắp sáng cả một vùng đèn nến lung linh quanh lễ đài. Lời của Thượng Tọa Thích Thánh Minh thật cảm động dâng lên trong màn đêm và sự im lặng của đại chúng:

"Hôm nay hòa chung với niềm hân hoan của mọi người con Phật trên khắp hành tinh, Cộng Đồng Phật Giáo Nam Cali cùng GHPGVNTNHK long trọng tổ chức lễ hội Phật Đản, Phật lịch 2554. Trong giờ phút trang nghiêm này, mười phương chư Phật hiện tọa đạo tràng, hồn thiêng sông núi cũng đang hội tụ về đây, trước sự hoan hỷ hiện diện chứng minh của

Chư Tôn Đức. Chúng con thành kính chấp tay cầu nguyện cho tình người thế hiện, giáo hội vững tay chèo, ngày mai đó trên chặng đường nhiều ma chướng, cần nhiều tay chong đuốc soi đường, bao chí nguyện điếm tồ cho Cộng đồng Phật giáo Nam Cali ngày càng khởi sắc và phát triển trong tinh thần 'Hòa hợp, tương kính, tương thuận, tương giáo, tương sám. Thành tâm thắp nến để cầu nguyện cho quê hương Việt Nam sớm được tự do, nhân quyền, dân chủ. Và trong giờ phút thiêng liêng này, chúng con xin thành tâm cung thỉnh Chư Tôn Đức và toàn thể quý liệt vị đồng khởi thân Niệm Phật kính hành với những ngọn nến được thắp sáng trong tay, để cầu nguyện cho đạo pháp được trường tồn, chúng sanh an lạc..."

Sau đó, đại chúng mỗi người một ngọn nến, kính hành và đồng niệm danh hiệu đức Bốn sư. Hàng nghìn ngọn nến đã tỏa ánh vàng của đạo thiêng và tâm nguyện chí thành đối với niềm hạnh phúc của nhân loại và hòa bình của thế giới.

Cuối cùng là đêm văn nghệ Đạo Ca cúng dường Phật Đản, với sự góp mặt của nhiều ca nghệ sĩ, kịch sĩ, đặc biệt có danh ca Hà Thanh từ Boston sang để mở đầu chương trình. Khán giả tụ tập đông đảo gây hứng cảm cho ban nhạc và các nghệ sĩ. Trời đêm lạnh mà không khí ca nhạc vẫn bừng lên sự ấm cúng đạo vị. Đến 10 giờ đêm, chương trình văn nghệ mới chấm dứt.

CHỦ NHẬT, NGÀY 16.5.2010

Theo chương trình thì ngày Chủ nhật, 16.5.2010, là ngày Đại lễ Phật Đản chính thức của Cộng Đồng Phật Giáo Nam California.

Từ 10 giờ sáng, trong khi lễ hội tại Westminster Mall được bắt đầu với các nghi thức Phật Đản của Phật giáo các nước thì ở chùa Bát Nhã, chư tôn đức Tăng Ni và Phật tử cũng tập trung để chuẩn bị cho lễ trai tăng cúng dường.

1 giờ trưa, sau lễ trai tăng, đoàn rước lễ Đản Sanh gồm 3 xe hoa do chùa Bát Nhã (Santa Ana), Tu viện An Lạc (Ventura) và chùa Hộ Pháp (El Monte) thiết trí công phu tinh xảo, được tháp tùng bởi hàng trăm xe lớn nhỏ, mang cờ Phật giáo và phù hiệu của Ban Tổ Chức, đã diễn hành từ chùa Bát Nhã đến lễ đài chính của Lễ Hội. Đây là lần đầu tiên các xe hoa Phật Đản trang nghiêm rực rỡ của Phật giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ được diễn hành qua một lộ trình dài băng ngang nhiều thành phố, gây tin tâm cho Phật tử và tạo sự chú ý chiêm quan của quần chúng suốt dọc đường.



HT. Thích Nguyên Trí, Trưởng Ban Tổ Chức Lễ Hội Phật Đản, đứng trước xe hoa do chùa Bát Nhã thực hiện





Xe hoa của Tu Viện An Lạc, thành phố Ventura



Niêm hương bạch Phật



TT. Thích Tuệ Uy đứng trước xe hoa của Tu Viện Hộ Pháp do Thượng tọa và tăng chúng thực hiện



2 giờ chiều, sau khi đoàn xe hoa đến Westminster Mall và nhiều quanh khu vực Lễ Hội, chương trình Đại Lễ Phật Đản chính thức của Cộng Đồng Phật Giáo Việt Nam Miền Nam California được bắt đầu. Hàng trăm Tăng Ni quang lâm và khoảng trên 10 ngàn Phật tử đã tham dự Lễ Hội suốt ngày lễ chính thức này.



Nghi thức chào quốc kỳ Hoa Kỳ, VNCH và Phật giáo kỳ

Sau nghi thức chào cờ, ban xướng ngôn viên và điều hợp chương trình là TT. Thích Nguyên Siêu, Tổng Thư Ký Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNKH, cùng nhị vị Phụ tá Chánh Văn Phòng Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTNKH là TT. Thích Minh Dung và TT. Thích Nhật Trí, đã giới thiệu tổng quát thành phần tham dự, qua đó chúng tôi nhận thấy có sự quang lâm đông đảo của hầu hết chư tôn đức Tăng Ni cốt trụ của Cộng Đồng Phật Giáo Việt Nam tại miền Nam California cũng như Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ như HT. Thích Thăng Hoan, HT. Thích Chơn Thành, HT. Thích Hạnh Đạo, HT. Thích Trí Chơn, HT. Thích Tín Nghĩa, HT. Thích Nguyên An, HT. Thích Quảng Thanh, HT. Thích Từ Diệu, HT. Thích Pháp Tấn, HT. Thích Minh Hồi, HT. Thích Giác Sỹ, HT. Thích Tâm Vân, TT. Thích Minh Mẫn, TT. Thích Thiện Long, Sư Bà Thích nữ Như Nguyệt, Sư Bà Thích nữ Thanh Hà, Sư Bà Thích nữ Diệu Ngọc, v.v... Ngoài ra còn có hai vị khách tăng từ phương xa là HT. Thích Như Điển (Đức quốc) và TT. Thích Nguyên Tạng (Úc châu). Về phía quan khách đại diện chính quyền, Ban Tổ Chức giới thiệu cô Ann Nora, đại diện Dân biểu liên bang Lorretta Sanchez, Thượng nghị sĩ địa hạt 34 Lou Correa, Nghị viên Garden Grove Dina Nguyễn và cũng đại diện Dân biểu tiểu bang Cali Trần Thái Văn, Thị trưởng Westminster Margie Rice, Nghị viên Westminster Tạ Đức Trí và Diệp Miên Trường, Hội trưởng Phật Giáo Hòa Hào Nam Cali Giáo sư Nguyễn Thanh Giàu, Phó chủ tịch Ban Đại Diện Cộng Đồng Việt Nam Nam Cali Nguyễn Khanh, v.v... cùng nhiều đại diện hội đoàn, tổ chức khác.



Quan khách phát biếu

Sau phần giới thiệu quan khách, HT. Thích Nguyên Trí, Trưởng Ban Tổ Chức, Phó Chủ tịch Hội Đồng Điều Hành, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ, đã mở đầu bằng diễn văn khai mạc với ý nghĩa súc tích, thể hiện tinh thần dẫn thân vì đạo vì đời của Phật giáo đồ Việt Nam:

"Tưởng niệm ngày Đản Sinh của đức Phật, hàng Phật tử chúng ta không chỉ xưng tụng công đức vô lượng mà Ngài đã cống hiến cho nhân loại, còn phải biết áp dụng giáo lý từ bi, giác ngộ và giải thoát của Ngài để xây dựng cuộc sống hạnh phúc, hòa bình, và tiến bộ cho bản thân và cộng đồng xã hội. Giáo pháp của đức Phật không phải chỉ là lương dược chữa lành bệnh khổ cho tự thân mỗi người, mà còn là phương thức hữu hiệu để chuyển hóa những xấu ác, tệ đoan trong xã hội. Chẳng hạn, tinh thần tuân thủ nghiêm túc những giới luật Phật dạy là nền tảng của mọi nề nếp pháp trị cho một quốc gia; tinh thần từ bi khoan dung là chìa khóa cho mọi nếp sống đoàn kết của tập thể; tinh thần bình đẳng và tự giác là yếu tính của mọi sinh hoạt dân chủ, bình quyền.

Hôm nay, chúng ta cùng nhau về đây để cử hành Đại Lễ Khánh Đản của đức Phật giữa lúc có nhiều bất an. Đối với cộng đồng người Việt tị nạn tại Hoa Kỳ, dù cơn khủng hoảng kinh tế đang bắt đầu hồi phục, nhưng những hệ lụy từ cuộc suy thoái này vẫn còn tác động sâu nặng lên cuộc sống từng người. Đối với quê nhà Việt Nam, thực trạng tự do tôn giáo, dân chủ, và nhân quyền ngày càng tồi tệ, cộng với tình hình an ninh lãnh thổ lãnh hải ngày càng đen tối trước thảm họa xâm lăng của bắc phương, và sự bất lực của chính quyền Cộng Sản Việt Nam."

Tiếp đó là nghi thức Phật Đản do HT. Thích Tín Nghĩa, Phó chủ tịch Nội vụ GHPGVNTN Hoa Kỳ chủ sám. Toàn thể đại chúng đã lắng lòng tụng bài sám nguyện Khánh Đản thật cảm động, trang nghiêm. Lễ Tắm Phật (Mộc Dục) cũng đã được cử hành long trọng trong buổi lễ này.



HT. Thích Tín Nghĩa, Phó Chủ tịch Nội vụ GHPGVNTN Hoa Kỳ



Lễ tắm Phật (Mộc Dục)

Tiếp theo chương trình là tiết mục võ thuật Thiếu Lâm do các tăng nhân Trung Hoa xuất thân từ Thiếu Lâm tự, cùng các môn sinh Hoa Kỳ biểu diễn. Các bài côn, quyền, kiếm, thật đặc sắc, điêu luyện, đã được quần chúng tán thưởng nồng hậu.

Và cuối cùng là chương trình văn nghệ "Hát cho hòa bình thế giới" được bắt đầu từ lúc 8 giờ tối với nhiều danh ca và danh hề hải ngoại như Phương Hồng Quế, Hương Lan, Phương Dung, Như Quỳnh, Quang Minh & Hồng Đào, v.v... với các MC Giáng Ngọc, Đỗ Tân Khoa, Đỗ Thanh, Ngọc Hân. Một đêm văn nghệ đặc sắc thu hút hàng nghìn khán giả tham dự cho đến cuối giờ, kết thúc 3 ngày Lễ Hội Phật Đản thành công mỹ mãn.

Điểm lại chương trình của 3 ngày qua, Ban Tổ Chức cho biết đã có nhiều sơ xuất, nhiều việc đáng tiếc xảy ra ngoài dự tính, nhưng một cách tổng quan, đây là Lễ Hội Phật Đản đầu tiên được tổ chức suốt 3 ngày, có xe hoa diễu hành, có nghi thức khánh đản iêng cho các nước Phật giáo bạn, có liên lạc văn hóa và các sinh hoạt dân gian gần gũi với quần chúng mọi giới. Các khiếm khuyết có thể được rút tỉa để thực hiện tốt đẹp hơn cho những lần sau, nhưng thành công của Lễ Hội Phật Đản năm nay chính là sự khởi mào và ái lập một lễ hội truyền thống của Phật giáo Việt Nam trên đất Hoa Kỳ này. Mặt khác, chương trình mở rộng của Lễ Hội cũng góp phần đáng kể trong việc nối kết những người con Phật thuộc nhiều hệ phái, giáo hội của Phật Việt cũng như của nhiều chủng tộc con Phật khác đang hành đạo tại hải ngoại. Trong ý nghĩa này, đoàn kết và hòa hợp trở thành chủ đích của Ban Tổ Chức. Và sự hành công xét ở mặt này, thật đáng án thưởng.

Nguyễn Triều





YẾM TRỢ BÁO CHÁNH PHÁP

Nam mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư tôn đức,
Kính thưa quý Phật tử và bạn đọc gần xa,
Nhằm phổ biến giáo lý Giác ngộ của Đức Từ Phụ Thích Ca Mâu Ni và tạo mối dây liên hệ tinh thần giữa Phật giáo đồ khắp nơi, báo Chánh Pháp ra đời. Tuy mới có mặt trong một thời gian ngắn, báo Chánh Pháp đã nhanh chóng tạo được niềm tin cậy và yêu thích của bạn đọc, xuất gia hay tại gia.
Tuy vậy, để báo Chánh Pháp được duy trì và phát triển trên đường dài, Ban Chủ Trương chúng tôi mong mọi được sự yểm trợ sâu rộng của chư tôn đức và quý phật-tử qua các phương thức sau:

- Chư tôn đức Tăng Ni và quý văn thi hữu xin đóng góp bài vở, gửi về tòa soạn (nội dung liên quan Phật giáo, Văn Hóa, Xã Hội, Từ Thiện...)
- Quý phật-tử có thương vụ xin đăng quảng cáo để ủng hộ
- Quý phật-tử đồng hương xin phát tâm ủng hộ mỗi vị \$3 một tháng (để trang trải cước phí gửi báo đi khắp nơi)
- Giới thiệu báo Chánh Pháp đến thân nhân, bằng hữu, bạn đạo khác.

Sự yểm trợ của chư tôn đức, văn thi hữu và bạn đọc sẽ giúp cho nội dung báo Chánh Pháp ngày càng phong phú, đặc sắc hơn, giúp chúng tôi vượt qua những trở ngại tài chánh để nuôi dưỡng tờ báo dài lâu, góp phần hoằng dương Phật đạo.

Thành thật tri ân chư liệt vị.
Tỳ kheo Thích Nguyên Trí

Tịnh tài xin gửi: CHÁNH PHÁP
803 S. Sullivan St.,
Santa Ana, CA 92704

Bài vở xin gửi:
baivochanhphap@gmail.com

THÔNG BÁO KHÓA TU NIỆM PHẬT HẰNG THÁNG TẠI CHÙA THIÊN TRÚC NĂM 2010 – CANH DẦN

Nam mô A Di Đà Phật

Kính gửi: - Quý Đạo hữu Phật tử!

Để đáp ứng nguyện vọng cho một số Phật tử có duyên với pháp môn niệm Phật, chùa Thiên Trúc sẽ tổ chức Khóa Tu Niệm Phật hằng tháng vào mỗi Chủ nhật cuối tháng, từ 8 giờ sáng đến 8 giờ tối, cụ thể các ngày như sau:

- Chủ nhật, **ngày 27 tháng 6 năm 2010** (tức ngày 16 tháng 5 âm lịch)
- Chủ nhật, **ngày 25 tháng 7 năm 2010** (tức ngày 14 tháng 6 âm lịch)
- Chủ nhật, **ngày 22 tháng 8 năm 2010** (tức ngày 13 tháng 7 âm lịch)
- Chủ nhật, **ngày 26 tháng 9 năm 2010** (tức ngày 19 tháng 8 âm lịch)
- Chủ nhật, **ngày 31 tháng 10 năm 2010** (tức ngày 24 tháng 9 âm lịch)
- Chủ nhật, **ngày 28 tháng 11 năm 2010** (tức ngày 23 tháng 10 âm lịch)
- Chủ nhật, **ngày 26 tháng 12 năm 2010** (tức ngày 21 tháng 11 âm lịch)

Khóa Tu được sự chứng minh, thuyết giảng và hướng dẫn của chư tôn Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức Tăng, Ni đến từ các tiểu bang trên đất nước Hoa Kỳ.

Vì vậy, chúng tôi kính thông báo đến quý Đạo hữu Phật tử biết để sắp xếp thời gian về tại:

Chùa Thiên Trúc: 1083 S 7th St - San Jose, CA 95112

cùng tham dự Khóa Tu Niệm Phật.

Ngoài ra, cuối giờ mỗi khóa tu, chúng tôi có cúng Thí Thực Âm Linh Cô Hồn và niệm Phật cầu vãng sanh cho những oan hồn không nơi nương tựa, đồng thời tuyên bố cầu an cho những gia đình ghi danh.

Thay mặt Đạo tràng Thiên Trúc, chúng tôi kính mời quý Đạo hữu Phật tử xa gần về chùa tham dự Khóa Tu Niệm Phật theo chương trình đính kèm.

Sự tham dự Khóa Tu Niệm Phật của quý vị sẽ mang lại sự an lạc, giải thoát trong đời hiện tại; tương lai được vãng sanh về cảnh giới của đức Phật A Di Đà.

Cầu nguyện chư Phật gia hộ quý vị và gia đình vô lượng cát tường.

San Jose, ngày 6 tháng 6 năm 2010

Tỳ kheo Thích Thiện Long

CHƯƠNG TRÌNH KHÓA TU NIỆM PHẬT

- 08: 00 am Khai kinh**
- 09: 00 am Kinh hành niệm Phật**
- 09: 50 am Lễ lạy 48 lời nguyện của đức Phật A Di Đà**
- 11: 00 am Trì Danh Niệm Phật**
- 12: 00 pm Thọ trai chánh niệm**
- 12: 45 pm Kinh hành niệm Phật**
- 01: 30 pm Quán tưởng niệm Phật**
- 02: 15 pm Lạy Sám Hối**
- 03: 15 pm Thuyết Pháp**

Tháng 6 năm 2010: Hòa thượng Thích Minh Đạt

Tháng 7 năm 2010: Thượng tọa Thích Giác Đồng

Tháng 8 năm 2010: Đại đức Thích Thiện Long

Tháng 9 năm 2010: Thượng tọa Thích Phước Hiền

Tháng 10 năm 2010: Thượng tọa Thích Nguyên Tâm

Tháng 11 năm 2010: Thượng tọa Thích Thiện Quang

Tháng 12 năm 2010: Đại đức Thích Nhuận Dung

- 04: 00 pm Tụng kinh Di Đà**
- 05: 00 pm Kinh hành niệm Phật**
- 05: 30 pm Cúng Âm Linh Cô Hồn, tuyên bố Cầu An**
- 06: 30 pm Dược thực**
- 07: 00 pm Pháp đàm**
- 07: 45 pm Hoàn kinh**
- 08: 00 pm Bế mạc**

Ghi chú:

- Quý vị chỉ mang theo áo tràng; thức ăn đã có người hỷ cúng.
- Quý vị vui lòng đậu xe ở Park & Ride Lot của Spartan Stadium San Jose 1057 S. 7th Street. San Jose, CA 95112 (trả tiền ở Pay Station).
- Chương trình có thể uyển chuyển thay đổi cho thích hợp.
- Mọi chi tiết xin liên lạc về chùa Thiên Trúc ở số điện thoại: 408 217 9602.



TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

Diệu Âm lược dịch

CAM BỐT: Ký kết quan hệ đối tác về Nền Văn minh Phật giáo

Siem Reap, Cam Bốt - Hai nước Indonesia và Cam Bốt đã được bổ nhiệm làm phó chủ tịch tại Hội nghị Thượng đỉnh Con đường của Nền Văn Minh và Hội nghị Bộ trưởng diễn ra tại Siem Reap ra từ ngày 26 đến 29-4-2010.

Hội nghị thượng đỉnh và cuộc họp bộ trưởng có sự tham dự của đại diện các nước ASEAN và Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản và Nam Hàn.

Trong cuộc họp cuối cùng, 6 bộ trưởng đã nhất trí thông qua "Lộ trình Siem Reap 1010 - 2015" để thực hiện Tuyên bố Borobudur, với mục tiêu duy trì và phát huy các nguồn lực văn hoá qua du lịch văn hoá nhằm cải thiện phúc lợi của nhân dân.

Ngoài cuộc họp liên chính phủ còn có các diễn đàn cho những người chuyên trách về du lịch văn hoá.

Con đường của Nền Văn minh do Tổng thống Indonesia Susilo Bambang Yudhoyono khởi xướng, dựa trên những con đường tương đồng của nền văn minh Phật giáo trong 6 nước lập bản tuyên bố - gồm Cam Bốt, Lào, Indonesia, Miến Điện, Thái Lan và Việt Nam.

Cam kết về phát triển du lịch dựa vào văn hoá sau đó đã được ghi thông qua Tuyên bố Borobudur, được ký kết tại tổ hợp đền Borobudur vào năm 2006.

(VIVAnews - May 3, 2010)

NAM HÀN: Chùa Choye dạy đạo pháp-cho các em nhỏ nhân lễ Phật đản

Seoul, Hàn quốc - Ngày 03-5-2010, một nhóm 8 em nhỏ đã được các nhà sư ở Chùa Choye tại Seoul cạo đầu nhân lễ Phật đản vào tháng này.

Các em sẽ ở lại chùa trong 21 ngày để học về Phật pháp.

Đức Phật đản sinh vào khoảng 2.554 năm trước, và mặc dù người ta không biết ngày tháng chính xác, nhưng tại Nam Hàn lễ Phật đản được tổ chức trong một tuần kể từ mùng 8 tháng 4 âm lịch - mà năm nay nhằm ngày 21-5 dương lịch.

Choye là ngôi chùa lớn duy nhất trong khuôn viên các tường thành của thành phố cổ ở Seoul. Được xây dựng vào năm 1910, chùa trở thành di tích chính của Giáo phái Phật giáo Triều Tiên Choye vào năm 1936.

Sau khi Thế chiến thứ 2 kết thúc, Giáo phái Choye đã đấu tranh trong nhiều năm để quản lý độc quyền tài sản tu viện cho tăng sĩ độc thân, và trục xuất tất cả các tăng sĩ có vợ. Cuối cùng chùa đã thành công, và ngày nay đây là giáo phái nổi bật nhất trong Phật giáo Triều Tiên.

(The Scotsman - May 3, 2010)

NHẬT BẢN: Triển lãm tác phẩm của các Thiền sư thời Trung cổ

Kyoto, Nhật Bản - Một cuộc triển lãm các bảo vật nổi tiếng (Meiho-ten) được tổ chức từ ngày 24-4 đến 09-5-2010 tại Chùa Tofuku-ji ở khu Higashiyama, Kyoto. Triển lãm có tựa đề "Chùa Tofuku-ji và Văn học Ngũ Sơn (Gozan-Bungaru): Các Thiền sư và các Tác phẩm Thời Trung cổ của Nhật".

Triển lãm trưng bày lần đầu tiên trước công chúng 21 tác phẩm tranh chân dung và thư pháp được xếp hạng là Tài sản Văn hoá Quan trọng, cũng như sách được viết bởi các Thiền sư gắn bó với chùa Tofuku-ji.

"Văn học Ngũ Sơn" liên quan đến các hoạt động văn chương phổ biến giữa những Phật tử Thiền học tại Kyoto. Chùa Tofuku-ji sở hữu nhiều tác phẩm như thế

của các nhà sư khác nhau, kể cả những tác phẩm của Kokanshiren, giáo trưởng đời thứ 15 của chùa.

Tổng cộng có 35 tác phẩm được trưng bày, bao gồm thư pháp, tranh chân dung và tranh Phật - trong số này có 23 tác phẩm là Tài sản Văn hoá Quan trọng.

Đây cũng là lần triển lãm đầu tiên một bộ sưu tập các bài thơ và hợp tuyển được viết bởi các Thiền sư theo trường phái Kokanshiren.

(UrbanDharma - May 5, 2010)



Các tác phẩm truyền tải thế giới "Văn học Ngũ Sơn" của các Thiền sư thời Trung cổ tại cuộc Triển lãm các Bảo vật Nổi tiếng (Chùa Tofuku-ji, Kyoto) - Photo: Kyoto Shim-bun

TRUNG QUỐC: Hội thảo về Phật giáo Tây Tạng

Hội thảo lần đầu tiên về Phật giáo Tây Tạng và Xã hội Hải hoà của Tây Tạng đã được tổ chức tại Núi Phổ Đà, Chu Sơn, tỉnh Chiết Giang.

Khoảng 400 chuyên gia từ các trường đại học và đơn vị có liên quan đã tham dự hội thảo.

Các chuyên gia đã nhất trí với nhau rằng nền văn hoá Phật giáo là một phần quan trọng của nền văn hoá truyền thống Trung quốc, vốn đóng một vai trò quan trọng trong sự tiến bộ xã hội cũng như sự hoà hợp quốc gia.

Là một phần quan trọng của nền văn hoá truyền thống Tây Tạng, Phật giáo Tây Tạng đã được hợp nhất vào đời sống của nhân dân Tây Tạng, ảnh hưởng lớn đến chính trị, nghệ thuật, văn hoá, phong tục, tâm trí và các lĩnh vực khác của Tây Tạng.

(China Tibet Information Center - May 7, 2010)

ĐÀI LOAN: Phim hoạt hình về nhà sư Jian Zhen

Ngày 07-5-2010, 23 rạp ở Đài Loan trình chiếu bộ phim hoạt hình màn ảnh lớn lần đầu tiên về một trong những nhân vật có ảnh hưởng lớn nhất trong lịch sử Phật giáo Trung Hoa: Đường tăng Jian Zhen (Giám Chân).

Đài 97 phút, dựa trên 5 năm nghiên cứu và tạo hình hơn 130 nhân vật, phim kể về nỗ lực của nhà sư để truyền bá đạo Phật tại Nhật Bản.

Trong hơn 11 năm, sư Jian Zhen đã 6 lần nỗ lực sang Nhật. Cuối cùng, vào năm 753, ông đã thành công sau khi bị mù. Ông định cư tại Nara (thủ đô của Nhật Bản vào thế kỷ thứ 8) và sống quãng đời còn lại tại đó trước khi ông từ trần vào năm 763.

Ngoài việc truyền bá đạo Phật, ông còn được công nhận là người đã đưa các kỹ năng y học, xây dựng và nghệ thuật Trung Hoa đến với người Nhật.

Bộ phim do đài truyền hình Phật giáo Da Ai TV và Hội Phật giáo Từ Tế liên kết sản xuất.

Đội ngũ làm phim đã tốn nhiều công phu để thực hiện nó. Chẳng hạn họ đã mất khoảng 2 tuần để dựng chỉ 4 giây một cảnh chìm tàu xảy ra cách đây hơn 1.200 năm.

(CNA - May 7, 2010)



Đường tăng Jian Zhen (Giám Chân) - Photo: CNA

BANGLADESH: Thái Lan tặng 250 tượng Phật

Chittagong, Bangladesh - Hội Phật giáo Dhammakaya có trụ sở tại Thái Lan đã tặng Bangladesh 250 tượng Phật vào ngày 07-5, trong một nghi lễ Lễ Kỷ niệm Đức Phật Quốc tế năm 2010.

Sự kiện này được Trung tâm Nghiên cứu và Xuất bản Phật giáo Bangladesh tổ chức, diễn ra tại Sân vận động Polo, với sự tham dự của nhiều quan chức cao cấp và các vị chức sắc Phật giáo Bangladesh.

Bộ trưởng Bộ Ngoại giao là Dipu Moni nói, "Mối quan hệ của chúng tôi với các nước láng giềng và nhiều nước khác đã được tăng cường từ nhiều thế kỷ qua Phật giáo, vốn được bắt nguồn tại tiểu lục địa này và sau đó truyền bá khắp thế giới". Bà bày tỏ hy vọng rằng mối quan hệ song phương hiện đang rất tốt đẹp giữa Bangladesh và Thái Lan sẽ được phát triển hơn nữa qua việc trao tặng những tượng này.

Bà nói rằng thông điệp phi bạo lực đối với tất cả sinh linh và nhân loại mà Đức Phật đã truyền giảng 2.553 năm trước vẫn thích hợp với thời đại ngày nay, khi mà bạo lực đang gia tăng ở mức đáng báo động trong xã hội.

Sau đó, số tượng này đã được phân phối đến các tu viện khác nhau tại khu vực thành phố Chittagong.

(Bangladesh Daily Star - May 8, 2010)

Mã Lai: Viện Nalanda được trao tặng bộ Kinh Tam Tạng Thế giới

Kuala Lumpur, Mã Lai - Một tổ chức giáo dục hàng đầu của Mã Lai là Viện Nalanda đã vinh dự được Hội Giáo pháp Thái Lan trao tặng bộ Kinh Tam Tạng Thế giới.

Việc trao tặng này là một sự công nhận về lời cam kết và sự đóng góp của Viện Nalanda đối với việc phát triển toàn vẹn về con người tại Mã Lai. Đây là cơ quan đầu tiên và duy nhất của Mã Lai được tặng món quà tôn quý này.

Tiến sĩ Tan Ho Soon, giám đốc Viện Nalanda Mã Lai, nói: "Hôm nay đánh dấu một cột mốc lịch sử đối với Viện Nalanda và cộng đồng Phật tử Mã Lai. Món quà Tam Tạng Kinh Thế giới tái khẳng định về sự ổn định và trưởng thành của quốc gia chúng ta trong sự đa dạng xã hội và đồng năng văn hoá, và về sự sẵn sàng của chúng ta để được uỷ thác trách nhiệm cao

quý của việc giữ gìn và ủng hộ thông điệp hoà bình và hoà hợp của Đức Phật".

Lễ trao tặng bộ Tam Tạng Kinh Thế giới gồm 40 tập được chính thức tổ chức tại Đại sứ quán Hoàng gia Thái lan ở Kuala Lumpur vào ngày 07-5-2010.

Trên 100 quan chức và các vị chức sắc về giáo dục và ngoại giao của Mã Lai, Thái Lan và Singapore đã tham dự sự kiện này.

(The Buddhist Channel - May 12, 2010)



Các đại diện từ Viện Nalanda Mã Lai, Hội Giáo pháp Thái Lan và Đại sứ quán Hoàng gia Thái Lan và 40 tập kinh Tam tạng Thế giới 40 tập - Photo: The Buddhist Channel

TÍCH LAN: Buổi thuyết trình đặc biệt về 'Phật giáo Tamil'

Colombo, Tích lan - Vào ngày 30 - 5 tại Trung tâm Đại Bồ đề ở thành phố Chennai (bang Tamil Nadu), giáo sư Sunil Ariyaratne sẽ có buổi thuyết trình đặc biệt về chủ đề 'Phật giáo Tamil'. Sự kiện này do Hội Đại Bồ đề Tích Lan và văn phòng Phó Cao uỷ của Nam Ấn Độ đồng tổ chức tại Lễ hội Vesak (Phật đản Tam hợp) ở Chennai.

Giáo sư Sunil Ariyaratne của trường Đại học Jayawardenepura đã nghiên cứu kỹ về 'Phật giáo Tamil' trong một thời gian dài. Cuốn sách 'Phật giáo Tamil' của ông đã được đồng đạo độc giả hoan nghênh.

Bài thuyết trình có tính điều tra nghiên cứu của giáo sư Ariyaratne sẽ làm nổi bật nhiều vấn đề rất quan trọng đối với Tích Lan và Nam Ấn Độ.

Song song với lễ hội Vesak Chennai, buổi thuyết trình nhân kỷ niệm lễ Vesak được khởi nguồn vào năm 2003. Các nhà thông thái khác của Tích Lan như Giáo sư Sudarshan Seneviratne, tiến sĩ Shiran Deraniyagala, Giáo sư K. N. O Dharmadasa, Giáo sư S. Padmanathan và Giáo sư J. B. Dissanayake đã từng diễn thuyết nhân dịp này.

(The Daily Mirror - May 12, 2010)

HÀN QUỐC: Chi nhánh chùa Phật Quang Sơn của Đài Loan tham gia Lễ hội Liên Hoa đăng

Seoul, Hàn quốc - Nhân lễ Phật đản, chùa Phật Quang Sơn của Đài Loan có chi nhánh tại Seoul sẽ là đại biểu của Đài Loan trong Lễ hội Liên Hoa đăng của Hàn quốc.

Chùa tổ chức nhiều hoạt động khác nhau để giới thiệu về Phật giáo và văn hoá Đài Loan trong Lễ hội liên Hoa đăng năm nay. Sư trưởng của chùa là ni sư Yien nói, "Lễ hội Liên Hoa đăng thật là độc đáo với nhiều loại hình, bao gồm những nét truyền thống và hiện đại cũng như những nền văn hoá và biểu diễn Phật giáo đa dạng từ các nước Phật giáo khác cùng hài hoà với nhau. Nó như là một lễ hội văn hoá toàn diện, làm cho mọi người hoà hợp như một".

Được sáng lập bởi Đại sư Hsing Yun vào năm 1967, Phật Quang Sơn là một trong những giáo phái có nhiều ảnh hưởng nhất không chỉ ở Đài Loan mà là toàn cầu, với



khoảng 200 chùa chi nhánh và 1 triệu tín đồ trên khắp thế giới.

Ni sư Yien từng học tại trường Đại học Dongguk ở Seoul vào cuối thập niên 1980 và là sư trưởng của chi nhánh Seoul từ khi chùa khánh thành vào năm 1999. Hiện nay có 4 tầng ni người Đài Loan cư ngụ tại chùa.

(UrbanDharma - May 14, 2010)

TÂY TẠNG: Lễ hội Sagadawa kỳ niệm ngày Đức Phật đản sinh và nhập Niết bàn

Ngày mùng 1 tháng 4 âm lịch (14-5-2010), Phật tử Tây Tạng bắt đầu lễ hội Sagadawa kéo dài trong một tháng, để kỷ niệm ngày sinh và ngày mất của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

Khách hành hương đã tập trung về các tu viện chính và đường phố tại thủ phủ Lhasa, trong số đó có những người từ các tỉnh lân cận và du khách nước ngoài.

Theo cơ quan du lịch khu vực, năm nay Tây Tạng dự kiến đón tiếp 6,5 triệu du khách, tăng hơn năm ngoái 16%.

Trong tháng lễ hội này, người Tây Tạng tổ chức những nghi lễ Phật giáo như phóng sinh những loài vật.

Nhà sư Sambo từ tu viện Chakri ở hạt Nagqu đã lái xe trong 11 giờ để đến Lhasa. Ông và bạn bè dự định ở lại đây suốt tháng. Ông nói, "Tôi cầu nguyện cho một thế giới hoà bình và an toàn, và cầu mong rằng các nạn nhân động đất tại Ngọc Thụ sẽ tìm được đường lên thiên đường".

Một số Phật tử Tây Tạng thành hành lễ lạy dài, hoặc vừa quay cối kinh vừa đi theo chiều kim đồng hồ quanh Điện Potala và Tu viện Jokhang, 2 lộ trình hành hương chính tại khu buôn bán của Lhasa.

(China Daily - May 19, 2010)



WANG PUGANG/ASIA NEWS PHOTO

During the month-long Sagadawa festival, Tibetans visit monasteries and pray for safe and happy lives.

Trong tháng lễ hội Sagadawa, người Tây Tạng viếng các tu viện và cầu nguyện cho cuộc sống an toàn và hạnh phúc - Photo: Asia News



Một phụ nữ dân tộc Tây Tạng tay cầm cối kinh, bước đi trước Điện Potala ở Lhasa - Photo: Tân Hoa Xã

ÁN ĐỘ: Thành lập trung tâm nghiên cứu văn hoá Hi Mã Lạp Sơn

Nội các liên bang Ấn Độ đã phê duyệt việc thành lập một Viện Nghiên cứu Trung ương và Văn hoá Hi Mã Lạp Sơn (CIHCS) tại quận Tây Kameng, địa phương có truyền thống Phật giáo của bang Arunachal Pradesh.

Sau cuộc họp nội các do Thủ tướng Manmohan Singh chủ toạ tại đây vào ngày 19-5-2010, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thanh Ambika Soni cho biết: Nội các đã chấp thuận về việc thành lập CIHCS tại quận Tây Kameng của bang Arunachal như là một viện tự trị thuộc Bộ Văn hoá.

Kinh phí của dự án là 90 triệu Rupees, với chi phí định kỳ hàng năm là 1.248.600 Rupees.

Bộ trưởng Soni nói, "Việc này không những sẽ điền vào khoảng chân không vốn tồn tại trong lĩnh vực giáo dục, nhất là Phật giáo, mà cũng sẽ tạo những gắn bó về văn hoá cho thanh niên của vùng này và cổ vũ sự hội nhập quốc gia. Nó cũng sẽ tạo thành thói quen cho nhận thức về cân bằng sinh thái và bảo tồn tài nguyên thiên nhiên. Nó sẽ dạy cho cộng đồng về nghệ thuật và nghề thủ công để tự cung tự cấp và phát triển bền vững, và bảo tồn bản sắc dân tộc trong khuôn khổ hội nhập quốc gia".

(India Gazette - May 19, 2010)

TRUNG QUỐC: Kế hoạch tái thiết huyện bị động đất Ngọc Thụ

Bắc Kinh, Trung quốc - Đài Truyền hình Trung ương Trung quốc đưa tin vào ngày 19-5 rằng: Năm nay Trung quốc cấp 9 tỉ nhân dân tệ (1,32 tỉ usd) cho việc tái thiết huyện Ngọc Thụ, một khu vực của Tây Tạng bị động đất tàn phá hồi tháng trước.

Trong một cuộc họp nội các hàng tuần, kế hoạch tái thiết đề ra một mục tiêu 3 năm cho việc xây dựng lại nhà cửa, trường học và đường xá tại Ngọc Thụ, nơi trận động đất ngày 14-4 đã làm hơn 2.400 người chết và huỷ hoại thị xã Gyegu.

Bộ Tài chính sẽ cấp nhiều tiền hơn vào năm thứ 2 và thứ 3.

Kế hoạch tái thiết Ngọc Thụ có vẻ đã được triển khai giống với kế hoạch 3 năm dành cho tỉnh Tứ Xuyên, tỉnh có gần 90.000 người chết do một trận động đất tàn khốc vào năm 2008.

Vào ngày kỷ niệm năm thứ hai của trận động đất Tứ Xuyên, các nỗ lực tái thiết tỉnh này sắp hoàn thành. Nhưng một số người dân địa phương ở đó than phiền rằng họ ít có được tiếng nói về hình dạng của các phố thị được xây dựng lại tại quê nhà họ.

Điều đó có thể trở thành một sự than phiền nhiều hơn nữa tại huyện Ngọc Thụ của dân tộc Tây Tạng, nơi mà các nhà sư sống ngoài khu vực này đã bị buộc phải nhường đường cho các đội tái thiết của nhà nước.

(Reuters - May 19)

MÃ LAI: Tăng sĩ và công nghệ thông tin

Iphoh, Mã Lai - Hiện tượng các nhà sư sử dụng công nghệ thông tin ở thành phố Iphoh không phổ biến bằng ở Kuala Lumpur hoặc Penang.

Là một trong những tăng sĩ đang thường xuyên khai thác công nghệ thông tin, sư trụ trì chùa Zhu Zen ở Iphoh là Zhong Hong nói rằng: Nếu các tăng sĩ có thể nắm vững các kỹ năng sử dụng máy tính, điều đó có thể trở thành một công cụ rất thuận tiện và hiệu quả cho việc thuyết giáo.

Ông nói rằng công chúng thường nghĩ là giới tăng sĩ bị cách ly khỏi cuộc sống thực tại. Tuy nhiên, các tăng sĩ thật ra đang ứng dụng những kỹ năng về máy tính vào cuộc sống hàng ngày của họ. Ngoài ra họ cũng có thể mua sắm, kiểm tra bản quyết toán tài khoản và thanh toán hoá đơn tiện ích trực tuyến.

Một số tăng sĩ thậm chí đã biết sử dụng máy tính trước khi đi tu, trong khi một số khác sử dụng máy tính để giúp họ chuẩn bị những tài liệu phát đi cho việc truyền bá giáo lý Phật giáo.

Nhìn chung, tăng sĩ sử dụng máy tính cho 3 mục đích chính:

1/Tập trung vào một mặt đặc thù của Phật giáo như thiền định, tụng kinh v.v.

2/Chuẩn bị bài giảng: Chuẩn bị những phim ngắn qua máy tính, sau đó chiếu lại bằng máy chiếu phim.

3/Tạo thuận lợi cho các công việc về tổ chức: Dùng máy tính để làm các công tác chuẩn bị như nhập văn bản và tổ chức các hoạt động thanh niên, chiến dịch hiến máu và các sự kiện khác.

(Sin Chew Daily - May 20, 2010)



Sư trụ trì Zhong Hong của chùa Zhu Zen ở Iphoh sử dụng máy tính để đánh văn bản, truy cập Internet và truyền bá Phật giáo - Photo: Sin Chew Daily

LA MÃ: Toà thánh Vatican chúc Phật tử an lạc nhân lễ Phật đản (Vesak)

Ngày 17-5, Toà thánh Vatican đã chân thành gửi lời chúc tốt đẹp nhất đến với Phật tử nhân lễ Phật đản - nhân mạnh những mối quan tâm chung đối với môi trường và chống việc phá thai.

Thông điệp được ký bởi Đức Hồng Y Jean-Louis Tauran, vị chức sắc hàng đầu về đối thoại liên tôn giáo của Vatican, nhằm 'giúp tăng cường những mối quan hệ của tình hữu nghị và hợp tác hiện nay của chúng ta trong việc phụng sự nhân loại'.

Thông điệp viết rằng, "Tín đồ Ki Tô giáo và Phật tử cùng có sự tôn trọng sâu sắc về cuộc sống con người. Điều này rất quan trọng, do đó chúng ta khuyến khích những nỗ lực nhằm tạo nên một ý thức trách nhiệm về sinh thái".

Thông điệp cũng kêu gọi cộng đồng của hai tôn giáo tái khẳng định 'những niềm tin vững chắc chung của chúng ta về quyền bất khả xâm phạm của cuộc sống con người và sự mệnh duy nhất của gia đình, nơi người ta học yêu thương đồng loại và tôn trọng thiên nhiên'.

Tại Hàn quốc và Đài Loan, lễ Phật đản năm nay nhằm ngày 21-5 dương lịch, trong khi tại nhiều nước khác có các cộng đồng Phật tử đồng đạo (gồm Thái Lan, Tích Lan, Cam Bốt, Miến Điện, Mã Lai, Lào, Nepal và Việt Nam) lễ sẽ được tổ chức vào ngày 28-5 dương lịch.

(monstersandcritics.com - May 17, 2010)

TÍCH LAN: Lễ Phật Đản Tam hợp được tổ chức tại vùng Tamil

Ngày 27-5, lần đầu tiên sau nhiều thập kỷ, lễ Phật Đản Tam hợp được tổ chức tại thành phố Jaffna ở miền nam Tích Lan. Toàn thành phố được trang hoàng với cờ Phật giáo và đèn lồng Phật Đản nhiều màu sắc.

Các quan chức chính phủ nói rằng quân đội đang điều hành các gian hàng đồ ăn và thức uống miễn phí cho công chúng.

Lễ Phật Đản Tam hợp kỷ niệm ngày Đức Phật đản sinh, giác ngộ và nhập Niết bàn được tổ chức bởi cộng đồng Phật tử Sinhala (chiếm 74% dân số của đảo quốc

này).

Jaffna là thủ phủ văn hoá của người Tamil thiểu số theo đạo Hồi.

Sau khi kết thúc cuộc xung đột quân sự giữa quân đội chính phủ và phiến quân "Những Con Hổ Tamil" cách đây một năm, Jaffna đã chứng kiến một dòng người từ miền nam liên tục đến tham quan.

Tại các khu vực khác ở miền nam của cộng đồng người Sinhala chiếm đa số, các lễ hội mừng Phật Đản diễn ra ở quy mô lớn hơn nhiều. Tín đồ Phật giáo đã tập trung tại các đền chùa ngay từ sáng sớm.

(Tân Hoa Xã - May 27, 2010)

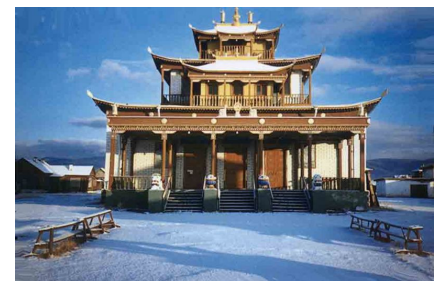
NGA: Phật tử Nga mừng lễ Phật Đản

Tương truyền Đức Phật đản sinh, giác ngộ và nhập Niết bàn vào trùng một ngày. Theo lịch Đông Âu thì không có ngày cố định cho ngày lễ Phật Đản, và người ta mừng lễ này vào ngày rằm tháng tư âm lịch, nhằm khoảng cuối tháng 4 - đầu tháng 5 dương lịch. Những nghi lễ long trọng diễn ra tại các nước Cộng hoà có đa số dân là Phật tử gồm Kalmykia, Buryatia và Tyva của Liên bang Nga.

Vào ngày Phật Đản, một ngày lễ chính thức tại Kalmykia, tín đồ Phật giáo kéo đến các ngôi chùa được trang hoàng hoa và đèn lồng bằng giấy. Các nhà sư đọc kinh và kể lại những câu chuyện về cuộc đời của Đức Phật và các đệ tử của Ngài.

Tại Buryatia, nhân dân sẽ được phép vào Phật học viện Ivolginsky, nơi có di hài trông như còn sống của vị Lạt Ma hệ phái Hambo là Dashi Dorzho Itigelov. Vào năm 2002, di hài của ông được khai quật và chuyển về viện này sau khi ông viên tịch được 75 năm. Vị Lạt Ma ngồi theo tư thế hoa sen trong một hộp bằng kính, và các tín đồ chỉ được vào chiêm bái ông 2 lần mỗi năm.

(Flickr.com - May 27, 2010)



Phật học viện Ivolginsky ở nước Cộng hoà Buryatia (Liên bang Nga) - Photo: wikipedia

ÁN ĐỘ: Lễ Phật Đản tại Bồ Đề Đạo Tràng (Bodhi Gaya)

Ngày 27-5, hàng trăm Phật tử từ khắp thế giới đã tổ chức lễ Phật Đản ở Bồ Đề Đạo Tràng tại bang Bihar, nơi Đức Phật đã đạt được sự giác ngộ.

Ủy ban quản lý đền Bồ Đề Đạo Tràng đã tổ chức một lễ kỷ niệm Phật lịch 2.554 tại đền Đại Giác Ngộ Tự (Mahabodhi) - ngôi đền linh thiêng nhất của Phật giáo - ở Bồ Đề Đạo Tràng.

Một ủy viên nói, "Những lễ cầu nguyện đặc biệt cho hoà bình thế giới đã được tổ chức dưới cây Bồ đề".

Lễ bắt đầu với một đám rước đi từ tượng Phật cao 80 feet lên đến cây Bồ đề ở sau đền.

"Hàng trăm Phật tử, kể cả các thành viên của Hội đồng Phật giáo Quốc tế đã tham gia đám rước", nhà sư Bhikkhu Priyapal nói.

Khuôn viên ngôi đền và khu tiếp giáp được trang hoàng với cờ màu và những vật trang trí khác.

Lễ Phật Đản là ngày linh thiêng nhất đối với Phật tử khi họ hành hương đến những địa điểm gắn với Đức Phật Tổ.

(newkerala.com - May 27, 2010)





và thành viên của cộng đồng Anh và Tích Lan

Giáo sư Gombrich nhấn mạnh tầm quan trọng của Phật giáo trong bối cảnh hiện nay như là một triết lý của nền hòa bình và sự khoan dung. Phật giáo cần được thực hành ngày càng nhiều trong cuộc sống chính trị và xã hội thời nay, hơn là chỉ dành cho chùa chiền và tăng sĩ.

Ông nói rằng Đức Phật đã dạy về tầm quan trọng của việc ngăn ngừa bạo lực bằng cách làm giảm đi sự nghèo khổ, vốn là nguyên nhân cơ bản của sự xung đột và hỗn loạn trong xã hội. Thế giới Phật giáo cần xoá bỏ những sự khác biệt để duy trì các nguyên tắc cơ bản của đạo Phật, là những điều rất quan trọng đối với sự tồn tại hoà bình của nhân loại.

Giáo sư Gombrich là một học giả nổi tiếng thế giới về nghiên cứu Phật giáo, tiếng Phạn và tiếng Pali và là một nhà Ấn học hàng đầu của Anh.

(UrbanDharma - May 28, 2010)



Quang cảnh buổi thuyết trình nhân lễ Phật Đản của Giáo sư Gombrich tại Cao Ủy Tích Lan ở Luân Đôn - Photo: lankapuvath.lk

Đại Giác Ngộ Tự (Mahabodhi) - Photo: wikipedia

ANH QUỐC: Cao Ủy Tích Lan mừng lễ Phật Đản tại Luân Đôn

Ngày 28-5, tại Cao Ủy Tích Lan ở Luân Đôn, Giáo sư Richard F. Gombrich của trường Đại học Oxford đã có buổi thuyết trình Kỷ niệm Lễ Phật Đản với tựa đề "Phật giáo như một nguồn lực cho Hoà bình và Tiến bộ: Dành cho ai".

Tham dự sự kiện do Cao Ủy Tích Lan tổ chức nhân lễ Phật Đản này có các tăng sĩ, viện sĩ, các nhà ngoại giao



CẢM TẠ

Thành thật cảm tạ sự ủng hộ quý báu bằng tinh thần hay tịnh tài của chư tôn đức Tăng Ni và đồng bào Phật tử đối với báo Chánh Pháp. Đây là niềm khích lệ to lớn cho chúng tôi trong công tác truyền thông, hoằng pháp.

Ngoài sự bảo trợ ấn phí của chư tôn đức và các tự viện, chúng tôi còn nhận được sự ủng hộ của chư tôn đức Tăng Ni và quý Phật tử cũng như của quý thân chủ quảng cáo.

Sau đây là danh sách ủng hộ báo Chánh Pháp trong tháng qua:

HT. Thích Chơn Thành (CA) \$200, Trương Thị Minh (PA) \$50, Bạch Xuân Phê (CA) \$50, Advertising Specialty Support (CA) \$100

Ngưỡng nguyện Tam Bảo thù từ gia hộ chư liệt vị thân tâm an lạc, vạn sự cát tường.

Ban Biên Tập Chánh Pháp

NHỮNG SINH HOẠT PHẬT SỰ QUAN TRỌNG NĂM CANH DẦN 2010 của TU VIỆN HỘ PHÁP

Thỉnh Mời Quý Phật tử và Đồng hương đến tham dự các buổi Lễ này để vun bồi công đức:

- 01/ Lễ Vía Phật Thích Ca Xuất Gia: Truyền Giới Sa-Di tại Phương Trường Hộ Pháp lúc 8:00 a.m. & khóa lễ Kỳ An & Kỳ Siêu - Thuyết Pháp lúc 10:30 a.m. Sunday, March 21, 2010
- 02/ Lễ Vía Phật Thích Ca Nhập Diệt: Đứng vào lúc 10:30 a.m. Sunday, March 28, 2010
- 03/ Lễ Vía Quán Thế Âm Bồ Tát (19/2/ÁI)
Tổ Chức Hành Hương và Quán Âm Linh Địa T.V. Chân Nguyên: 8:00 a.m. Saturday April 3, 2010
Cung thỉnh Sư Ông Thích Tịnh Từ & Tăng Đoàn Tu Viện Kim Sơn quang lâm Thuyết Pháp
Đồng báo Phật tử về nghe Pháp Thoại vào lúc 7:00 p.m. Saturday, April 3, 2010
Lễ Vía Quán Thế Âm Bồ Tát tại Tu Viện Hộ Pháp bắt đầu lúc 10:30 a.m. Sunday, April 4, 2010
- 04/ Lễ Vía Đức Phổ Hiền Bồ Tát: Đứng vào lúc 7:30 p.m., Monday, April 5, 2010
- 05/ Lễ Hoàn Mãn Cầu Nguyên 49 Ngày & Hạ Đại Đàn Dược Sư:
Đứng vào lúc 10:30 a.m. Sunday, April 11, 2010 (Phát lộc & nước Dược Sư trị bệnh)
- 06/ Hành Hương Về Tu Viện Kim Sơn: 8:00 a.m. Sat., April 24 - 8:00 p.m. Sun. April 25, 2010
- 07/ Lễ Vía Đức Chuẩn Đề Bồ Tát: Đứng vào lúc 7:30 p.m., Thursday, April 29, 2010
- 08/ Lễ 30 Tháng Tư Đen: Đại Lễ Kỳ Siêu Chiến Sĩ Đồng Báo 7:30 p.m. Friday, April 30, 2010
- 09/ Cung thỉnh H.T. Như Điện & Tăng Đoàn Châu Âu quang lâm Thuyết Pháp:
Đứng vào lúc 7:30 p.m. Friday, May 14, 2010
- 10/ Lễ Hội Phật Đản Chung Nam Cali & Triền Lâm Xe Hoa Phật Đản T.V Hộ Pháp:
Sáng ngày Saturday May 15 đến chiều ngày Sunday, May 16, 2010
- 11/ Lễ Vía Đức Văn Thù Bồ Tát: Đứng vào lúc 7:30 p.m., Monday, May 17, 2010
- 12/ Lễ Memorial Day USA: Cầu nguyện Chiến Sĩ Trận Vong 7:30 p.m. Tue, May 25, 2010
- 13/ Đại Lễ PHẬT ĐẢN - Merry Sakyamuni Buddha and Happy Buddha Day
Khóa Tu Phật Thất Kỳ I: 3 Ngày: Friday, Saturday, & Sunday May 28-30, 2010
Tại Tu Viện Hộ Pháp lúc 10:30 a.m. Sunday, May 30, 2009 (Phòng Hoa Đăng Hồ Hương Thủy)
- 14/ An Cư Kiết Hạ tại Tu Viện Hộ Pháp và Giáo Hội Canada:
Tại Tu Viện Hộ Pháp: 10 ngày bắt đầu sáng Friday, June 18 - Sunday June 27, 2010
Tại Giáo Hội Canada tổ chức Chùa Quán Âm Montréal, Monday July 5-17, 2010
- 15/ Lễ Vía Quán Thế Âm Bồ Tát (19/8/ÁI): Đứng vào lúc 10:30 a.m. Sunday, August 1, 2010
- 16/ TIỆC CHAY CA NHẠC Gây Quỹ Hoàng Pháp Hằng Năm:
(Phát hành vé & Có chương trình riêng) Sunday, August 8, 2010
- 17/ Đại Lễ VU-LAN BỒN BÁO HIẾU CHA MẸ - Happy Sangha Day (Tết Chư Tăng)
Đứng 10:30 a.m. Sunday, August 15, 2009 (Cùng Xót Bạt Chư Tăng đi khất thực & Lễ Bạt Độ)
- 18/ Lễ Đức Địa Tạng Bồ Tát: Đứng vào lúc 7:30 p.m. Sunday, September 7, 2010
- 19/ Trung Thu Rằm Tháng 8 ÁI (Mùa Iân & Hoa Đăng): 7:30 p.m. Wed, September 22, 2010
- 20/ Lễ Vía Quán Thế Âm Bồ Tát (19/9/ÁI): Đứng vào lúc 10:30 a.m. Sunday, October 24, 2010
- 21/ Lễ Vía Phật Dược Sư: 7:30 p.m., Friday November 05, 2010
- 22/ Lễ Rằm Hạ Nguyên: 10:30 a.m., Sunday November 21, 2010 - Thanksgiving Vietnam
- 23/ Đại Lễ PHẬT A-DHÀ GIẢNG SINH-Merry Amida Buddha & Happy New Year
Lúc 10:30 a.m. Sunday, December 26, 2010 (Phát quả Phật Giảng Sinh & Có chương trình riêng)
Đón Mừng Lễ Phật Giảng Sinh từ Đêm Wednesday Dec. 22 & Phật Thất Kỳ II: 3 ngày

- * Mỗi tối đều có khóa lễ Tịnh Độ thọ trì các kinh Đại Thừa đứng vào lúc 7:30 p.m. (Đặc biệt Thuyết Pháp - Trà Đạo vào tối thứ Sáu, Bảy, & CN - Sám Hối 14 & 30; Tung Giọt Râm & Mừng 1)
- * Mỗi trưa Chủ Nhật đều có khóa lễ Kỳ An & Kỳ Siêu Chư Hương Linh - Thuyết Pháp vào lúc 10:30 a.m.
- * Mỗi Chủ Nhật tuần đầu tháng đều có Khóa Tu Bát Quan Trai Giới trọn 1 ngày 1 đêm.

TU VIỆN HỘ PHÁP MONASTERY

3048 Lashbrook Avenue, El Monte, CA 91733 - Phone (626) 453-0109 - Cell (626) 377-1103
E-Temple: www.HoPhap.Net - E-mail: TuVienHoPhap@gmail.com

Giới thiệu CD "Phật Ngọc Hòa Bình"

"Phật Ngọc sẽ thắp sáng toàn cõi thế gian này, Phật Ngọc sẽ mang niềm an lạc, hạnh phúc không thể nghĩ bàn đến cho chúng sanh, sự ảnh hưởng của Phật Ngọc sẽ góp phần ngăn chặn những cuộc chiến tranh, những hủy hoại tàn phá đang xảy ra khắp nơi trên thế giới". Đó như là bức thông điệp của Lạt Ma Zopa Rinpoche gửi đến cho toàn thế giới. Nhạc sĩ Thiên ca Lê Minh Hiền thì biểu lộ lòng kính ngưỡng của mình đối với bảo tượng Phật Ngọc đức Thế Tôn bằng cách riêng của mình, đó là anh đã dùng những nốt nhạc sâu lắng, những ca từ thanh thoát để chuyển tải thành những khúc ca đầy đạo vị dâng lên cúng dường đức Phật và dành tặng cho tất cả mọi người trên khắp năm châu bốn biển này.

CD "World Peace Jade Buddha", (Phật Ngọc Hòa Bình), với những ca khúc như: Phật Ngọc Hòa Bình, Tháp Nến, Ánh Sáng Từ Bi, World Peace Jade Buddha...do anh sáng tác được thể hiện qua hai giọng ca nổi tiếng Thu Nga và Thanh Thúy cũng như Nhóm Nhạc Tuệ Đăng của vùng "Thung Lũng Hoa Vàng" là một tâm nguyện chân thành thi thiết nhất của người con Phật đối với đất chạ lành của muôn loại.

Những bản Thiên ca của Lê Minh Hiền kết hợp với sự hòa âm điều luyện của Nhạc sĩ Bảo Chấn, cách design CD đẹp thi vị của Nguyễn Chính Hữu chắc chắn sẽ mang lại cho tất cả chúng ta một món quà âm nhạc tâm linh vô giá, làm vơi đi những lo toan khắc khoải của đời thường, sống thành thời, an lạc.

Xin trân trọng giới thiệu đến quý vị CD "Phật Ngọc Hòa Bình" của Nhạc sĩ Lê Minh Hiền.

Cầu nguyện ánh sáng từ bi trí tuệ của Ngài soi sáng cho tất cả chúng ta.

Thiện Long

Liên lạc:

Lê Minh Hiền Tel: (408) 914 0360 | (408) 509 4480 / (408) 360 9620

Email: leminhhien65@yahoo.com

Website: w.w.w.leminhhienmusic.com



Brodard Chateau

9100 Trask Ave.

Garden Grove, CA 92844

Tel: **714.899.8273**

Open: 11am—10pm . 7 Days / Week

Brodard Restaurant

9892 Westminster Ave., Unit R

Garden Grove, CA 92844

Tel: **714.530.1744**

Open: 8am—9pm . Closed Tuesday

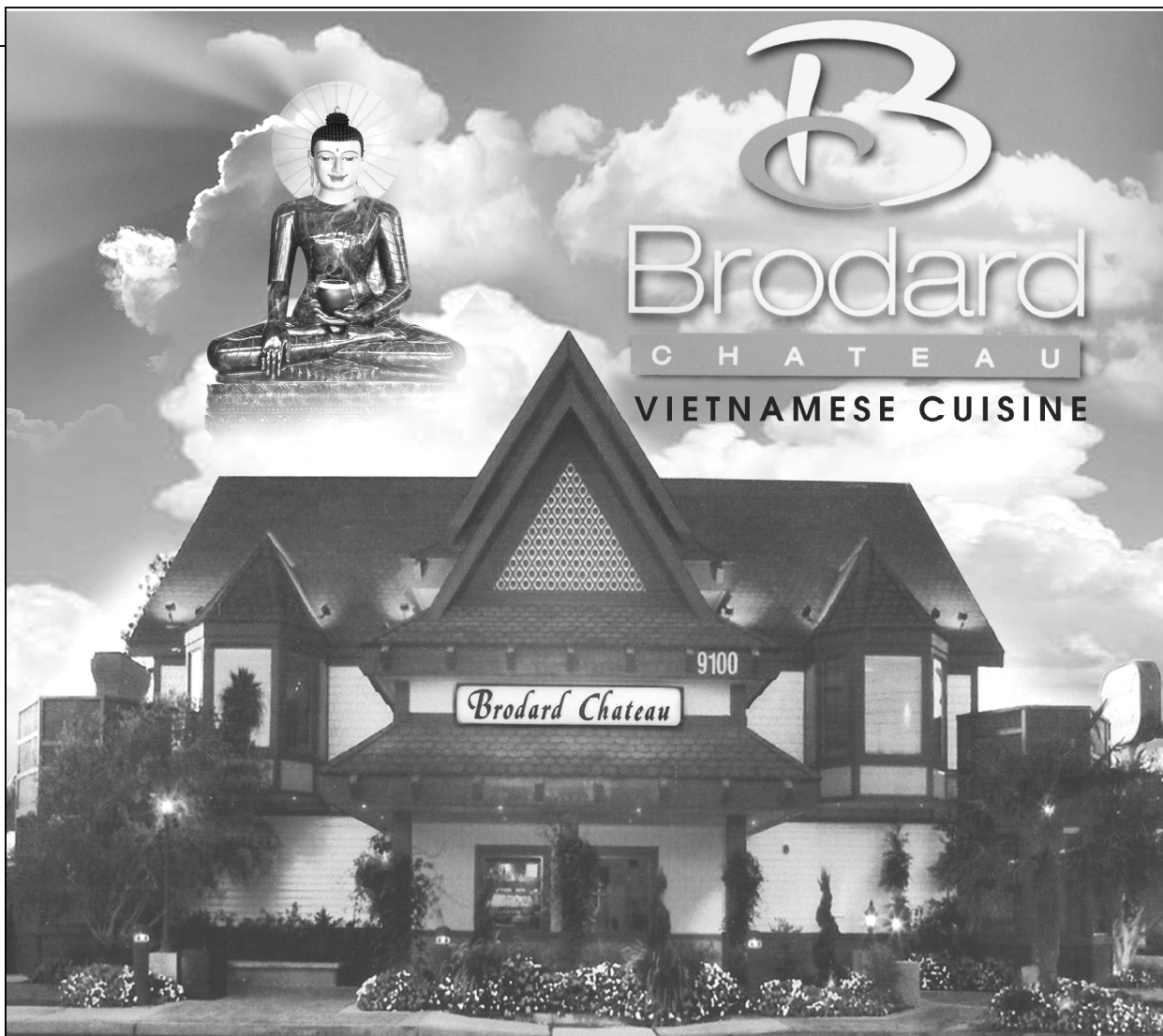
Bamboo Bistro

2600 E. Pacific Coast Hwy, Unit 160

Corona Del Mar, CA 92625

Tel: **949.720.1289**

Open: 11am—9pm . 7 Days / Week



- ★ MỘT NHÀ HÀNG VỚI KIẾN TRÚC TÂN KỲ, RỘNG LỚN, HOÀNH TRÁNG, SANG TRỌNG BẬC NHẤT VÙNG LITTLE SAIGON
- ★ MỘT THỰC ĐƠN XUẤT SẮC TIÊU BIỂU VIỆT NAM
- ★ MỘT CÁI TIẾN THÍCH HỢP CHO MỌI KHẨU VỊ SÀNH ĐIỀU
- ★ MỘT CUNG CÁCH PHỤC VỤ HÒA NHÃ, AN CẦN, THÂN MẬT, CHU ĐÁO
- ★ MỘT ĐỊA ĐIỂM THUẬN TIỆN VỚI PARKING RIÊNG RẼ, RỘNG RÃI
- ★ MỘT CHỖ NGỒI ẤM CÚNG, THƠ MỘNG, HỮU TÌNH



Kevin Le
Realtor/Loan Specialist

ERA Superior Real Estate

9134 Edinger Ave.
Fountain Valley, CA 9208

Cell: (714) 254-5092

Office: (714) 375-3000

Fax: (714) 375-3001

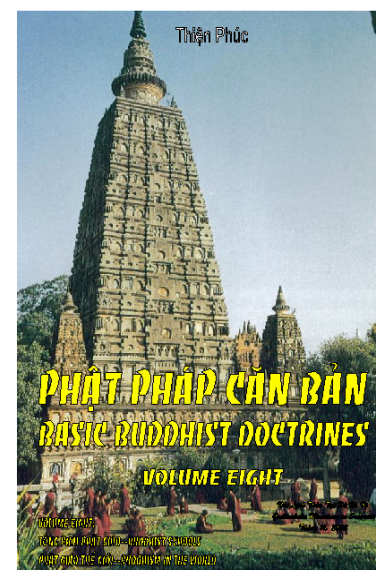
E-mail: kle77@yahoo.com



Each ERA (R) Office is Independently Owned and Operated



Quý vị nào muốn
thỉnh bộ **Phật
Pháp Căn Bản**
của Thiện Phúc,
xin liên lạc **Chùa
Liên Hoa (714)
636-7725**, hoặc
**Chùa Bát Nhã
(714) 571-0473**





DONGNAI PHARMACY

CÔNG TY CUNG CẤP DƯỢC PHẨM VÀ DỤNG CỤ Y KHOA

9081 Bolsa Ave., Suite # 108, Westminster, California

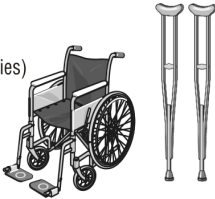
(gần tiệm Hòa Bình Food To Go trong khu Guaranty Bank of America)

Tel: (714) 379-5072 * Fax: (714) 379-5074

DƯỢC SĨ TRẦN ĐỨC HIẾU & DƯỢC SĨ TRẦN THỊ LƯU ÁI

BÁN VÀ CHO THUÊ CÁC DỤNG CỤ Y KHOA:

- XE LĂN - NANG CHỐNG - NANG TẬP ĐI (Walker)
- GIƯỜNG BỆNH VIỆN và CÁC ĐỒ DÙNG PHỤ THUỘC (Hospital Bed và accessories)
- DỤNG CỤ AN TOÀN TRONG PHÒNG TẮM (Bathroom Safety Products)
- CÁC LOẠI MÁY ĐO ĐƯỜNG TRONG MÁU (Blood Glucose Monitor)
- MÁY ĐO HUYẾT ÁP (Blood Pressure Monitor)



CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ:

- CÁC LOẠI DƯỢC PHẨM BÁN THEO TOA (Prescription Drugs) HAY BÁN TỰ DO (OTC Drugs)
- CÁC LOẠI SẢN PHẨM NUÔI DƯỠNG BỆNH NHÂN QUÁ ỚNG CHUYỂN VÀO RUỘT HAY CHUYỂN VÀO MÁU (Enteral và parental Nutrition products)
- CÁC VẬT DỤNG DÀNH CHO BỆNH NHÂN TIỂU TIỆN BẤT THƯỜNG (Incontinence products)
- CÁC VẬT DỤNG DÀNH RIÊNG CHO BỆNH NHÂN GIẢI PHẪU LỖ THÔNG QUA THÀNH BỤNG (Ostomy products) TÚI DẪN LỖ THÔNG ĐẠI TRẰNG (Colostomy products)

SẢN PHẨM TỐT - AN CẢN - TẬN TÂM - NHANH CHÓNG

NHẬN MEDICAL, MEDICARE, CÁC LOẠI BẢO HIỂM AETNA, ALTARX, BLUE CROSS, BLUE SHIELD, CARE MARK, CIGNA, COMPLETE, DIVERSIFIED, EXPRESS SCRIPTS, FOUNDATION, GEHA, HEALTHNET, MET LIFE, PACIFICARE, PAID, PCS, PCN, PERFORM, PERCARE, RESTAT, RX NET, SCRIPCARD, TRAVELER, VALUE RX

Giờ mở cửa:

Thứ Hai - Thứ Sáu: 10:00 AM - 6:00 PM

Thứ Bảy: 10:00 AM - 3:00 PM



PIANO LESSONS

& GUITAR, VIOLIN, VOICE... Etc. LESSONS
TẠI SAO NÊN CHỌN HỌC Ở ĐÂY?

- Dạy từng nhóm hay từng cá nhân
- Đủ lứa tuổi, đủ trình độ
- Điều hành bởi
Giáo Sư Dr. BOB RIOS, Ph.D.
Tốt nghiệp USC, Cựu Hội trưởng MTAC, Giám khảo và Trưởng ban điều hành các kỳ thi tiểu bang. Đã từng phục vụ tại Little Saigon trên 30 năm với nhiều học viên từng thắng giải tiểu bang & toàn quốc.
- Dạy Lý thuyết, Sáng tác và Trình diễn cho các kỳ thi.

Đặc biệt
Mùa Hè
(for new student only)

\$99/ 6 weekly lessons

Free học liệu
Free lệ phí ghi danh
Có giá trị từ 6/28/09 đến 8/28/09
Register now & save

THE PIANO PLACE

Xin gọi cô Thủy **(714) 899-4823**

14441 Beach Blvd., #100, Westminster, CA 92683 (gần góc Hazard)

Bồ Đề Tịnh Tâm Chay 1 & 2

Vegetarian Restaurant

Open 7 days:

Mon - Thur: 09am to 09pm

Fri - Sun: 09am to 10pm

* 15131 Moran St., # 417, Westminster, CA 92683

(trong khu thương xá Phước Lộc Thọ)

* 15352 Beach Blvd., Westminster, CA 92683

(góc đường McFadden và Beach)

Điện thoại: **(714) 891-4455 / (714) 891-5809**

*Food to go.
Tinh khiết,
bổ dưỡng,
thơm ngon*

Có giá đặc biệt cho

Hội Đoàn, Nhà Thờ, Chùa

**120 Món ăn Chay
ngon hơn ăn Mặn**

Parking rộng, đậu xe thoải mái



Voted #1 Vegetarian Restaurant in OC 2006-2009

**Bồ
Đề
Tịnh
Tâm
Chay**

Vietnamese Vegetarian Restaurant

**AUTHENTIC VEGETARIAN
VEGAN ENTREES**

We use all FRESH ingredients!

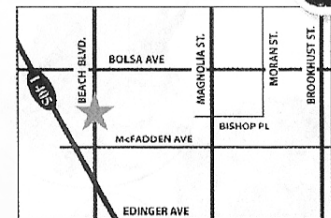
CATERING & PRIVATE PARTIES
(Call for Details)



15352 Beach Blvd
Westminster, CA 92683

714.891.4455

Mon-Thurs 9am-9pm • Fri-Sun 9am-10pm

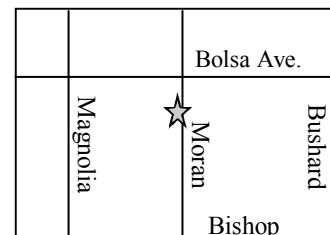


For comments about our restaurant go to www.happycow.net or www.yelp.com

15131 Moran St. # 417
Westminster, CA 92683

714.891.5809

Mon-Thurs 9am-9pm * Fri-Sun 9am-10pm



HỆ THỐNG NHÀ HÀNG

Hương Giang



HƯƠNG-GIANG Restaurant

14564 Brookhurst St.,
Westminster, CA 92683
Tel.: (714) 531-4930
www.huonggiangfoodtogo.com
Open 7 days: 8:00 AM - 8:00 PM



HƯƠNG-GIANG Food To Go

14282 Brookhurst St.,
Garden Grove, CA 92843
Tel.: (714) 531-1798
www.huonggiangfoodtogo.com
Open 7 days: 7:00 AM - 7:00 PM



HƯƠNG-VỸ Restaurant

9372 Westminster Blvd.,
Westminster, CA 92683
Tel.: (714) 379-0900
Open 6 days: 9:00 AM - 10:00 PM
Closed Tuesday

ỦNG HỘ CÔNG TÁC
TÌNH THƯƠNG CỦA
NHÓM PHƯỢNG VỸ
Mrs. Nguyễn Bích Nga
(Cựu nữ sinh Đồng Khánh)

NHẬN ĐẶT TIỆC



GOLDEN LINE SERVICES INC.

9741 Bolsa Avenue, Suite 210, Westminster, CA 92683
Tel.: 714.617.2939 / 714.775.7090 | Fax: 714.775.0828
www.goldenlineservices.com



- BÁN VÉ MÁY BAY, TOURS DU LỊCH NỘI ĐỊA HOA KỲ, TOURS QUỐC TẾ
- LÀM HỒ SƠ BẢO LÃNH THÂN NHÂN, DU HỌC, DU LỊCH...
- ĐẠI LÝ ĐIỆN THOẠI VIỄN LIÊN VÀ THẺ ÔNG ĐỊA, DELUXE TELECOM

- THIẾT KẾ, BẢO TRÌ VÀ SỬA CHỮA HỆ THỐNG NETWORK, SERVER, SOFTWARE
- GRAPHIC & WEB DESIGN, WEBSITE MAINTENANCE
- SỬA CHỮA, LẮP RÁP, NÂNG CẤP VÀ BẢO TRÌ COMPUTER

CHƯƠNG TRÌNH DU XUÂN ĐẶC BIỆT NĂM CANH DẦN 2010:

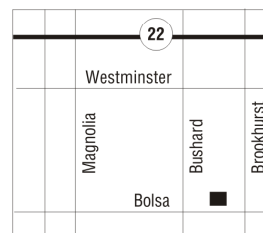
(đi từ LAX - bao trọn gói / whole package)

- 1) Hà Nội - Hạ Long - Huế - Hội An - Sài Gòn (7 ngày 6 đêm) \$1,619
- 2) Hà Nội - Hạ Long - Hoa Lư - Huế - Hội An - Sài Gòn (8 ngày 7 đêm) \$1,689
- 3) Hà Nội - Hạ Long - Sapa - Huế - Hội An - Sài Gòn (9 ngày 9 đêm) \$1,759

TOUR TÂM LINH XUYÊN VIỆT 21 NGÀY \$2,599:

Bao gồm: vé máy bay khứ-hồi (USA - VN); vé tàu, xe, máy bay, tham quan thắng cảnh; khách sạn 3-4 sao (2 người 1 phòng); ăn ngày 3 bữa với những món ăn đặc sản từng vùng.

Trong khu Catinat Plaza



GOLDEN LINE SERVICES
luôn có giá đặc biệt
cho các tours Châu Á
Ngoài ra, các tours Xuyên Việt
đều được discount

GIỜ MỞ CỬA:
Mon - Fri: 10 am - 6 pm
Sat: 10 am - 3 pm
Sun: Xin lấy hẹn

TẬN TÂM - CHU ĐÁO - MAU MẸN

Ghi chú: Các tours trên được áp dụng đến ngày 30/5/2010.





Bác Sĩ

ĐỖ CẢNH MINH, M.D.

14441 Brookhurst St., # 6, Garden Grove, CA 92843
(Góc Brookhurst & Hazard)

Điện thoại: **(714) 418-0488**



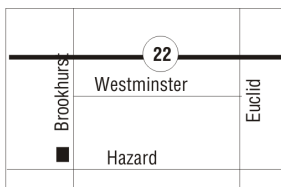
CHUYÊN TRỊ TẤT CẢ CÁC LOẠI BỆNH THẬN, CAO HUYẾT ÁP VÀ NỘI THƯƠNG TỔNG QUÁT

- Bệnh Nội Khoa Người Lớn và Trẻ Em
- Bệnh tiểu đường, bấu cổ và các bệnh đau nhức
- Bệnh tim, cao máu, cao mỡ và phổi
- Bệnh tiêu hóa, gan, túi mật, bao tử, ruột trĩ
- Bệnh thần kinh, nhức đầu kinh niên
- Bệnh dị ứng, sổ mũi, mê đay, suyễn
- Bệnh ngoài da, mụn trứng cá, mực cóc, lở ngứa
- Nhận làm bác sĩ gia đình
- Chích ngừa cho trẻ em và người lớn

ĐẢM TRÁCH LỘC MÁU TẠI CÁC TRUNG TÂM LỌC THẬN "DIALYSIS CENTER"

Nhận Medical / Caloptima Medicare và bảo hiểm

Giờ làm việc:
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 am - 6 pm
Thứ Bảy: 9:30 am - 3:00 pm
Đóng cửa Thứ Năm và Chủ Nhật



KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP HÀNG TUẦN TẠI CHÙA BÁT NHÃ, SANTA ANA, CALIFORNIA

CHÙA BÁT NHÃ mỗi tuần vào ngày **THỨ BẢY, từ 8:00 sáng đến 5 giờ chiều** đều có khóa **Tu Học dành riêng cho quý Phật Tử**. Chương trình gồm có: tham cứu về Tịnh Độ tông, Thiền tông, Mật tông, tìm hiểu những giáo lý căn bản của người Phật Tử, nhất là hành trì thực nghiệm trong ngày Tu Học, để đem lại lợi ích thiết thực cho đời sống tâm linh của mỗi người.

Các Khóa Tu này do Chùa bát Nhã cúng dường tất cả vật thực và Chư Tăng Ni sẽ lo cơm nước và vật dụng cần thiết, Phật Tử chỉ lo Tu Học.

Mọi chi tiết cần thiết xin liên lạc **(714) 571-0473** hay **(714) 548-4148**

Cầu Phật Tử gia hộ cho quý vị thân tâm thường thanh tịnh đạo tâm kiên cố.

Địa chỉ Chùa Bát Nhã:

803 S. Sullivan St., Santa Ana, CA 92704



NEWLAND Pharmacy

8401 Westminister Blvd., Westminister, CA 92683

Dược sĩ **PHẠM KIỀU LIỄU**

- Bán thuốc theo toa Bác sĩ
- Nhận Medicare, Medi-cal, Caloptima, MSI và các loại Bảo hiểm sức khỏe

Pharmacy Hours:

Mon - Fri: 10:00 am - 6:00 pm
Sat: 10:00 am - 4:00 pm

Tel: **(714) 892-5372**
Fax: **(714) 893-1359**

T.SIGNS

15151 MORAN ST., WESTMINSTER, CA 92683

Tel. **(714) 890-0932**

Fax: **(714) 891-5602**

LÀM BẢNG HIỆU

Lic. C45 # 735992

HỒ ANH TUẤN

Cựu Từ Nhân Chính Trị Z.30C

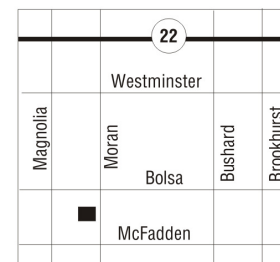
LÀM BẢNG HIỆU VỚI GIÁ WHOLESALE BANNER, CẮT CHỮ ĐỢI LẤY LIỀN

CHUYÊN LÀM CÁC LOẠI BẢNG HIỆU:

- Thùng đèn, chữ hộp đèn
- Neon Window • Chữ Plastic Nổi, Foam
- Menu Box • Magnetic Sign
- Dùng hệ thống Computer Signmaker để Design, Layout cắt Logo và Chữ
- Window Lettering
- Real Estate Sign.

BẢO ĐẢM PHẨM CHẤT TỐT ĐÚNG HẸN • GIÁ PHẢI CHĂNG

Mở cửa 7 ngày trong tuần
9:00 AM - 6:00 PM





CHÁNH PHÁP

Địa chỉ liên lạc:

803 S. Sullivan St.

Santa Ana, CA 92704 – U.S.A.

Tel.: (714) 571-0473

Chủ nhiệm: **HT. Thích Nguyên Trí**
Thủ quỹ: **Ni sư Thích Diệu Tánh**
Trị sự: **ĐD. Thích Đồng Trực**
Tổng Thư ký: **ĐD. Thích Đồng Châu**

Chủ biên: **Vĩnh Hào**

Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

LIÊN LẠC:

- Bài vở: baivochanhphap@gmail.com
- Quảng cáo/Phát hành: (714) 571-0473
- Chi phiếu ủng hộ: xin ghi "CHANH PHÁP" và gửi về địa chỉ trên.

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai hữu duyên trong cả thế giới của trời và người. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "*Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình sẽ trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận.*"

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp màu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

www.chanhphap.net

số **14**

6.2010

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ

CHÙA BÁT NHÃ

803 S.Sullivan St. Santa Ana, CA 92704 – Tel: (714)571-0473

Fax: (714) 568-1009 – Email : batnhacali@yahoo.com

Thư Mời

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính thưa quý Đồng hương, đồng bào Phật tử,

Hòa bình là ước vọng chung của con người trên thế giới. Từ ước vọng này con người luôn tâm nguyện xây dựng và thiết lập một đời sống ấm no, hạnh phúc; kiện toàn một xã hội an hòa, lành mạnh giữa người với người. Hòa bình là nguồn mạch để kiến tạo một cộng đồng xã hội đạt đến Chân, Thiện, Mỹ; là chất liệu bồi đắp và thăng hoa giá trị sống đích thực cho con người trên hành tinh này.

Chính vì ý nghĩa phụng sự cho hòa bình, cũng như nhiều ý nghĩa cho cuộc sống này, chương trình chiêm bái Phật Ngọc Cho Hòa Bình Thế Giới được tổ chức tại chùa Bát Nhã, từ ngày 23-31/ 10/ 2010. Đây là một nhân duyên thù thắng để quý đồng hương, đồng bào Phật tử chiêm bái, đánh lễ tạo phước lành, vun trồng nhân thiện mà cầu nguyện Đạo Pháp Trường Tồn, Thế Giới Hòa Bình, Chúng Sinh An Lạc. Thay mặt Ban Tổ Chức, trân trọng kính mời quý Đồng hương, đồng bào Phật tử hoan hỷ tham dự đồng đủ:

* Lễ Khai Mạc Chiêm Bái Phật Ngọc:

- Địa điểm: Chùa Bát Nhã 803S. Sullivan St, Santa Ana, CA 92704

- Thời gian: 10:00 giờ sáng, Thứ Bảy, ngày 23 tháng 10 năm 2010
(Nhâm ngày 16 tháng 09 năm Canh Dần).

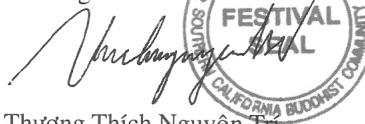
* Lễ Bế Mạc: 05:00 giờ chiều chủ nhật, ngày 31 tháng 10 năm 2010.
(Nhâm ngày 24 tháng 09 năm Canh Dần).

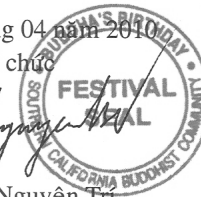
Sự hiện diện của toàn thể quý vị là niềm khích lệ lớn lao cho Ban Tổ Chức .

Thành tâm kính chúc quý vị vô lượng an Khang, cát tường như ý .

Santa Ana ngày 15 tháng 04 năm 2010

Trưởng ban tổ chức


Hòa Thượng Thích Nguyên Trí



CHÁNH PHÁP

803 S. Sullivan Street

Santa Ana, CA 92704

TO: _____

Báo Chánh Pháp số 14, tháng 6 năm 2010, do Chùa Quang Minh (Chicago) ủng hộ ấn phí. Tòa soạn xin thành tâm cảm tạ. Kính nguyện quý bốn tự và chư Phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.